

Nguyệt san



CHÁNH PHÁP

HOÀNG PHÁP ■ GIÁO DỤC ■ VĂN HỌC PHẬT GIÁO ■ TIN TỨC PHẬT SỰ



*"Người tâm không an định, không hiểu biết Chánh pháp,
lòng tin không kiên cố, thì trí tuệ khó thành."*

(Kinh Pháp Cú, phẩm Tâm, câu 38)

136

THÁNG 3.2023



CHÁNH PHÁP

HOÀNG PHÁP — GIÁO DỤC — VĂN HỌC PHẬT GIÁO — TIN TỨC PHẬT SỰ

Địa chỉ tòa soạn: 4717 W. First Street, Santa Ana, CA 92703 – U.S.A. | Tel.: (714) 571-0473 | Email: baivochanhphap@gmail.com
Website: chanhphap.us | chanhphap.org | chanhphap.net

Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Trí**
Thủ quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**

Chủ bút: **Vĩnh Hào**

Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Tâm Quang**

Hình ảnh: **Pixabay.com**

LIÊN LẠC:

• Bài vở: baivochanhphap@gmail.com

• Quảng cáo / Phát hành:

(714) 266-4171

• Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHAP

11502 Daniel Ave.

Garden Grove, CA 92840

hoặc Zelle số phone: **714.266.4171**

(Memo ghi "Ủng hộ CP" -

xin gọi hoặc nhắn tin trước khi zelle)

*

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, những bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đứng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp màu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

Nguyệt san Chánh Pháp là báo biểu, không trả nhuận bút cho bài vở gửi đăng. Quý văn thi hữu nào muốn có nhuận bút xin ghi rõ "có nhuận bút" và địa chỉ liên lạc để tòa soạn quyết định. Bài gửi đăng xin đánh máy sẵn và gửi bằng electronic file qua email:

baivochanhphap@gmail.com

Trân trọng cảm ơn.

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), trang 3
- **ĐÓN GIAO THỪA QUÝ MÃO** (thơ ĐNT Tín Nghĩa), trang 6
- **NHỮNG YẾU ĐIỂM CỦA TƯ TƯỞNG DUY THỨC** (HT. Thích Thắng Hoan), trang 7
- **MƯỜI PHƯƠNG DIU MÁT** (thơ Hồ Bích Hợp), trang 9
- **SỰ BÀN CÙNG TRONG THÁNH PHÁP** (Quảng Tánh), trang 10
- **THÔNG TƯ V/V CỨU TRỢ NẠN NHÂN ĐỘNG ĐẤT TẠI THỔ NHĨ KỲ VÀ SYRIA** (GHPGVNTN Hoa Kỳ), trang 11
- **TƯ TƯỞNG** (Nguyên Siêu), tr. 12
- **PHẬT PHÁP TẠI THẾ GIỚI, CHẴNG LÀ THỂ GIỚI** (Nguyễn Thế Đăng), trang 13
- **TỰ LỰC, THA LỰC** (Thiền sư Bankei, Ns. Trí Hải dịch), tr. 16
- **ĐẠP VỖ TA RA, ĐỂ THẤY TA** (Đạo Sinh), trang 17
- **XUÂN THIÊN, XUÂN CẢM...** (thơ Chúc Hiền) trang 18
- **THIÊN SƯ TẾ NHƠN HỮU BUI...** (Thích Thanh Minh), tr. 19
- **MẸ DẠY CON NGỒI NHƯ NÚI** (thơ Nguyên Giác), trang 24
- **TÌM HIỂU KINH BÁT ĐẠI NHÂN GIÁC** (TN. Hằng Như), trang 25
- **SÁNG TÂM THIÊN, MỘT HÀI VỆ TÂY** (thơ Diệu Viên), tr. 28
- **THÔNG TƯ PHẬT ĐẢN LẦN THỨ 2647** (HĐH GHPGVNT-NHK), trang 29
- **CHÁNH TÍN – CHÁNH KIẾN TRONG ĐẠO PHẬT** (GDPTVN), trang 30
- **QUÊ NHÀ NGÀN NĂM** (thơ Mặc Phương Tử), trang 31
- **TÂM THƯ V/V ẨM HÀNH ĐẠI TẠNG KINH VIỆT NAM** (HT Thích Nguyên Siêu), trang 32
- **HÌNH HÀI HƯ HAO** (Tiểu Lục Thần Phong), trang 39
- **BẢO VỆ SANH LINH** (thơ TM Ngô Tăng Giao), trang 40
- **THIÊN SƯ VÀ NGƯỜI NGOẠI ĐẠO** (Thiện Quả Đào Văn Bình), trang 41
- **TRĂNG RẼM THÁNG GIÊNG** (thơ Xuyên Trà) trang 42
- **BÀN VIỆT DỊCH "HIỆN TƯỢNG LUẬN PHẬT GIÁO"** của THÍCH NHUẬN CHÂU (Huỳnh Kim Quang), trang 43
- **SÚP CHUA THUẦN CHAY** (Hồng Hương), trang 48
- **TRUYỆN CỤC NGẮN** (Steven N), trang 49
- **ĐỌC THƠ PHƯƠNG TẤN** (Tôn Nữ Qui Hồng), trang 51
- **TỨ CÚ LỤC BÁT "THIỆN DUY-ÊN"** (thơ Vĩnh Hữu – Tâm Không), trang 53
- **TIỂU LỤC THẦN PHONG: NHƯ CON ĐO BÊN MẾP NƯỚC...** (Trần Hoàng Vy), trang 54
- **ĐÔI TA** (thơ Hồ Thanh Nhã), trang 55
- **KIỆN TRÌ TU TẬP DẸP BÓT "CÁI TA"** (Tâm Lương Đào Mạnh Xuân) trang 56
- **HỌA TÀN KHỐC** (thơ Thanh Nguyễn), trang 57
- **TRÍ NHỚ** (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 58
- **LỜI CẦU NGUYỆN RẼM THÁNG GIÊNG** (thơ Hoàng Thục Uyên), trang 60
- **CỜ TRỜI tập 1 – chương 2, t.t.** (truyện dài Vĩnh Hào), tr. 61
- **TÌNH TÂN VÌ ĐẠO** (Truyện cổ Phật giáo) trang 65
- **THE STORY OF DEVA(ANGEL) ANKURA** (Daw Tin), trang 66



Báo Chánh Pháp số 136, tháng 03.2023, do Phật Học Viện Quốc Tế (CA) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phẩm. Tòa soạn xin thành tâm cảm tạ. Kính nguyện quý tự và chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa Soạn

THOÁT VÒNG TỤC LUY

Bỗng "một hôm, ngọn gió tình yêu lại" (1). Đời kéo ta đi từ thuở ấy.

Quê xưa bỏ lại, hăm hở chạy theo tiếng gọi con tim. Tiếng gọi dịu dàng, nhỏ nhẹ, mà kéo sập cả khung trời lý tưởng xung thiên (2).

Để rồi đi quanh, đi quanh, trên những con đường đầy hoa thơm mật ngọt; say mềm đời ong bướm.

Có những đêm giạt mình trở giấc. Nằm im. Lắng nghe tiếng lặng đêm sâu.

U hoài mộng lớn ngày xưa.

Cơn mê tình nào ai buộc trói; chỉ do mình, tự nhiên tự mê. (3)

Như con chim đứng lặng trong lồng son, như con cá bơi lội trong hồ kiếng: tiếc nhìn nước biếc trời xanh.

Vòng tục luy bao người tham đắm. Biết bao giờ cởi trói, thoát ly.

Chỉ khi nào nhận ra được ngay từ đầu, gốc rễ dẫn đến sự mê nhiễm, may ra mới không đắm nhiễm. Gốc rễ ấy chính là Ái (dục). Từ Ái (dục) mà sinh tâm bám giữ, đắm trước (Thủ) (4).

Những bậc thông tuệ, với nhiều phước lành, đã có thể dũng mãnh vượt thoát vòng lưới mê tình (5): thiên lý nhàn du thân tự tại, lòng tịnh trăm năm chốn không môn.

Nếu không được vậy thì phải phấn đấu với cả tâm chí quyết liệt của mình để đi vào đời mà không nhiễm đời (6), ở trong đời mà vẫn vui với lẽ đạo huyền vi (7).

Hoặc ít ra, dù ở đâu vẫn luôn thấy được những ngọn núi cao ngất của cổ quận quê xưa.

Núi cao có thể định hướng cho những người đi lạc trong cõi đời ô trược, vô minh.



Từ phương ngoại, ngưỡng vọng những cao sơn sừng sững dưới đôi vầng nhật nguyệt thiên thu.

- 1) Thơ Huy Cận, trong bài Áo Tiểu Thư: "Một hôm trận gió tình yêu lại / Đứng gần trông với áo tiểu thư".
- 2) Xung thiên chí (chữ của Thiền sư Quảng Nghiêm, 1121-1190, trong bài *Hữu Hướng Như Lai*), là chí khí vượt đến trời cao.
- 3) Ý từ một câu trong Cảnh Sách Văn "Đàn tình bất phụ vật, vật khởi ngại nhân" - nếu tâm không lụy cảnh thì cảnh nào mà ngăn ngại tâm (Thiền sư Qui Sơn Linh Hựu, 771-853).
- 4) Ái và Thủ là hai mắt xích trong chuỗi 12 nhân duyên dẫn chúng sinh trôi lăn trong luân hồi.
- 5) Hòa thượng Thích Quảng Độ đã dịch tác phẩm sử truyện của Đại sư Tịnh Vân, đặt một tựa đề rất ý nghĩa, nói lên tâm chí của bậc xuất trần: "Thoát Vòng Tục Luy." Tên đúng của tác phẩm này là "Ngọc Lâm Quốc Sư Truyện", được xuất bản lần đầu tiên vào năm 1954; đến năm 1992 thì được chuyển thể thành phim truyền hình với tựa đề "Tái Thế Tình Duyên"; phiên bản tiếng Anh do Hawker Records phát hành bằng DVD, VCD là "Continued Fate of Love". Các tựa đề phim ảnh không nêu được chí xuất trần và hành trạng của Quốc sư Ngọc Lâm (1614-1675), mà chỉ nhấn mạnh hệ quả và câu chuyện ái tình. Do đó, phải nói rằng Hòa thượng Thích Quảng Độ (1928-2020) đã có một bản dịch rất lưu loát, bóng bẩy, tự nhiên như văn viết, và đặc biệt là đã đặt một tựa đề xứng hợp nhất cho tác phẩm sử truyện đời của Đại sư Tịnh Vân (1927-2023). Cả hai vị dịch giả và tác giả của sử truyện này đều viên tịch vào tháng 2 dương lịch.
- 6) Thiệp trần tục nhĩ bất nhiễm (đi vào cuộc đời mà không nhiễm).
- 7) *Cử trần lạc đạo* (tên bài phú của vua Trần Nhân Tông, 1258-1308).

TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

ĐÀI LOAN: Hội Phật giáo Từ Tế huy động nỗ lực cứu trợ cho những người sống sót sau trận động đất ở Thổ Nhĩ Kỳ

Hội Phật giáo Từ Tế của Đài Loan đã thành lập một trung tâm điều phối cứu trợ thiên tai tại chi nhánh ở Istanbul, tổ chức các hoạt động cứu trợ để đối phó với trận động đất kinh hoàng đã gây ra thiệt hại nặng nề về người ở miền nam Thổ Nhĩ Kỳ và một phần của Syria.

Ứng phó trong vòng vài giờ sau khi trận động đất đầu tiên được báo cáo vào ngày 6-2-2023, trụ sở toàn cầu của Tổ chức Phật giáo Từ Tế đã đưa ra lời kêu gọi quyên góp và bắt đầu chuẩn bị các nguồn cung cấp cần thiết khẩn cấp.

Hội Từ Tế thông báo, "Tại buổi cầu nguyện thường kỳ của tổ chức vào ngày 7-2, tình nguyện viên từ 23 quốc gia đã cùng với các Pháp sư, nhân viên và tình nguyện viên của trụ sở chính quyên góp quỹ và cầu nguyện cho những người sống sót sau trận động đất."

Để hỗ trợ những người sống sót trong thời tiết lạnh giá của mùa đông, Hội Từ Tế đã chuẩn bị một khoản quyên góp ban đầu gồm 8,148 chiếc chăn sinh thái siêu dày (1, 358 hộp), được làm từ 100% chai PET tái chế. Những thứ này đã chính thức được trao cho Đại diện Muhammed Berdibek của Văn phòng Thương mại Thổ Nhĩ Kỳ tại Đài Bắc trong một buổi lễ vào ngày 9-2-2023.

Trong khi đó, một nhóm đánh giá cứu trợ đang chuẩn bị khởi hành đến Thổ Nhĩ Kỳ. Hội cũng đã hợp tác với Văn phòng Thương mại Thổ Nhĩ Kỳ ở Đài Bắc để nhận các khoản quyên góp bằng hiện vật để giúp đỡ những người sống sót sau trận động đất.

(Buddhistdoor Global – February 10, 2023)



Tình nguyện viên Hội Từ Tế đóng gói chăn mền vào ngày 9-2 để chuyển đến những người sống sót sau trận động đất



Các tình nguyện viên Từ Tế chuẩn bị chăn cho những người sống sót sau trận động đất ở Thổ Nhĩ Kỳ vào ngày 7-2
Photos: Hội Phật giáo Từ Tế

ẤN ĐỘ: 108 nhà sư Hàn Quốc bắt đầu cuộc hành hương đi bộ dài hơn 1,100 km

VARANASI, Uttar Pradesh - Ngày 11-2-2023, một nhóm gồm 108 nhà sư của Tông phái Tào Khê từ Hàn Quốc đã bắt đầu cuộc hành hương đi bộ dài hơn 1,100 km trong 43 ngày từ Sarnath để lần theo dấu chân và hành trình cuộc đời của Đức Phật ở Ấn Độ.

Cuộc hành hương đi bộ này sẽ kết thúc tại Shravasti sau khi đi qua Nepal. Chuyến hành hương cũng đánh dấu 50 năm thiết lập quan hệ ngoại giao giữa Ấn-Hàn.

Sự kiện sáng tạo nói trên được tổ chức với sự hợp tác chung của cả 2 nước nhằm tăng cường hơn nữa sự hợp tác và tình hữu nghị chung giữa 2 nước và tổ chức cầu nguyện cho hòa bình chung giữa 2 nước. Cuộc hành hương này bắt đầu bằng

một buổi cầu nguyện tại bảo tháp Dhammek ở Sarnath, nơi Đức Phật đã thuyết giảng những bài pháp đầu tiên của Ngài.

Nhóm các nhà sư sẽ đi bộ dọc theo toàn bộ mạng mạch Phật giáo bao gồm Lâm Tì Ni, Nepal, nơi đản sinh của Đức Phật, đến Câu Thi Na, nơi Ngài nhập Niết Bàn.

Đơn vị tổ chức cuộc hành hương này là Hội Hành hương Ấn Độ Sangwol.

(indiatimes.com - February 12, 2023)



Phái đoàn hành hương Tông phái Tào Khê tiến hành nghi lễ tại Seoul trước khi lên đường sang Ấn Độ
Photo: koreabizwire.com



Đoàn hành hương trên đất Ấn Độ
Photo: timesofindia.indiatimes.com

CỘNG HÒA KYRGYZSTAN: Tàn tích của một ngôi chùa Phật giáo nghìn năm tuổi sẽ được mở cửa cho công chúng

Phần còn lại được khai quật của một ngôi chùa Phật giáo cổ ở Kyrgyzstan sẽ mở cửa cho công chúng vào giữa tháng 9-2023 như

một phần của di sản thế giới Krasnaya Rechka của UNESCO.

Từ năm 1940 đến năm 2000, các nhà khảo cổ khai quật ở Thung lũng Chui đã phát hiện ra các thị trấn và công trình kiến trúc hoành tráng có niên đại từ thế kỷ thứ 5 đến thế kỷ 12 - phần ảnh truyền thống văn hóa và nghệ thuật của nhiều quốc gia và dân tộc, từ Byzantium ở phía tây đến Ấn Độ ở phía nam và Trung Hoa ở phía đông.

Ngôi chùa cổ Phật giáo được xây dựng cách đây hơn 1.000 năm này là ngôi chùa thứ hai được tìm thấy vào năm 2010 gần Krasnaya Rechka (Thành phố Navekat).

Trong số các công trình kiến trúc Phật giáo thời kỳ đầu thời trung cổ được khai quật ở Thung lũng Chui, ngôi chùa Phật giáo Navekat thứ hai (Krasnaya Rechka) nói trên là công trình kiến trúc duy nhất được bảo tồn tốt.

Valery Kolchenko, một nhà khảo cổ học địa phương, nói rằng ngôi chùa này là địa điểm duy nhất còn lại được làm hoàn toàn bằng đất sét. Nó chứa một pho tượng Phật nhập Niết bàn cao 36 foot, một phần của tượng được đặt trong một bảo tàng di sản của Nga ở St. Petersburg.

(Arkeonews – February 10, 2023)



Phần còn lại được khai quật của một ngôi chùa Phật giáo cổ ở Kyrgyzstan sẽ mở cửa cho công chúng vào giữa tháng 9 như một phần của di sản thế giới Krasnaya Rechka của UNESCO

CAM BỐT: Lễ hội Phật giáo Meak Bochea

Ngày 5-2-2023, hàng trăm nhà sư và tín đồ Phật giáo, quan chức chính phủ và sinh viên đã tổ chức lễ hội Meak Bochea tại Phnom Preah Reach-Trop – cổ đô Oudong – với sự tham dự của

ông Men Sam An, Bộ trưởng Quan hệ và Thanh tra Quốc hội -Thượng viện.

Meak Bochea, còn được quốc tế gọi là Magha Puja hay Ngày Đức Phật, được tổ chức vào ngày trăng tròn của tháng thứ ba theo lịch Khmer truyền thống. Đây là lễ kỷ niệm ngày Đức Phật tuyên bố thành lập Phật giáo ở Ấn Độ vào năm 588 trước Công nguyên, chỉ 9 tháng sau khi Ngài giác ngộ.

Chủ tịch Quốc hội Heng Samrin phát biểu trên mạng xã hội rằng Meak Bochea là một lễ hội quan trọng trong Phật giáo, được tín đồ tổ chức hàng năm.

Hòa thượng Kou Sopheap của chùa Nikrothavorn (còn được gọi là Kol Toteung) đã tổ chức buổi lễ tại chùa ở làng Koh Krabei, xã Prek Thmei, huyện Chbar Ampov, Phnom Penh. Ông nói rằng tất cả mọi người nên đưa con cái của họ đi mừng lễ để bảo tồn truyền thống Phật giáo Khmer.

Bộ trưởng Bộ Giáo phái và Tôn giáo Seng Somony cho biết lễ hội này đóng một vai trò quan trọng trên toàn thế giới, bao gồm cả ở Cam Bốt, trong việc thực hành Phật giáo theo tinh thần hòa bình.

(Phnom Penh Post - February 8, 2023)

PAKISTAN: Dự án bảo tồn và thúc đẩy sự hiểu biết về di sản văn hóa của Phật giáo Gandhara

Vào ngày 10-2-2023, Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA) đã ký thỏa thuận viện trợ không hoàn lại với Chính phủ Cộng hòa Hồi giáo Pakistan tại Islamabad để cung cấp khoản viện trợ không hoàn lại cho dự án cải tiến thiết bị trưng bày và bảo tồn Bảo tàng Taxila (số tiền tài trợ: 48.8 triệu Yen).

-Mục tiêu và Tóm tắt của dự án:

Bảo tàng Taxila nằm giữa tàn tích Phật giáo Gandhara cổ đại ở Taxila, Pakistan, một Di sản Thế giới được UNESCO công nhận với nghệ thuật Gandhara có giá trị lịch sử và văn hóa to lớn.

Bảo tàng lưu giữ và trưng bày những cổ vật quý giá được khai quật tại khu vực này.

Hiện tại, chỉ có khoảng 30% tàn tích tại địa điểm này đã được khai quật và việc khai quật vẫn đang được tiến hành.

Tuy nhiên, mặc dù tỷ lệ này thấp, nhưng không có đủ cơ sở vật chất và trang thiết bị để trưng bày số lượng tác phẩm khai quật ngày càng tăng trong bảo tàng, cũng như để ngăn chặn những hiện vật này xuống cấp.

Dự án này nhằm mục đích thúc đẩy sự hiểu biết về lịch sử và di sản văn hóa của Phật giáo Gandhara đối với du khách trong và ngoài nước, và sẽ làm như vậy bằng cách cung cấp cho Bảo tàng Taxila các thiết bị cần thiết để nâng cao năng lực bảo tồn và triển lãm các hiện vật lịch sử được khai quật từ tàn tích Gandhara.

Dự án này cũng nhằm mục đích làm phong phú thêm về giáo dục văn hóa cho thanh niên và tạo điều kiện bảo tồn văn hóa, qua đó đóng góp cho các mục tiêu phát triển bền vững và mục tiêu Thành phố và cộng đồng bền vững.

(jica.go.jp – February 13, 2023)



Lễ ký kết giữa JICA và Pakistan về Dự án bảo tồn và thúc đẩy sự hiểu biết về di sản văn hóa của Phật giáo Gandhara
Photo: jica.go.jp

TÍCH LAN: Trung tâm Thiền định Phật giáo Quốc tế Paramitha khánh thành tượng Phật do Indonesia tặng

Kadugannawa, Tích Lan - Người đứng đầu Tăng đoàn Theravada Indonesia, Tỳ kheo Sri Pannyavaro Mahanayaka Thera, đã tặng tượng Phật cho Tích Lan - gồm 1 tượng Phật lớn và 10 tượng nhỏ. Các tượng này được đặt tại khu vực Trung tâm Thiền định Phật giáo Quốc tế Paramitha ở Kadugannawa, Tích Lan.

Tượng Phật Indonesia đã được khánh thành vào ngày 1-2-2023 bởi Hòa thượng Vedaruwe Upali Anunayaka Thero tại lễ khánh thành Tượng Phật bằng

đá và Đường vào Nội bộ tại Trung tâm Thiền định Phật giáo Quốc tế Paramitha, Kadugannawa.

Bức tượng Phật Indonesia lớn này được chạm khắc bởi những nhà điêu khắc giỏi nhất ở quận Muntilan - gần Đền Borobudur ở Magelang, Indonesia.

Tượng được chạm khắc với những đường nét chính của pho tượng Phật tại Đền Borobudur, từ một tảng đá andesit (loại đá núi lửa) nguyên vẹn có chất lượng rất tốt, nặng 5.5 tấn và cao 2 mét. Các tượng Phật do Indonesia trao tặng nói trên có giá trị về lịch sử, khảo cổ, thẩm mỹ, xã hội, văn hóa và tôn giáo.

(Tipitaka Network - February 17, 2023)



*Tượng Phật bằng đá do Indonesia tặng Tích Lan được tôn trí tại Trung tâm Thiền định Phật giáo Quốc tế Paramitha
Photo: Tipitaka Network*

HOA KỲ- ĐÀI LOAN: Hội Phật giáo Từ Tế công bố Quý phù hợp trị giá 1 triệu Đô la Mỹ cho nỗ lực cứu trợ động đất ở Thổ Nhĩ Kỳ

Từ Tế USA, bộ phận tại Hoa Kỳ của Hội Phật giáo Từ Tế - tổ chức nhân đạo và từ thiện toàn cầu có trụ sở chính tại Đài Loan - đã công bố một quỹ phù hợp trị giá 1 triệu Đô la Mỹ cho nỗ lực cứu trợ động đất ở Thổ Nhĩ Kỳ.

Sau những trận động đất và dư chấn tàn khốc trong khu vực, các đội ứng phó thảm họa của Từ Tế đã làm việc vất vả để tiếp cận những người ở tâm chấn của thảm họa nhân đạo ở Thổ Nhĩ Kỳ.

Chuyến hàng đầu tiên trong 3 chuyến hàng của các tình nguyện viên Từ Tế là chăn-sinh-thái siêu dày, được làm từ 100% chai PET tái chế, đã đến Istanbul từ Đài Bắc vào ngày 10-2.

Trong khi đó, các tình

nguyên viên Từ Tế Thổ Nhĩ Kỳ đã sắp xếp để cung cấp thẻ quà tặng cho những người sống sót sau trận động đất. Họ có thể sử dụng thẻ này để mua thực phẩm và các nhu yếu phẩm khác từ các siêu thị địa phương.

Hội Từ Tế nói thêm rằng các giáo viên, nhân viên, học sinh và cựu học viên từ Trường Quốc tế El Menahil của Từ Tế ở Istanbul cũng đã tình nguyện đến các khu vực bị ảnh hưởng, trong khi những người khác đã hiến máu.

(Buddhistdoor global - February 15, 2023)



Các tình nguyện viên Từ Tế chuẩn bị vận chuyển những chiếc chăn-sinh-thái siêu dày—Photo: Hội Từ Tế

TÍCH LAN: Đại học Pali và Phật giáo sẽ được chuyển đổi thành trung tâm nghiên cứu Phật học quốc tế

Tổng thống Ranil Wickremesinghe nói rằng ông đã đồng ý với một số yêu cầu của Trưởng lão Maha Nayaka của Tăng hội Malwathu và Asgiri, trong cuộc thảo luận được tổ chức ngày 19-2 giữa các thành viên Ủy ban Tăng đoàn và Tổng thống tại Phủ Tổng thống ở Kandy.

Chủ tịch nước cho biết sẽ nhanh chóng làm việc để chỉ định một cơ quan có thẩm quyền cho Đại học Phật giáo và Pali và biến nó thành một "Trung tâm Nghiên cứu Phật giáo Quốc tế". Đề nghị này của các thành viên Ban Tăng sự là rất cần thiết và chắc chắn sẽ được thực hiện để nâng cao chất lượng giáo dục Piriven.

Trong cuộc thảo luận, Tổng thống cũng đã chấp nhận lời mời của Trưởng lão Maha Nayaka thuộc Tăng hội Malwathu và Asgiri để tổ chức Đại lễ Vesak 2023 dưới sự bảo trợ của chính phủ nhằm mang lại sự phục hưng Phật giáo

trong nước.

Tổng thống cũng đề cập rằng tất cả các giải pháp khả thi sẽ được cung cấp cho các vấn đề của chư tăng và chùa chiền, là những vấn đề đã được thảo luận rất lâu trong cuộc họp này.
(dailynews.lk - 20/02/2023)



Tổng thống Tích Lan Ranil Wickremesinghe trong cuộc thảo luận với Tăng hội Malwathu và Asgiri—Photo: dailynews.lk

ĐÀI LOAN: Hàng chục ngàn người dự tang lễ của Đại sư Tinh Vân, người sáng lập Phật Quang Sơn

Vào ngày 13-2-2023, hàng chục ngàn người đưa tang đã tập trung tại thành phố duyên hải Cao Hùng của Đài Loan để dự tang lễ của nhà sư và vị thầy Phật giáo có ảnh hưởng, Hòa thượng Tin Vân. Ngài là vị Tổ thứ 48 của tông Lâm Tế, tổ sáng lập Phật giáo Phật Quang Sơn và Hiệp hội Phật Quang Quốc tế tại Đài Loan, và là nhân vật hàng đầu trong phong trào Phật giáo Nhân văn. Ngài viên tịch vào ngày 5-2-2023 ở tuổi 97.



*Đại sư Tinh Vân
Photo: Fo Guang Shan Facebook*



Phật Quang Sơn, Taiwan

Sau lễ rước quanh khuôn viên của Phật Quang Sơn trước hàng chục ngàn tín đồ xuất gia và cư sĩ, hải cốt của Đại sư Tịnh Vân được đặt trước một bàn thờ đầy hoa và một hình ảnh lớn của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni khi các vị cao tăng dâng hương theo từng nhóm 3 người.

Lễ hỏa táng bắt đầu vào đúng 2:22 chiều, với lời chia sẻ cuối cùng của Trụ trì Phật Quang Sơn Hsin Bau. Tro cốt của Hsing Yun sau đó được an táng tại Fo Guang Shan's Trường thọ Viên của Phật Quang Sơn.

(Buddhistdoor Global – February 20, 2023)



*Chư tăng dẫn đầu lễ rước quanh khuôn viên của Phật Quang Sơn
Photo: taipeitimes.com*



*Quang cảnh bên ngoài sảnh tang lễ
Photo: taiwannews.com.tw*



ĐÓN GIAO THỪA QUÝ MÃO – 2023

*Giao thừa Quý Mão đã đến rồi
Phật tử đồng hương vui thật vui
Quý Mão đến rồi mong tươi đẹp,
Nhâm Dần tiễn biệt hết vận xui.*

*Cầu mong phước đức luôn tái hợp
Thâm nguyện tai ương lặng lẽ trôi
Tươi mát trọn năm cho nhân loại
Voi đi khổ lụy bớt u hoài...*

(Quý Mão mạnh xuân – Jan. 23rd, 2023)

thơ

ĐIỀU NGỰ TỬ TÍN NGHĨA

NHỮNG YẾU ĐIỂM CỦA TƯ TƯỞNG DUY THỨC

HT. Thích Thắng Hoan

TƯ TƯỞNG PHÁT HỌC

LỜI GIẢI BÀY

Duy Thức Học là môn triết học và cũng là môn tâm học. Duy Thức Học được gọi là môn triết học vì môn học này nhằm khai triển tận cùng nguyên lý của vạn hữu vũ trụ nhân sanh mà vạn hữu vũ trụ nhân sanh thì rộng lớn bao la không bờ bến; và nguyên lý lại nằm trong lãnh vực tánh không, không có hiện hữu và lại còn phức tạp. Duy Thức Học cũng gọi là môn tâm học vì môn học này đứng trên lập trường tâm linh để lý giải vạn pháp mà tâm linh lại sinh hoạt không hiển lộ, khó đưa lên trên bình diện thực tại như khoa học vật lý, nhưng không thể thiếu mặt nó trong mọi sinh hoạt của vạn hữu vũ trụ nhân sanh.

Vì muốn định rõ giá trị sự cấu trúc đa dạng cũng như sự sinh hoạt của vạn hữu vũ trụ nhân sanh trên lãnh vực tâm linh, Duy Thức học thiết lập rất nhiều danh từ chuyên môn để minh giải tường tận mọi mặt từ sự tướng đến lý tánh, từ sai biệt cả thể đến tổ hợp tổng thể, và từ cụ thể đơn giản đến chỗ thâm sâu bí ẩn. Trường hợp đây của Duy Thức Học so sánh không khác khoa học vật lý, khoa học vật lý cũng có rất nhiều danh từ chuyên môn phức tạp và cũng không thể thiếu trong sự lý giải giá trị vật lý học.

Những người nghiên cứu Duy Thức Học, nếu như không nắm được hệ thống tư tưởng của Duy Thức, lại gặp phải những danh từ chuyên môn đa dạng và phức tạp này thì dễ bị lạc vào rừng triết học không lối thoát và cũng sẽ bị lạc hướng nhận thức, phê phán sai lập trường của Duy Thức chủ trương. Muốn thông bác tư tưởng Duy Thức Học, người nghiên cứu trước hết phải thấu triệt yếu nghĩa và giá trị danh từ chuyên môn triết học của nó, cũng như con người muốn trở thành Bác sĩ Y Khoa nổi tiếng mọi mặt thì phải nắm lòng danh từ chuyên môn y học. Danh từ chuyên môn triết học của Duy Thức Học mặc dù rất nhiều, đa dạng và phức tạp, nhưng diễn đạt không ngoài giải bày hệ thống tư tưởng của tâm linh trên bình diện cụ thể, và ai nắm được hệ thống tư tưởng tâm linh chính là người thấu triệt được yếu nghĩa và mục đích của Duy Thức.

Để giúp đỡ những người yêu thích môn học Duy Thức sớm lãnh hội được chiều sâu mục đích và hệ thống tư tưởng của môn học này diễn đạt, tôi xin trình bày tóm lược những điểm căn bản của nó với nhan đề là “Những Yếu Điểm Của Tư Tưởng Duy Thức” ngõ hầu dùng làm phương châm cho việc nghiên cứu. Quý vị nào sau khi nắm vững những yếu điểm của quyển sách đây trình bày, sẽ đi vào rừng tư tưởng của Duy Thức Học khỏi bị bơ vơ và lạc hướng, nguyên vì bao nhiêu danh từ triết học mà nó sử dụng mặc dù phức tạp đến đâu, diễn tả cũng không ngoài những yếu điểm tư tưởng của tác phẩm nói trên. Quyển sách “Những Yếu Điểm Của Tư Tưởng Duy Thức” đúng là cẩm nang giúp quý học giả không khó trong việc tham khảo và dễ dàng hướng dẫn mọi người thông đạt tư tưởng Duy Thức Học.

Ngưỡng mong các bậc cao minh Duy Thức Học khi đọc qua tác phẩm này nhận thấy những chỗ khuyết điểm nào thì kính xin chỉ bảo cho.

Cần bút

Thích Thắng Hoan

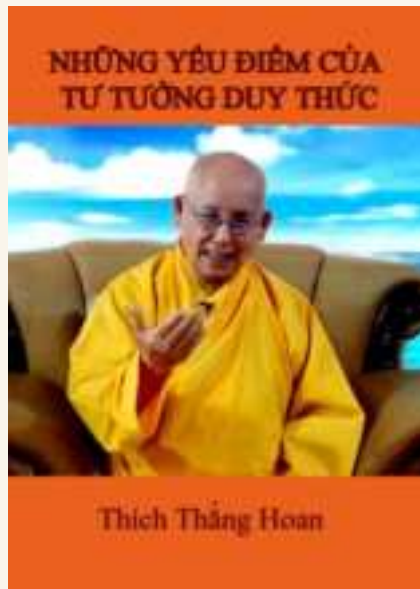
I.- ĐỊNH NGHĨA:

1. Duy Thức: nghĩa là chỉ có sự hiểu biết là trên hết và cũng chỉ có sự hiểu biết mới đủ khả năng xây dựng vạn pháp thành hình tướng khác nhau.

2. Duy Thức Học: nghĩa là môn học nhằm tìm hiểu nguồn gốc phát sanh ra sự hiểu biết. Theo nhà Duy Thức, sự hiểu biết này phát sanh từ nơi Tâm Linh nên gọi là Tâm Thức.

3. Danh Nghĩa Duy Thức Tông: những nhà tham học về môn Duy Thức đã làm cho môn này trở thành phong trào chuyên nghiệp, khai triển nguồn gốc sanh ra vạn pháp qua Duy Thức biến hiện gọi là Duy Thức Tông. Duy Thức Tông còn có tên khác nữa là Pháp Tướng Tông.

a) Duy Thức Tông: là tông phái chuyên môn nghiên cứu tâm thức thuộc chủ thể biến hiện vạn pháp từ đâu sanh ra. Theo Duy Thức Tông, chủ thể biến hiện vạn pháp chính là Tâm Thức, nghĩa là không có Tâm Thức thì nhất định không có vạn pháp.



b) Pháp Tướng Tông: là tông phái chuyên môn nghiên cứu vạn pháp thuộc đối tượng do tâm thức biến hiện từ đâu sanh ra.

II.- MỤC ĐÍCH CỦA DUY THỨC HỌC:

Duy Thức Học là môn học về tâm bắt đầu từ nơi thức, nguyên do tâm chính là bản thể của thức và thức thì được phát sanh từ nơi tâm thể. Tâm thể nếu như không có thì nhất định không có thức và thức thì thuộc về sự tác dụng của tâm thể nên gọi là Tâm Thức. Nhưng Tâm Thức ở đây là chỉ cho Tạng Thức (Thức Alaya) là một loại tâm thức có khả năng tàng trữ, xây dựng và bảo trì vạn pháp.

Mục đích của Duy Thức Học là khai thác vạn pháp cũng như loài người từ đâu sanh ra và Duy Thức biến hiện bằng cách nào để biện minh lập trường nhận thức cho học thuyết Duy Thức.

III.- SỰ HÌNH THÀNH DUY THỨC HỌC:

Môn học Duy Thức đầu tiên bắt nguồn từ các bộ kinh do đức Phật Thích Ca giảng giải như: Kinh Lăng Già, Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Lăng Nghiêm, Kinh Giải Thâm Mật, Kinh Mật Nghiêm, Kinh Công Đức Trang Nghiêm, v.v... do các hàng Đại Bồ Tát đặc pháp sáng tạo.

1. Bồ Tát Di Lặc (Maitreya): là tổ đầu tiên Duy Thức Học với bộ luận gọi là Du Già Sư Địa Luận (Yogācāryabhūmi - sāstra), gồm 100 quyển, nhằm phát huy tư tưởng A Lại Da Duyên Khởi.

2. Bồ Tát Thế Thân (vào khoảng Thế Kỷ thứ IV và thứ V Tây Lịch): là người thành lập tông phái Duy Thức gọi là Duy Thức Tông với bộ luận Duy Thức Tam Thập Luận (Vidyāmātrasi-dhītridasa-sāstra-kārikā).

3. Ngài Huyền Trang đời Đường (vào khoảng Thế Kỷ thứ VII Tây Lịch) đặc pháp về môn Duy Thức với ngài Giới Hiền tại Ấn Độ, và về nước thành lập tông phái Pháp Tướng gọi là Pháp Tướng Tông với tác phẩm *Thành Duy Thức Luận*.

IV.- NGUYÊN TẮC KHẢO SÁT VẠN PHÁP:

Vạn pháp hiện có mặt trong thế gian với hình thức duyên sanh do Duy Thức biến hiện nhất định phải có thể tánh của chúng làm nền tảng căn bản. Vạn pháp nếu như không có thể tánh thì nhất định không có mặt trong thế gian. Theo nhà Duy Thức, vạn pháp hiện có mặt trong thế gian đều thuộc về phần tác dụng hiện tượng của thể tánh. Muốn biết thể tánh của vạn pháp như thế nào, người nghiên cứu nên bắt đầu khảo sát từ phần tác dụng hiện tượng trong thế gian để tìm ra nguyên lý chân thật của chúng. Nguyên tắc khảo sát theo Duy Thức Học bằng phương pháp Quy Nạp (Induction) với công thức Thể, Tướng và Dụng làm tiêu chuẩn cho việc nghiên cứu. Phương pháp Quy Nạp là phương pháp khởi điểm từ hiện tượng để khảo sát nguyên lý, từ hình tướng để để tìm ra thể tánh, từ vọng động để hiển bày chân như. Còn ý nghĩa công thức Thể, Tướng và Dụng được trình bày như sau:

1. **Thế (State):** gọi cho đủ là bản thể, nghĩa là thể tánh của vạn pháp, tức là nguồn gốc phát sanh ra vạn pháp. Vạn pháp được sanh thành nhất định phải có bản thể mới được tồn tại lâu dài và sự tồn tại của vạn pháp chính là nhờ sự đóng góp và sự có mặt của bản thể để duy trì sanh mệnh của vạn pháp. Bản Thể của vạn pháp có hai loại:

Thế tĩnh và thế động.

A)- Thế Tĩnh (Static State): là thể tánh tĩnh lặng và thanh tịnh của vạn pháp. Đây là chỉ cho bản tánh của Tạng Như Lai. Bản tánh của Tạng Như Lai thì hoàn toàn tĩnh lặng và thanh tịnh không có chút nào biến động cả. Vạn pháp bám lấy Tạng Như Lai làm bản thể của mình đều được gọi là thế giới chân như pháp tánh tĩnh lặng và vạn pháp trong thế giới chân như pháp tánh thì thanh tịnh thường trụ bất diệt.

Vạn pháp trong thế giới chân như pháp tánh tất cả đều được phát sanh từ Tạng Như Lai do Tạng Như Lai ảnh hiện, nhờ Tạng Như Lai tàng trữ và bảo trì để tồn tại. Tạng Như Lai chính là nguồn thể trí tuệ của Chân Tâm và chọn lấy Chân Tâm làm bản tánh chân như của mình. Duy Thức Học gọi Tạng Như Lai là Trí Tuệ Đại Viên Cảnh, Kinh Đại Bát Nhã gọi là Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa, Luận Đại Thừa Khởi Tín và Kinh Lăng Già Tâm Ấn gọi là Trí Tướng của Chân Tâm. Tạng Như Lai chính là thể tánh tĩnh lặng và thanh tịnh cho nên vạn pháp thuộc thế giới chân như pháp tánh được phát sanh từ Tạng Như Lai đều được gọi là thế giới thuộc thế tĩnh.

B)- Thế Động (Dynamic State): là thể tánh biến động của vạn pháp. Đây là chỉ cho bản tánh của Tạng Thức. Bản tánh của Tạng Thức thì biến động liên tục không ngừng nghỉ và sự biến động của Thức này Duy Thức Học thí dụ cũng giống như dòng thác nước chảy xuống dốc (hằng chuyển như bộc lưu). Vạn pháp nào bám lấy Tạng Thức làm bản thể của mình đều được gọi là thế giới biến động. Thế giới biến động nghĩa là thế giới đó luôn luôn bị lưu chuyển mãi không ngừng nghỉ và vạn pháp trong thế giới đó thì luôn luôn bị sanh diệt biến hóa luân hồi mãi không bao giờ chấm dứt. Vạn pháp trong thế giới thế động của Tạng Thức chia làm hai loại: vạn pháp thuộc loại chúng tử và vạn pháp thuộc loại duyên khởi.

a)- Vạn pháp thuộc loại chúng tử trong Tạng Thức, Duy Thức Học gọi là Vô Chất Tánh Cảnh, nghĩa là những cảnh giới cả chánh báo và y báo trong ba cõi đều hoàn toàn không có tánh chất chân thật và những cảnh giới này chỉ toàn là hạt giống Ảnh Tử (Cause of Illusions) và Tập Khí (Fetter of Karma) của tất cả pháp ở trạng thái chúng tử trong Thức Thể A Lại Da, thường gọi là Nhứt Thiết Chúng Tử (Tất cả chúng tử). Trạng thái những chúng tử đó được thí dụ như sau:

Khi chúng ta đi hành hương hay đi du lịch các quốc gia mà chúng ta muốn, những thắng cảnh và những chứng tích lịch sử của các quốc gia đó kể cả những nhân sanh xuyên qua những nếp sống sinh hoạt, những tập tục đặc sắc, v.v... đều được thu gọn thành những hạt giống nằm trong Tâm Thức A Lại Da của chúng ta. Chúng ta khi về nước muốn nhớ lại những hình ảnh đó, hoặc muốn viết lại những chứng tích đó đều được rút ra từ những hồ sơ ký ức hiện đang nằm trong Tâm Thức nói trên của mình. Tạng Thức A Lại Da của chúng ta có khả năng tàng trữ và bảo trì muôn đời không bao giờ biến mất tất cả những hình ảnh ký ức đó—bao gồm cả hạt giống hình ảnh thuộc cảnh giới y báo và hình ảnh nhân sanh thuộc chánh báo của các quốc gia mà chúng ta du lịch qua không nếu chúng ta không muốn xóa bỏ.

b)- Vạn pháp thuộc loại duyên khởi, cũng gọi là vạn pháp thuộc duyên sanh. Duyên là quan hệ

và khởi là sanh khởi, duyên khởi nghĩa là những chủng tử của vạn pháp quan hệ lẫn nhau để cùng sanh khởi. Tất cả hiện tượng có thể chất nghĩa là tất cả vạn pháp có sức sống trong thể gian đều được sanh khởi từ chủng tử và bám lấy chủng tử làm gốc rễ của mình để trưởng thành, cũng giống như tất cả cây cỏ đều được sanh khởi từ hạt giống, bám lấy gốc rễ của mình để nảy nở phát triển và nếu như không có hạt giống thì nhất định không có cây cỏ góp mặt trong thể gian, các vật khác đều cũng như thế. Một pháp có thể chất trong vạn pháp dù nhỏ như vi trần muốn duyên khởi cũng phải hội đủ bảy chủng tử làm nhân duyên quan hệ mới có thể góp mặt trong thể gian và nếu như thiếu một trong bảy chủng tử nói trên không thể sanh khởi. Bảy chủng tử gồm có: một là đất, hai là nước, ba là gió, bốn là lửa, năm là nghiệp lực, sáu là nghiệp tướng, bảy là Thức A Lại Da. Bảy chủng tử này cũng gọi là bảy nguyên nhân và bảy nguyên nhân này duyên với nhau để thành hình tướng vạn pháp trong thể gian. Nhưng những chủng tử của hiện tượng vạn pháp thì lại bám lấy Tạng Thức làm bản thể của mình mà bản chất của Tạng Thức thì biến động liên tục vô định cho nên hiện tượng vạn pháp được gọi là thể giới thuộc thể động.

2. **Tướng** (Form): là hình tướng của vạn pháp, tức là chỉ cho tất cả hiện tượng vạn pháp có mặt trong thể gian. Hiện tượng vạn pháp trong thể gian đều được hình thành bởi nghiệp tướng. Nghiệp tướng là những mô hình kiến trúc (Constructional models) hoặc những Họa đồ kiểu mẫu (Blueprints) dùng để kiến tạo vạn pháp thành hình tướng trong thể gian. Tất cả nghiệp tướng hiện hữu trong thể gian chính là một trong bảy yếu tố nhằm để kiến trúc vạn pháp và cũng đều phát sanh từ những chủng tử của chính nó trong Tạng Thức thuộc thể động.

3. **Dụng** (Action): là năng lực tác dụng của vạn pháp được phát sanh từ nơi thể giới chủng tử của chính chúng nó. Những năng lực này không có hình tướng, chỉ hiện hữu qua sự sinh hoạt của chúng sanh, như những sự tác dụng của các Tâm Thức, của các tâm sở Tham, Sân, Si mê, v.v... Chủng tử của những nghiệp lực này cũng đều bám lấy Tạng Thức thuộc thể động để sinh hoạt.

Các nhà Duy Thức căn cứ nơi Tướng và Dụng của vạn pháp duyên sanh mà khảo sát để tìm ra thể tánh chân thật của chúng nó trên lãnh vực từ Thể Động đến Thể Tĩnh. Nhờ công thức này, các nhà Duy Thức đã chứng được Duy Thức Tánh.

(còn tiếp)



MƯỜI PHƯƠNG DIỆU MÁT

*Bình minh thức giác bên thềm
Sương giăng từng giọt ướt mềm cỏ hoa
Mắt còn hoen những nhật nhoà
Niềm vui như đã nở hoa bên lòng*

*Đời người một kiếp long đong
Ra đi mấy chốc chỉ mong ngày về
Bỏ quên đi những hẹn thề
Đầu môi chót lưỡi chẳng hề có nhau*

*Vu vơ tình tự đêm thâu
Ngâm suy về những bể dâu đời người
Nào là buồn khóc vui cười
Nỗi đau cao ngất bằng mười bình an*

*Trở về bến lạc thanh nhàn
Gãy lên mấy khúc cung đàn phiêu diêu
Trở về với bến tịch liêu
Mang yêu thương rải khắp nhiều sơn khê*

*Thức đi những giấc ngủ mê
Chân như mở lối đi-về an nhiên
Bỏ đi thế sự đảo điên
Khoan thai dạo bước vào miền hư vô...*

*Nơi kia nào có xô bồ
Mười phương diệu mát cam lồ tịnh thanh
Sống trong hỷ lạc vô sanh
Yêu thương cội phúc phước lành rải trao...*

thơ HỒ BÍCH HỢP

SỰ BẦN CÙNG TRONG THÁNH PHÁP

Quảng Tánh

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Theo Thế Tôn, người tu mà không có lòng tin thiện pháp là một biểu hiện của bần cùng.

"Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Ở đời, người có tham dục mà lại bần cùng, phải chăng là sự bất hạnh lớn?

Các Tỳ-kheo đáp: Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo:

- Nếu một người có tham dục, lại bần cùng, mang nợ tài vật của người khác, cứ khát nợ mãi không trả được, chủ nợ đến đòi. Ở đời, người mang nợ tài vật của người khác, cứ khát nợ mãi không trả được, chủ nợ đến đòi, phải chăng là đại bất hạnh?

Các thầy Tỳ-kheo đáp: Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Thế Tôn lại bảo các thầy Tỳ-kheo:

- Nếu chủ nợ cứ đòi mãi, nhưng kẻ tham dục kia vẫn không thể trả được, liền bị chủ nợ bắt trói lại. Ở đời bị chủ nợ bắt trói lại, phải chăng là đại bất hạnh?

Các thầy Tỳ-kheo đáp: Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

- Đó là, ở đời, người có tham dục, lại bần cùng, vay nợ tài vật của người khác, khát mãi, bị chủ nợ đòi nợ, bị chủ nợ bắt trói là đại bất hạnh. Cũng vậy, nếu ai đối với Thánh pháp mà không tin ở thiện pháp, không giữ cấm giới, không nghe nhiều, không bố thí, không trí tuệ; đối với thiện pháp, dù có nhiều kim ngân, lưu ly, thủy tinh, ma ni, bạch kha, loa bích, san hô, hổ phách, mã não, đại môi xa cừ, bích ngọc, xích thạch, tuyền châu, nhưng người ấy vẫn là kẻ nghèo nàn cô thế. Như vậy, trong Thánh pháp của Ta, gọi là sự bần cùng, bất thiện".

(Kinh Trung A-hàm, phẩm Đại, kinh Bần cùng, số 125 [trích, lược])

Pháp thoại này Thế Tôn nói về một kẻ bần cùng, mắc nợ người, bị đòi nợ mà khát mãi, không có khả năng hoàn trả nên bị bắt trói, chịu

nhiều đau khổ, bất hạnh. Dĩ nhiên ở đời không ai muốn mình rơi vào cảnh khổ, tai họa như thế. Nhưng vì nghiệp lực nặng nề, phước đức kém mỏng, tham dục sâu dày nên hoạn nạn, đau khổ cứ bủa vây.

Ở trong đạo cũng có người như thế, lâm vào bần cùng, khổn khổ. Tất nhiên sự bần cùng nơi cửa đạo không phải do chỉ có ba y một bát, nguyện xả phú cầu bần mà chính là nghèo nàn Thánh pháp. Theo Thế Tôn, người tu mà không có lòng tin thiện pháp là một biểu hiện của bần cùng. Pháp lành nâng đỡ thể gian, là nền tảng của mọi sự tu tập. Không tin thiện pháp thì không thể nào dẫn thân tu thiện, chẳng làm điều thiện thì không tích lũy được phước báo, dễ sa vào đường ác.

Không giữ giới chính là bần cùng. Giới luật là căn bản của đạo đức, là nền tảng của định tuệ. Giới hạnh khiếm khuyết thì công đức phước báo hao tổn nên bần cùng. Không nghe nhiều, không học tập giáo pháp thì dễ lạc đường, tu sai. Không sẻ chia, bố thí (tài thí, pháp thí, vô úy thí) thì kém duyên thiếu phước. Đặc biệt là

không có trí tuệ là đỉnh cao của sự bần cùng. Không có chánh kiến sẽ lạc vào tà kiến. Không có trí tuệ sẽ khó nhận ra Bốn sự thật khổ, tập, diệt, đạo; vô thường, duyên sinh, vô ngã. Không có trí tuệ sẽ không thành tựu giác ngộ, giải thoát, Niết-bàn.

Đức Phật khẳng định, dù cho người tu có thành tựu phước báo, tài vật sung mãn, danh dự đủ đầy, trong Thánh pháp vẫn thực sự bần cùng, thậm chí còn bất thiện. Thế nên, người tu cũng cần vượt khó, thoát nghèo bằng cách tin vào thiện pháp, giữ giới, nghe nhiều, bố thí và trí tuệ. Ngay đây có thể xác quyết rằng, tín, giới, văn, thí, tuệ là căn bản của mọi pháp lành, thông cả tại gia lẫn xuất gia, giúp người tu ngày càng thành đạt, thịnh vượng trong Thánh pháp.





GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION
HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH
EXECUTIVE COUNCIL

4717 W. First St., Santa Ana, CA 92703 – U.S.A. Tel.: (714) 548-4148

Phật Lịch 2566

Số 51/HĐĐH/TT

THÔNG TƯ
V/V CỨU TRỢ NẠN NHÂN ĐỘNG ĐẤT TẠI THỔ NHĨ KỲ VÀ SYRIA

Nam Mô Bồ Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch Chư Tôn Thiên Đức Tăng, Ni,
Kính thưa Quý Đồng Hương Phật Tử,

Trong những ngày qua, theo tin tức trên các hệ thống truyền thông, tất cả chúng ta ai cũng nghe một trận động đất lớn nhất trong nhiều thế kỷ và mức độ tàn phá kinh khủng chưa bao giờ có đã xảy ra tại Thổ Nhĩ Kỳ (Turkey) và Syria. Cho đến nay theo tin tức của ABC7 thì đã có hơn 42 ngàn người tử vong, hàng trăm ngàn người bị thương và có hơn 140 ngàn tòa nhà lớn nhỏ bị sụp đổ; hàng triệu người sống sót cần nơi nương tựa. Thật hãi hùng, kinh hoàng và bất hạnh cho dân tộc Thổ Nhĩ Kỳ và Syria. Thảm cảnh còn tàn tệ hơn khi xảy ra trong mùa đông giá lạnh.

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại các Châu lục đã có thông cáo thiết tha kêu gọi sự đóng góp của Phật tử để cấp thời giải cứu đến từng gia đình trong vòng khốn khó. Nhiều Chùa tại Âu Châu cũng đã thực hiện những đợt cứu trợ tại địa phương. Với Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ chúng tôi xin kêu gọi chúng ta cùng lắng lòng, khởi Từ Bi quán, đóng góp từng chùa, từng Phật tử.

Mọi đóng góp bằng chỉ phiếu, xin đề **AN LAC TEMPLE hoặc HUYEN KHONG MONASTERY**, gửi về một trong hai địa chỉ sau đây: 1) **Chùa An Lạc – 5249 E. 30th Street, Indianapolis, IN 46218**; hoặc 2) **Tu Viện Huyền Không - 14335 Story Road, San Jose, CA 95127**. Phần Memo xin vui lòng ghi: **“Cứu trợ động đất”**. Mọi đóng góp của quý vị sẽ có biên nhận với ID Tax của Chùa để quý vị có thể khai miễn thuế nếu cần. Đó là đóng góp tại Chùa, còn với Giáo Hội thì Tổng Thủ Quỹ sẽ cấp biên nhận của Giáo Hội.

Thành kính tri ân và cầu nguyện cho quý ngài và quý đồng hương Phật-tử vô lượng an lạc, vô lượng cát tường.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát.

Ngày 15 Tháng 02 Năm 2023

Văn Phòng Thường Trực

Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHK

Chủ Tịch



Tín Nghĩa

Sa Môn Thích Tín Nghĩa

Tư Tưởng

NGUYỄN SIÊU

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Những dấu chân người đi qua hãy còn lưu lại phía sau, in đậm trên bãi cát. Dù người có đi đến tận phương trời xa xôi, dù với nào thì dấu chân vẫn luôn hiện hữu rõ nét còn lại ở sau lưng. Khi người đã làm ra các việc ác thì chúng sẽ không bao giờ được bôi xóa trên đường tiến đến kết quả nếu người không biết ăn năn sám hối.

Mùi mật thơm ngon của các loài hoa mang nhiều vị ngọt ẩn kín bên trong, không sao tránh khỏi nạn ong bướm vây quanh ngửi mùi thơm, hút mật ngọt làm rã nhụy, nát hoa.

Ngày ra đi, tôi chưa nhìn rõ từng con đường, từng lối đi quanh queo trong thôn xóm, hay từng mái rạ, lũy tre, luống cải nơi quê hương tôi. Bây giờ thì sao? Một phương trời xa xăm mịt mù, hút mắt. Nếu có ngày về thì chỉ nhìn tận mặt cái xa lạ, hoang đường. Vì cái đẹp của tuổi thơ ngày ấy giờ đã dập vùi trong vết tích đau thương.

Phật pháp là dòng suối mát, là làn gió thanh lương, làm êm dịu cái nắng chói chan, gay gắt trên cách đồng hoang vu, hay những bãi sa mạc sương mù, nắng quái. Phật pháp là yếu tố, chất liệu có một hương vị giải thoát. Người nếm được hương vị ấy, người được an vui.

Thiền sư ngồi thiền dưới gốc cây. Con quạ lót ổ trên đầu thiền sư. Con quạ nhất tâm ấp trứng cho nở. Thiền sư nhất tâm tọa thiền an nhiên. Con quạ, thiền sư là một bản thể nhất như. Không vọng, không hư. Chân như tuyệt cùng.

Đau khổ là điều không ai muốn, nhưng có biết đau trong tận cùng của nỗi đau có chất chứa nhiều khả tính hạnh phúc và thành tựu. Như sen mọc trong bùn lầy ô nhiễm, lá sen xanh tươi trải mình trên mặt nước. Hoa sen thơm ngát nhiệm mầu, tràn đầy sức sống thánh thiện, cho đến một ngày lá sen khô, thân sen tàn tạ, gương sen mục nát gục đầu và hoa sen héo úa cũng đều ở trong ao bùn lầy, ô nhiễm kia.

Sức sống của Tăng già là hòa hiệp, thanh tịnh, là giàu đức tánh bao dung và hỷ xả. Là thiết lập một đời sống đạm bạc, đơn sơ, nuôi dưỡng chí nguyện xuất trần vững chắc như kim cương bất hoại, để tiến xa hơn nữa là chí nguyện độ sinh như sấm rền, biển dậy.

Hãy nhìn đời bằng đôi mắt đẹp để thấy bầu trời thăm thẳm xanh lơ mà không thấy chỉ một gợn mây đen chột hiện ở đâu đó. Gợn mây đen sớm sẽ tan, còn bầu trời xanh lơ thăm thẳm, muôn đời luôn còn đó.

Bóng mát của cây xanh là hương vị của nguồn sống. Con người hãy nuôi dưỡng cây xanh, làm thành một thể giới xanh giữa xã hội người. Núi xanh. Rừng xanh. Biển xanh. Đồng lúa xanh bát ngát chiều về, nghe rì rào từng cơn gió nhẹ, êm đềm, thanh bình của hương quê, miền thôn dã.



Tự tình của dân tộc là phải biết yêu thương quê hương, dân tộc. Quê hương là nóm ruột đầu đời, là tiếng khóc đầu môi, là hình ảnh của thoi nôi vừa tròn tháng. Giống nôi là un đúc từng giọt máu tươi, từng làn da sạm nắng để nuôi lớn con dân đứng vững trên quê hương ngàn đời yêu dấu. Vậy tự tình của dân tộc là phải biết hoà mình vào vận nước, khi thăng lúc trầm để ôm hai chữ quê hương trong tim và giữ trọn giống nòi kiêu hùng bất khuất luôn hiện có nơi đây.

Thầy đọc sách. Sách nhìn Thầy, cả hai đều như nhiên bất động. Thầy tôi bậc cao Tăng mộc mạc, thương vật kính người, trọn đời sống đơn sơ, giản dị với lá, với hoa bên sườn núi, không rời chùa một bước vân du.

(trích Triết Lý và Thi Ca—Nguyễn Siêu)

PHẬT PHÁP TẠI THỂ GIAN, CHẲNG LÀ THỂ GIAN MÀ GIÁC

(LỤC TỔ HUỆ NĂNG)

Nguyễn Thế Đăng

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC



Đức Lục Tổ Huệ Năng thờ tại Chùa Nam Hoa, Trung Quốc

Lục Tổ Huệ Năng, từ khi đến học với Ngũ Tổ một thời gian ngắn ngộ được bản tâm, rồi trải qua mười lăm năm với đám thợ săn, cho đến khi chính thức xuất gia để dạy pháp, ngài không hề ẩn tu một mình. Trong suốt từ khi, thấy được tự tánh, đại ngộ ngài không ngừng tự giác - giác tha, lợi mình - lợi người, như dạy cho sư Huệ Minh trên đường đi lánh nạn chẳng hạn.

Một vị thực hành Bồ tát đạo là vừa tự giác vừa giác tha, ở giữa cuộc đời cùng với mọi người. Cách tu của Lục Tổ là thấy bản tánh và sống sâu rộng bản tánh ấy giữa thế gian, trong đời sống hàng ngày, trong những điều tưởng chừng nhỏ nhất:

*Nếu không có tâm đạo
Hạnh tối chẳng thấy đạo*

*Nếu thật người tu đạo
Chẳng thấy lỗi thế gian.
Nếu thấy người khác lỗi
Tự mình đã sai rồi
Người lỗi ta chẳng chê
Ta chê, ta có lỗi.
Chỉ đẹp tâm thấy lỗi
Phiền não thảy phá trừ
Thương ghét chẳng dính tâm
Nằm duỗi hai chân nghỉ.
Muốn độ cho người khác
Cần phải có phương tiện
Chớ để người có nghi
Tức là tự tánh hiện.
Phật pháp tại thế gian
Chẳng là thế gian (mà) giác
Là thế tìm giác ngộ
Giống như tìm sừng thỏ.
Chánh kiến gọi xuất thế
Tà kiến gọi thế gian
Chánh tà đều đẹp sạch
Tánh giác ngộ rõ ràng.*

(phẩm Trí Huệ, Pháp Bảo Đàn Kinh)

"Giác ngộ" là giác ngộ tánh Không. "Tánh giác ngộ" là tánh Không. Thế gian là sắc, thọ, tưởng, hành, thức, là năm uẩn mà tìm tánh Không thì "giống như tìm sừng thỏ", vì bản tánh của năm uẩn là tánh Không.

Sắc, thọ, tưởng, hành, thức, của mình là tánh Không (vô ngã), sắc, thọ, tưởng, hành, thức, của người là tánh Không (vô pháp). Như thế tất cả thế gian sanh tử là tánh Không, bản tánh của thế gian sanh tử là tánh Không. Đây là kết luận của Đại thừa: "Sanh tử tức Niết bàn, phiền não tức Bồ đề."

Lục Tổ Huệ Năng chỉ rõ tánh Không, tức là Đại Trí Huệ tánh Không rốt ráo (Ma ha Bát nhã ba la mật) trong phẩm Trí Huệ như sau:

"Các thiện tri thức! Trí Bát nhã giác ngộ, người đời đều vốn tự có, chỉ vì chuyên theo tâm mê nên chẳng thể tự ngộ. Phải nhờ đại thiện tri thức chỉ dẫn cho thì được thấy tánh. Hãy biết, người ngu kẻ trí tánh Phật vốn không sai khác, chỉ do mê ngộ chẳng đồng mà có ngu có trí..."

Thiện tri thức! Ma ha Bát nhã ba la mật là tiếng Phạn, nghĩa là trí tuệ đến bờ giải thoát. Cái này phải tâm làm chứ chẳng ở nơi miệng niệm. Miệng niệm tâm làm, ắt tâm miệng tương ứng. Bản tánh là Phật, là tánh thì không có Phật nào khác.

Sao gọi là Ma ha? Ma ha là lớn, tâm lượng rộng lớn như hư không, không có biên bờ cũng không vuông tròn lớn nhỏ, xanh vàng đỏ trắng, cũng không giận, không vui, không phải không trái, không lành không dữ, không đầu không cuối. Các cõi Phật đồng như hư không, diệu tánh của người đời vốn Không, không pháp nào có thể đắc. Tự tánh chân không cũng lại như vậy."

Bản tánh Phật, trí Bát nhã, tự tánh chân không người đời đều vốn tự có, đây Nền tảng, Con đường và Quả của Phật giáo. Con người phải chứng thực được "tâm lượng rộng lớn như hư không" để giải thoát, giác ngộ.

Lục Tổ nói tiếp:

"Thiền tri thức! Chớ nghe ta nói Không bèn bám chấp không. Thứ nhất chớ bám chấp không, nếu tâm trống không mà ngồi yên lặng tức là bám chấp vào cái không vô ký."

Thiền tri thức! Hư không thế giới bao hàm sắc tướng vạn vật, mặt trời mặt trăng, tinh tú, núi sông đất đai, suối rừng, người thiện người ác, pháp thiện pháp ác, thiên đường địa ngục, tất cả đều ở trong cái Không. Tánh Không của người đời cũng lại như vậy.

Thiền tri thức! Tự tánh bao hàm muôn pháp, đó gọi là lớn. Muôn pháp đều ở trong tánh của con người. Nếu thấy tất cả những điều xấu tốt của người mà đều chẳng lấy bỏ, cũng không dính nhiễm, tâm như hư không, đó gọi là lớn, nên nói là Ma ha.

Thiền tri thức! Người mê thì miệng nói, người trí thì tâm làm. Lại có người mê, tâm trống không mà tĩnh tọa, trầm thủ không nghĩ, bèn tự cho đây là lớn. Với hạng người ấy không thể nói được, vì mắc vào tà kiến.

Thiền tri thức! Tâm lượng rộng lớn khắp cả pháp giới, dùng tới bèn rõ rõ phân minh. Ứng dụng liền biết hết thảy, tất cả là một, một là tất cả, đến đi tự do, tâm thể không trệ ngại tức là Trí huệ Bát nhã.

Thiền tri thức! Hết thảy trí Bát nhã đều từ tự tánh mà sanh, chẳng phải từ ngoài vào, cho nên chớ dùng lầm ý, đó gọi là Chân tánh tự dụng."

Chỉ trong một đoạn này, ngài Huệ Năng hai lần bài bác việc ngồi thiền giữ tâm trống không, bám chấp vào cái không vô ký, nghĩa là cái không không có gì cả, kể cả ánh sáng Trí huệ.

Tánh Không "bao hàm sắc tướng vạn vật, tất cả đều ở trong cái Không". Tánh Không bao trùm tất cả mọi sự, đồng thời tánh Không cũng ở trong tất cả mọi sự, "không có pháp nào có thể đắc". Tánh Không bao trùm tất cả và là tất cả.

Bản tánh của con người chính là tánh Không ấy nên có thể giải thoát: "Nếu thấy tất cả những điều xấu tốt của con người mà chẳng lấy bỏ, cũng chẳng dính nhiễm, tâm như hư không, đó gọi là lớn." Thấy tướng thế gian nhưng chẳng lấy bỏ, chẳng dính nhiễm, tâm như hư không, nên có thể ở nơi thế gian với chúng sanh để cứu giúp họ.

Khi người ta nhận biết và sống thuận thực trong tánh Không ở nơi mình và ở ngoài mình nơi thế giới và chúng sanh, người ta tự do. Không phải là tự do vì không có thế gian, không có sắc tướng nào cả, mà là tự do với tất cả thế gian, sắc tướng: "Tâm lượng rộng lớn khắp pháp giới, dùng tới bèn rõ rõ phân minh. Ứng dụng liền biết hết thảy, tất cả là một, một là tất cả, đến đi tự do,

tâm thể không trệ ngại, tức là Trí huệ Bát nhã. Hết thảy trí Bát nhã đều từ tự tánh mà sanh, đó gọi là chân tánh tự dụng".

Phần sau, phẩm Hộ Pháp, ngài nói "chân tánh tự dụng" này là "tự tánh khởi dụng", nghĩa là tự tánh Không này không phải là một cái không vô ký mà là hoạt dụng phi thường cho một vị Bồ Tát ở đời để độ chúng sanh:

"Tự tánh động dụng, giao tiếp nói năng, ngoài thì ở nơi tướng mà là tướng, trong thì ở nơi không mà là không. Nếu toàn bám tướng tức là thêm lớn tà kiến, còn nếu toàn chấp không thì thêm lớn vô minh".

Không bám tướng cũng không chấp không là trung đạo của Bồ tát. Một vị hành Bồ tát hạnh thì phải ở thế gian để cứu giúp chúng sanh cho nên tâm phải hoạt động, do đó ngài giảng về vô niệm không phải là không có niệm, không có ý tưởng nào cả:

"Sao gọi là vô niệm? Nếu thấy biết hết thảy pháp mà tâm chẳng dính, đó là vô niệm. Dùng thì khắp tất cả chỗ, mà cũng chẳng dính bám tất cả chỗ. Chỉ là bản tâm thanh tịnh, khiến sáu thức ra sáu cửa, ở trong sáu trần không nhiễm, không tạp, đến đi tự do, thông dụng không trệ, tức là Bát nhã tam muội, tự tại giải thoát, gọi là hạnh vô niệm.

Nếu trăm vật chẳng nghĩ đến, khiến cho niệm dứt tuyệt, đó là pháp trời buộc, gọi là biên kiến" (Phẩm Trí Huệ).

Niệm không phải là kẻ thù cần phải tiêu diệt, mà niệm là dụng cụ để làm việc ở đời, bởi vì niệm lưu xuất từ nguồn tánh Chân Như:

"Thiền tri thức! Vô là không có sự gì? Niệm là niệm cái gì? Vô là không có hai tướng, không có tâm trần lao. Niệm là niệm bản tánh Chân Như. Chân Như là thể của niệm, niệm là dụng của Chân Như.

Tự tánh Chân Như khởi niệm, chẳng phải mắt tai mũi lưỡi có thể niệm được. Chân Như có tánh do đó mới có niệm khởi. Nếu Chân Như không có thì mất tại sắc thanh liền tiêu hoại ngay." (Phẩm Định Huệ)

Bồ tát là người sống trong thế giới các tướng cùng với chúng sanh, và chúng sanh cũng là các tướng. Sống trong thế giới các tướng, các niệm mà người hành Bồ tát hạnh vẫn giải thoát đối với các tướng, các niệm vì chẳng dính nhiễm.

Lục Tổ Huệ Năng nói về pháp môn của ngài lấy Vô niệm, Vô tướng, Vô trụ làm ba trụ cột. Trong kinh Đại Bát Nhã, vô niệm, vô tướng, vô trụ để chỉ tánh Không.

"Thiền tri thức! Pháp môn đây của ta từ xưa đến nay, trước hết lập Vô niệm làm tông, Vô tướng làm thể, Vô trụ làm gốc.

Vô tướng là nơi tướng mà là tướng. Vô niệm là nơi niệm mà vô niệm. Vô trụ là bản tánh của con người." (Phẩm Định Huệ)

Nơi tướng mà là tướng là nơi tất cả tướng tạo thành thế giới, chúng sanh, mà là tất cả tướng ấy. Thế nghĩa là sống nơi thế giới chúng sanh, làm việc vì chúng sanh mà tâm vẫn giải thoát. Vô niệm và vô trụ cũng như vậy. Đây là Bồ tát hạnh.

Trong phẩm Sám Hối, Lục Tổ nói về Ba Thân: Thanh tịnh Pháp thân Phật, Viên mãn Báo thân và Trăm ngàn ức Hóa thân. Ba thân này chỉ có trong Phật giáo Đại thừa. Một vị Bồ tát thành tựu dần dần ba thân trên còn đường Bồ tát

hạnh cho đến hoàn toàn tròn đủ thì thành tựu Phật quả.

Trong ba thân ấy, Hóa thân là do lòng bi của Bồ tát hóa hiện ra trên nền tảng Pháp thân và Báo thân. Lòng bi được khai triển trên con đường Bồ tát cho đến khi trọn vẹn là đại bi của một đức Phật. Lục Tổ đã cảm nhận sâu sắc sự xuất hiện ở đời của Hóa thân Đức Phật là do lòng đại bi. Ngài nói với sư Pháp Đạt như sau:

"Ông hãy cẩn thận, chớ hiểu lầm ý Kinh, thấy Kinh nói khai thị ngộ nhập mà cho đó là cái thấy biết riêng của Phật. Ngài đã là Phật, đã đầy đủ thấy biết, cần gì phải khai mở nữa. Nay ông phải tin cái thấy biết của Phật này chỉ là tự tâm của ông, chớ chẳng có Phật nào khác."

Tất cả chúng sanh vì tự che lấp ánh sáng, tham ái trần cảnh, ngoài thì duyên náu, trong thì nhiễu loạn, nên đành chịu rong ruổi theo sanh tử. Bởi vậy mới làm nhọc Thế Tôn từ chánh định đứng dậy dùng bao nhiêu lời lẽ khuyên chúng sanh hãy thôi nghỉ, chớ hướng ngoài tìm cầu thì cùng Phật không khác. Cho nên nói khai mở cái thấy biết của Phật."

Ta nay cũng khuyên tất cả mọi người ở trong tâm mình thường khai mở cái thấy biết của Phật." (Phẩm Cơ duyên)

Bồ tát hạnh Lục Tổ Huệ Năng dạy thì có mặt và thực hành trong đời sống hàng ngày, giữa những con người xã hội.

"Công đức ở trong pháp thân, chớ chẳng phải ở chỗ tu phước. Thấy tánh là công, bình đẳng là đức. Niệm niệm không trệ ngại, thường thấy bản tánh, diệu dụng chân thật, đó gọi là công đức."

Trong tâm khiêm hạ là công, ngoài hành theo lễ là đức. Tự tánh kiến lập muôn pháp là công, tâm thể lìa niệm là đức. Chẳng lìa tánh mình là công, ứng dụng không nhiễm là đức."

Nếu tìm công đức pháp thân, hãy y theo đây mà làm, đó là chân công đức."

(Phẩm Nghi vấn)

Ngài nói tiếp:

"Người tu công đức thì tâm chẳng khinh thường, mà thường kính trọng khắp cả mọi người mọi vật. Nếu tâm thường khinh người, ta và cái ta chẳng dứt, bền tự mình không có công. Tánh mình giả dối chẳng thật, tức là mình không có đức. Bởi cái ta và cái của ta tự đại, thường khinh để hết thấy."

Những đức tính tướng chừng như tầm thường của con người, nếu biết chú tâm khai triển thì sẽ lần át trừ bỏ những tính xấu, những lỗi lầm do bám chấp và khuếch trương "cái ta và cái của ta". Những lỗi lầm che chướng của sự bám chấp vào cái ta và cái của ta càng tiêu hao thì "công đức Pháp thân" càng hiển lộ.

"Vi thử sử lại hỏi: Ở nhà tu hành như thế nào, xin Đại sư chỉ dạy."

Sư nói: Ta nói cho đại chúng một bài kệ Vô tướng, chỉ y đây tu thì thường cùng ở với ta một chỗ không khác. Bằng chẳng y đây tu thì cạo đầu xuất gia cũng không ích gì đối với đạo."

Tâm bằng nào nhọc giữ giới

Hạnh bằng nào đợi tu thiền

Ân thì hiểu dưỡng cha mẹ

Nghĩa thì trên dưới cùng thương

Nhẫn thì xấu ác lặng yên

Nếu dùi cây mà ra lửa

Bùn lầy chắc nở sen hồng."

Đẳng miêng đích là lương được

Trái tại hặn thiệt lời trung

Chuyển lỗi ắt sanh trí huệ

Xấu dở trong tâm chẳng hiền

Hằng ngày thường làm lợi ích

Thành đạo chẳng do thí tiền.

Giác ngộ chỉ hướng tâm kiềm

Nhọc chỉ hướng ngoại cầu huyền

Nghe nói y đây tu hành

Thiên đường chỉ ngay trước mắt."

Thấy tánh và sống trong tánh là việc làm hằng ngày trong đời sống thế gian. Chỉ là trau dồi những đức tính trên nền tảng bản tâm trí huệ; chuyển lỗi trở về nguồn cội trí huệ của từng niệm khởi. Được như thế thì "thiên đường chỉ ngay trước mắt".

"Tâm bằng, hạnh bằng, ân, nghĩa, nhẫn" là những biểu lộ của bản tâm hay bản tánh của tâm. Nếu trên những biểu lộ ấy người ta có thể tìm thấy bản tánh của tâm như nền tảng nằm phía dưới, thì đó là "Nếu dùi cây mà ra lửa, bùn lầy chắc nở sen hồng." Tu tâm trong đời sống bình thường là như vậy: nơi chỗ có sóng hay không có sóng người ta có thể tìm thấy đại dương.

"Trí Bát nhã giác ngộ, người đời đều vốn tự có, chỉ vì duyên theo tâm mê nên chẳng thể tự ngộ". "Phải biết người ngu kẻ trí tánh Phật vốn không sai khác." Cái trí Bát nhã vốn tự có này, tánh Phật vốn không sai khác này vẫn thường hiện diện trong đời sống hàng ngày, "thiên đường chỉ ngay trước mắt".

Thế nên Thiền sư Mã Tổ Đạo Nhất (709 – 788) đời thứ hai sau Lục Tổ, gọi nó là "tâm bình thường", vì luôn luôn có mặt, "Tâm bình thường là Đạo". Tổ sư Gampopa (1079 - 1153), vị sáng lập tông phái Kagyu cũng giảng nhiều về bản tâm như là "Tâm bình thường" (TT. *Tamal gyi shepa*) (Xem *Những điểm thiết yếu của Đại Ân*, Khenchen Thrangu Rinpoche, nxb Thiện Tri Thức, từ trang 170 – 174)

Tâm bình thường này biểu lộ mỗi ngày, mỗi phút giây, mỗi niệm niệm, qua các tướng và niệm trong đời sống bình thường hàng ngày. Đây là tâm Vô tướng, Vô niệm, Vô trụ nói theo ngài Huệ Năng. Nhận biết được nó, sống với nó mà không lỡ mất bền là người vô sự. Vô sự vì không phiền não, thương ghét.

Chỉ đẹp tâm thấy lỗi

Phiền não thấy phá trừ

Thương ghét chẳng dính tâm

Nằm duỗi hai chân nghỉ."



TỰ LỰC, THA LỰC

Ni sư Trí Hải dịch

Giáo lý của tôi không dính gì đến tự lực hay tha lực. Cái gì vượt ngoài tự lực và tha lực, ấy là điều tôi giảng dạy. Tôi xin chứng minh việc này cho quý vị: Trong khi mọi người quay cả về phía này mà nghe tôi nói, ngoài kia có chim sẻ chíp chíp, chim quạ quác quác, tiếng đàn ông đàn bà, tiếng gió thổi... Dù không cố tình nghe những tiếng ấy, mà khi mỗi tiếng đến tai, quý vị đều nhận ra và phân biệt rõ ràng. Cái việc nghe ấy không phải là do bạn làm, nên không phải chuyện tự lực. Mặt khác, vì không phải ai khác nghe giùm cho bạn, nên cũng không thể nói là tha lực được. Thế thì, cái gì vượt ngoài tự lực và tha lực, không dính dấp đến cả hai chuyện ấy, giáo lý của tôi nói về cái đó. Có phải thế không nào? Khi quý vị nghe với cái Bất sinh như vậy, quý vị vượt ra ngoài bất cứ gì. Và tất cả hoạt động khác của quý vị cũng đều hoàn tất nhờ cái Bất sinh như thế. Với bất cứ người nào để cho Bất sinh vận hành như vậy, thì mọi sự đều tự giải quyết một cách toàn hảo. Bởi thế, con người của Bất sinh không can dự đến tự lực hay tha lực, mà vượt trên cả hai.

*(trích từ tác phẩm TÂM BẤT SINH của Thiền sư Bankei
– Ni sư Trí Hải dịch)*



ĐẬP VỠ TA RA, ĐỂ THẤY TA

Đạo Sinh

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

Hầu hết con người trên trái đất này, hoặc âm thầm hoặc công khai, đều tự khẳng định tồn tại của bản thân mình là thực hữu. Chỉ có Đức Phật và những ai thấy-biết như Ngài mới thấy rằng con người không phải “thực-hữu”, mà cũng không phải “không-thực-hữu”.

Sự thật này đã được đức Phật công bố trong cả hai hệ Thánh Điển Pāli & Sanskrit, và đã được rất nhiều luận sư Phật giáo triển khai trong Luận Tạng. Thế nhưng, phần lớn chúng ta đều cố tình tránh né sự thật này. Chúng ta muốn khẳng định có một cái Tôi đang sở hữu Phật Pháp, có một cái Tôi đang hưởng thụ phước báo, có một cái Tôi đang tiếp tục tích lũy phước báo, có một cái Tôi đang nỗ lực trở thành thanh tịnh, có một cái Tôi đang hướng đến giải thoát, có một cái Tôi muốn đắc quả A-la-hán, có một cái Tôi đang thực hành Bồ-tát đạo, có một cái Tôi muốn cứu độ chúng sinh, v.v...

ĐỨC PHẬT KHÔNG CHIỀU LÒNG NGƯỜI—cả người theo Ngài lẫn người không theo Ngài. Khi Ngài còn tại thế, có ngoại đạo đã gọi Ngài là “kẻ huỷ-diệt-sự sống” (bhūnahuno; life-destroyer); rồi ngay trong Tăng-già đã xuất hiện một phản đối, đổ kị và mông tâm hăm hại Ngài; rồi cũng chính trong Tăng-già, khi nghe tin Ngài nhập diệt, có người đã nhảy múa mừng reo: “từ nay sẽ không còn ai bắt ta phải làm cái này, bắt ta không được làm cái kia”; v.v...

Tại sao những hiện tượng như thế lại có thể xảy ra? Chỉ có duy nhất một nguyên nhân: Đức Phật đã “đụng” đến cái mà con người trân quý nhất—cái Tôi. Nếu may mắn nhận ra được điều này, chúng ta sẽ phải thừa nhận một sự thật: không phải chỉ có một mình Đề-bà Đạt-đa và những người như ông ta, mà kể cả chúng ta, chưa chắc đã thực sự tin tưởng Ngài như chúng ta nghĩ.

Ở đây, có thể nêu lên một câu hỏi: Nếu không tin tưởng Ngài thì chúng ta tu học Phật Pháp để làm gì? Chúng ta mượn Phật Pháp để khuếch trương cái Tôi của chúng ta. Chúng ta không cần phải trích dẫn kinh điển để bào chữa cho điều này. Bởi vì làm thế chỉ càng lộ rõ hơn các “mảnh khoe” rất người của chúng ta mà thôi. Có phải chúng ta sẽ chỉ trích dẫn những đoạn kinh, những bài kinh nào đức Phật tán dương các phẩm tính tốt đẹp của một con người đang trên đường tu tập? Và chúng ta sẽ tặng lời những lời dạy nào của Ngài muốn giúp chúng ta đập vỡ cái Tôi của mình? Hoặc tệ hại hơn, chúng ta sẽ tạo một cái khung mang tên

“Phi-Phật-Thuyết” và sẵn sàng “quăng” vào đó tất cả những gì đụng đến cái-Tôi, hay cái-của-Tôi của chúng ta?

Khi đức Phật giảng giải cho các tỳ-kheo về vòng tái sinh, có vị đã hỏi Ngài, đại ý rằng “vì sao con người hiện hữu”. Và Ngài đã điều chỉnh cái nhìn của vị đó bằng cách chỉ ra rằng “không có người nào (pudgala; person) hiện hữu cả; mà chỉ có sự “hiện hữu” sinh khởi dựa vào sự “chấp thủ” trước đó làm duyên; và cũng không có người nào chấp thủ cả, mà chỉ có sự “chấp thủ” sinh khởi dựa vào sự “tham ái” trước đó làm duyên; v.v...

Có khi Ngài lại khuyên các vị tỳ-kheo hãy chuyên tâm thiền định; vì chỉ có thiền định mới giúp mình biết được mình là ai, là cái gì; và từ đó mới biết được khổ-não-sầu-bi xuất phát từ đâu.

Có khi Ngài lại giải thích vì sao Ngài lại tự gọi mình là “kẻ sống không nhà”: Khi các Thức của chúng ta không đeo bám sắc thân, không đeo bám các cảm thọ, không đeo bám các ý tưởng, không đeo bám các trạng thái tâm, thì đó chính là lúc chúng ta đã “xuất gia”.

Có khi Ngài lại chỉ ra cho các vị tỳ-kheo đang thực hành Bồ-tát đạo: đã không có cái gọi là “người” thì làm sao có cái gọi là “bồ-tát”, và rồi đã không có cái gọi là “bồ-tát” thì làm sao có cái gọi là “chúng sinh”; tất cả đều là các nhãn hiệu do quy ước thế gian, vì vọng tưởng đảo điên, mà bày đặt ra.

Nói chung, chúng ta có thể tìm thấy trong Thánh điển vô số những lời dạy của Ngài, kêu gọi chúng ta hãy tìm mọi cách để nắm cho được cấu trúc, cũng như sự vận hành của thân-tâm mình, không chỉ một lần trong đời, mà phải từng ngày-từng đêm. Nếu không can đảm đập tan chính bản thân mình thành “năm đồng” thì chúng ta không mong gì có ngày thoát ra được mọi lừa đảo của cái-Tôi của chúng ta cả.

Giống hệt như một lữ khách khởi đầu cuộc hành trình dài, nếu không tự biết mình để chuẩn bị những hành trang gì cần và đủ thì nguy cơ bị đói-khát, thậm chí có khi lạc đường, là không tránh khỏi. Vì thế, muốn đi được lâu dài trên con đường này, chúng ta không thể không biết mình là “ai”, mình là “cái gì”. Tất cả đều được đức Phật chuẩn bị sẵn cho chúng ta. Vấn đề còn lại là chúng ta có tin tưởng Ngài đủ để dẹp bỏ cái-Tôi của mình sang một bên, để có thể bước đi không quá đổ ngã nặng nề hay không mà thôi.



TRÚC NGUYỄN-THÍCH CHÚC HIỀN

XUÂN THIÊN

Vườn thiên lặng lẽ đón mừng Xuân
Rạng ánh dương quang bóng tỏa ngàn
Trúc biếc hoa cười nghinh thiện sĩ
Đào hồng gió lộng đón hiền nhân
Chuông ngân lan tiếng hòa chan nhạc
Mồ vọng vang âm quyện ngát trầm
Kệ bông kinh nguyện mong pháp trụ
Lòng an tịch tĩnh bớt phân vân.

XUÂN CẨM

Thấm thoát thời gian trôi lướt nhanh
Đông qua Xuân đến nụ đơm cành
Bên thềm nắng ấm trao hồn thắm
Cạnh phố hoa vàng quyện lá xanh
Vườn đạo thanh bình hương đạo nguyện
Đường tâm tịch lặng tuệ tâm thành
Kinh vàng kệ ngọc hòa chung nhịp
Thế sự vô thường buông giả danh.

ĐÓN XUÂN

Xan tham tất đổ hãy thâm buông,
Diệu pháp thường nghe thoát não buồn.
Kệ ngọc siêng trì gìn nghĩa cội,
Kinh vàng gắng tụng giữ ân nguồn.
Niềm đau nỗi khổ vơi tan biến,
Ánh giác dòng an bỗng hé tuôn.
Lặng lẽ đêm ngày ươm giống tuệ,
Thời giờ chớ để luống qua sông...!

XUÂN QUÊ HOÀI CẨM

Xuân về thương nhớ cảnh quê nghèo
Lắm kẻ cơ hàn khổ náu đeo
Vách lá lều tranh cơm gạo hẩm
Tương đưa muối mắm nếp xôi neo
Người đau kẻ ốm mong tai khỏi
Nhà đột cột xiêu bớt chường theo
Để kiếp làm người thêm phước hạnh
Đón mừng xuân mới nắng cười reo.



TÂN NIÊN QUÝ MÃO

(Bát điệp Xuân)

Đào hồng nụ thắm đón mừng xuân
Xuân sắc tươi vui khắp thế trần
Hạnh phúc xuân cười trên ánh mắt
Bình an lộc nở ở xuân tâm
Thiền xuân tĩnh tại đức huyền tòa
Ý đạo an yên xuân diệu lan
Quý Mão hương xuân ngào ngạt quyện
Tân niên Xuân đến nguyện lòng an...!

PHẬT NGỰ TÒA SEN

(Bát vĩ đồng âm)

Phật ngự tòa sen tỏa đạo vàng
Từ bi soi sáng khắp nhân gian
Nghĩ dung tịch lặng hào quang rạng
Dáng vẻ thông dong tuệ nguyện tràn
Dù dặt sinh linh qua ách nạn
Trao truyền đạo pháp hương bờ an
Thanh bình hiển hiện cùng năm tháng
Lợi lạc quần sanh mọi nẻo đàng..!

Tu Viện An Lạc, California,
Xuân Quý Mão-2023

THIÊN SƯ TẾ NHƠN HỮU BÙI với DÒNG THIỀN LIỄU QUÁN ĐẤT PHƯƠNG NAM

Thích Thánh Minh

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN

I. Hoàn cảnh ra đời và vai trò thiền phái Liễu Quán

1. Bối Cảnh Lịch Sử Đất Phương Nam

Thông đạt lễ trời đã mây ai

Sấm đề tiên đoán việc đều hay

"Hoành sơn nhất đại" dung con cháu

Hậu thế nhờ ơn cụ chỉ bày.

(Tứ Tuyệt Hoài Cảm - Từ Xuân Lãng)

Khi vua Trung Tông Lê Duy Thuyên băng hà không có con kế vị, Trịnh Kiểm muốn lên ngôi vua nhưng sợ hai người em vợ là Nguyễn Uông và Nguyễn Hoàng là con của tướng quân An thành hầu Nguyễn Kim tranh giành quyền lực với mình nên tìm cách giết Nguyễn Uông đi. Nguyễn Hoàng lo sợ nên cho người tham vấn với Nguyễn Bình Khiêm là người thông thái Kinh Dịch và am tường Phật Học.

Vào năm 1558, Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm đã truyền cho Nguyễn Hoàng tám chữ ngắn gọn: "Hoành sơn nhất đại, vạn đại dung thân". Nhận được mật ngữ này như nắm được chìa khóa vàng mở cửa tương lai, Đuan Quận Công Nguyễn Hoàng cùng họ hàng đã vượt Hoành Sơn để gây dựng cơ nghiệp trên vùng đất mới và về sau các chúa Nguyễn kế thừa đã củng cố thế lực của mình ở đất phương Nam đối lập với thế lực phương Bắc mà lịch sử gọi là Đàng Trong - Đàng Ngoài. Chúa Tiên Nguyễn Hoàng là nhà lãnh đạo tài ba đã dung hòa ba nguồn tư tưởng lớn: Thích, Đạo, Nho kết hợp với lòng tin ngưỡng và đức độ của ông đã cảm phục lòng dân hai xứ Thuận-Quảng. Năm 1611, Chiêm Thành xâm lấn biên giới, Nguyễn Hoàng sai đem quân đi đánh, lấy đất lập ra phủ Phú Yên.

Đầu thế kỷ 17, chúa Sãi Phúc Nguyên gả công chúa Ngọc Vạn cho vua Chân Lạp. Năm 1623, chúa xin cho người Việt đến làm ăn ở Prey Kor (Sài Gòn) và gây dựng những cơ sở đầu tiên của chúa Nguyễn trên đất Nam bộ.

Năm 1653, chúa Hiền Nguyễn Phúc Tần mở rộng đất đến Phan Rang, đặt phủ Diên Khánh (Khánh Hòa). Chúa Hiền đã làm cho đời sống văn hóa tín ngưỡng phát triển mạnh và Phật Giáo trong thời kỳ này cũng được khởi sắc.

Năm 1665, thiền phái Lâm Tế đã được truyền vào đất Phương Nam do tổ sư Siêu Bạch Hoán Bích - Nguyên Thiều Thọ Tông.



Sắc tứ Báo Quốc Tự, Huế

Năm 1692, Minh Vương Nguyễn Phúc Chu dẹp loạn quân Chiêm Thành và sau đó lập ra phủ Bình Thuận.

Đến năm 1697, thiền phái Tào Động được truyền vào đất Phương Nam do tổ sư Đại Sán Thạch Liêm.

Chúa Võ Nguyễn Phúc Khoát hoàn thành sứ mạng cuộc Nam tiến vào năm 1757. Tròn một thế kỷ rưỡi, toàn bộ nam Chiêm Thành và Thủy Chân Lạp đã nhập vào Đàng Trong Đại Việt. Trong triều đại Nguyễn Phúc Khoát, thiền phái Liễu Quán—một dòng thiền mới của Đại Việt được xuất phát từ chùa Chùa Bảo Tịnh (Phú Yên), chùa Viên Thông và Thiền Thai Thiền Tôn (Huế), đã lan toả khắp xứ Đàng Trong. Chúa Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát thường đến chùa Viên Thông tham vấn Phật Pháp với Thiền sư Liễu Quán ở trên ngọn núi có chùa Viên Thông, được gọi là núi Ngự.

Năm 1943, khi tổ Liễu Quán viên tịch Chúa Võ Vương sắc làm bia ký ca ngợi đạo hạnh của Thiền Sư, ban thụy hiệu là: Chánh Giác Viên Ngộ Hòa Thượng.

2. Vai Trò Thiền Phái Liễu Quán Đất Phương Nam

Công hạnh Thiền sư Thiệt Diệu Liễu Quán được khắc ghi đậm nét trên văn bia tháp ở chùa Thiền Tôn tại núi Thiền Thai Huế:

*"Lờ đờ nước chảy
Nguồn xa dòng dài"*

*Đèn tuệ mỗi lửa
Đạo Tổ sáng hoàn
Cháu con vô số
Như voi như rồng
Núi báu bằng hiện
Tôn phong siêu lạ
Trí biện dung thông
Cơ thiền nhay bén
Hóa duyên đã mãn
Ai nấy tôn phong
Bên núi Thiên Thai
Dựng tháp Vô Phùng
Pháp thân hiển lộ
Ở giữa muôn trùng.*

*Năm Cảnh Hưng thứ 9 (1748), tháng Tư, ngày
Tốt, Trung Hoa, Phúc Kiến, Huyện Ôn Lăng, chùa
Tang Liên, cháu trong đạo là Hoà thượng Thiền Kế
soạn.” (HT. Thích Thiện Siêu dịch nghĩa)*

Sau khi Tổ Thiệt Diệu Liễu Quán viên tịch, dòng thiền Liễu Quán đã được thắp sáng bởi công hạnh của các đệ tử và các pháp tôn đã làm rực sáng Phật pháp nơi miền Nam đất Việt. Phật giáo đất Phương Nam phát triển theo sự mở rộng bờ cõi của các chúa Nguyễn, từ Thuận Hóa vào Gia Định và đến mũi Cà Mau. Song song với việc đưa dân đến khai khẩn đất đai, lập làng dựng ấp, mở rộng lãnh thổ, các đời chúa Nguyễn chọn Phật giáo làm chỗ dựa tinh thần để an dân trị quốc. Nhiều ngôi chùa được tạo dựng đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng của người dân như cầu an khi đau ốm, cầu siêu khi qua đời. Chư Tăng đóng vai trò quan trọng trong việc hướng dẫn đời sống tinh thần, an lạc xã tắc, đều hòa những giao động tâm thức của con người trước những thảm cảnh chiến tranh và là những tu sĩ tiên phuông rời kinh đô Phú Xuân, theo đường biển vào Nam, lập am hành đạo trên vùng đất Chân Lạp:

*“Vạn lý kinh đô biệt
Nhật ngộ đạo phi quân
Thiệp thủy đăng sơn viễn
Tâm ấn phục Huỳnh Mai.
Ấn ảnh từng trung khứ
Đại nguyệt độc chinh nam
Lữ hành vô Phật địa
Thiếu thất tị thời hồ.”*

(Văn bia thiền sư Nguyễn Đăng Chùa Bửu Hưng Đồng Tháp)

Tìm hiểu Phật Giáo Việt Nam trong giai đoạn chấn hưng, khi đọc lại: “Tuyển Tập Điều Lệ - Quy Chế - Hiến Chương Phật Giáo Việt Nam giai đoạn 1932-2000” do Trung tâm dịch thuật Hán Nôm Huế Quang ấn hành năm 2016, chúng ta thấy phần lớn những điều lệ của các Hội Phật Học trong những năm chấn hưng Phật Giáo, phần lớn là do công lao của những danh Tăng trong Tông môn Liễu Quán được đào tạo qua các trường Phật học: Tây Thiên, Báo Quốc, Phật học đường Nam Việt biên soạn cho phù hợp với từng thời kỳ để cho dòng sinh hoạt Phật giáo được phát huy thích ứng với xã hội với mục đích rõ ràng nhưng không xa rời tôn chỉ và pháp môn tu học của thiền phái Liễu Quán:

*“Đường lớn thực tại
Biển thể tính trong.
Nguồn tâm thẩm khắp
Gốc đức vun trồng.
Giới định phước huệ
Thể dụng viên thông.*

*Quả trí siêu việt
Hiếu thấu nên công.
Truyền giữ lý mẫu
Tuyên dương chính tông.
Hành giải song song
Đạt ngộ chân không.”*

(Kệ Truyền Thừa Thiền Phái Liễu Quán - Thiền sư Thích Nhất Hạnh dịch)

Dòng thiền Liễu Quán với pháp môn tu tập thuần Việt, phù hợp với nhu cầu tâm linh của người Việt đã làm rạng danh Phật giáo Đàng Trong trong thời kỳ chấn hưng Phật Giáo và ngày nay chư Tăng thuộc môn phong pháp phái Liễu Quán đang hành đạo ở nhiều quốc gia trên thế giới, những nơi mà có người Việt định cư tiếp tục thắp đuốc, trao đèn chánh pháp làm cho thiền phái Liễu Quán được phát huy theo dòng sinh hoạt tâm linh và làm đẹp cuộc đời.

II. Thiền Sư Tế Nhon Hữu Bui với Dòng Thiền Liễu Quán

1. Thiền Sư Tế Nhon Hữu Bui



Thiền sư Tế Nhon Hữu Bui, họ Bùi, là một trong những đệ tử đặc pháp của Tổ sư Thiệt Diệu Liễu Quán. Là người có công nhất trong việc khai sơn tạo tự, hoằng truyền Phật pháp ở đất Phương Nam. Công hạnh của thiền sư Tế Nhon Hữu Bui được nhắc đến qua một số sử liệu như: *Thích Song Tổ Ấn* của đại sư Tịnh Hạnh, *Việt Nam Phật Giáo Sử Luận* của Nguyễn Lang,

Phật Giáo Sử Lược của hòa thượng Mật Thể, *Thiền Tông Thế Kỷ 20* của thiền sư Thích Thanh Từ, *Lịch Sử Phật Giáo Đàng Trong* của Nguyễn Hiền Đức. Qua chánh pháp nhãn tạng còn lưu truyền tại các tổ đình tại Tổ đình Hội Phước Nha Trang, chùa Hội Tôn Bình Dương và long vị của Thiền sư Tế Nhon Hữu Bui và các đệ tử được tôn thờ tại các ngôi chùa nổi tiếng như các chùa: Báo Quốc, Báo Tịnh, Hồ Sơn ở miền Trung cũng như nhiều chùa khác miền Nam, nhưng rất tiếc chưa được hệ thống mạch lạc và khảo cứu tường tận. Mong rằng trong tương lai công hạnh của thiền sư Tế Nhon Hữu Bui và quý danh Tăng sẽ được tuyên dương và khắc ghi đậm nét trên trang sử truyền Phật Giáo Việt Nam.

Theo tư liệu tại tổ đình Báo Quốc, vào năm Cảnh Hưng thứ 8 (1747), chúa Nguyễn Phúc Khoát đã cung thỉnh Thiền sư Tế Nhon Hữu Bui từ Tổ đình Thuyền Tôn ra làm trú trì chùa Báo Quốc trong đại lễ lạc thành.

Thiền sư Tế Nhon Hữu Bui có rất nhiều thiện hữu tri thức xin xuất gia. Những vị đệ tử nổi danh mà chúng ta được biết đến như: thiền sư Đại Triệt, thiền sư Đại Trí Quảng Thông, thiền sư Đại Nguyệt Linh Chiếu, thiền sư Đại Quang Chí Thành

Huệ Chiếu, thiền sư Đại Bửu Ngọc Sâm chùa Vĩnh Quang, Đại Ngạn Tử Tấn khai sơn Chùa Hội Khánh Bình Dương v.v...

Năm 1752, Thiền sư Đại Triệt là người đệ tử cuối được Thiền sư Tế Nhơn Hữu Bùi truyền kệ phú pháp:

法付本繼宗

諸相總是空

法法亦非法

萬法在其中

Phiên âm:

Pháp phú bổn kế tông

Chư tướng tổng thị không

Pháp pháp diệc thị pháp

Vạn pháp tại kỳ trung.

Tạm dịch:

Trao pháp vốn nối tông

Các tướng thảy đều không

Các pháp và phi pháp

Muôn pháp ở bên trong.

Thiền sư Tế Nhơn Hữu Bùi viên tịch vào ngày 11 tháng Chạp năm Quý Dậu 1753, được ban thụy hiệu là Viên Giác. Đồ chúng lập tháp trong khuôn viên phía trước chùa, bên cạnh tháp của thiền sư Tế Ân Lưu Quang. Tháp của ngài Tế Nhơn Hữu Bùi cao 4m70 có 6 tầng vắn ở bia tháp Ngài như sau: "Cảnh Hưng thập tứ, tuế thứ Quý Dậu lục nguyệt cát đán lập. - Sắc tứ trùng hưng Báo Quốc Hữu Bùi Tế Công, thụy Viên Giác Lão Hòa thượng chi tháp. - Tự Pháp môn nhân cập trí đồ đồng tữ".

2. Chùa Báo Quốc nơi Tổ sư Liễu Quán tu học và Tế Nhơn Hữu Bùi thừa kế

Chùa tọa lạc trên đồi Hàm Long, đường Báo Quốc, Phường Đức, thành phố Huế. Chùa Báo Quốc ban đầu có tên là Hàm Long Sơn Thiên Thọ Tự, do Thiền sư Giác Phong dựng vào cuối thế kỷ 17. Đây là di tích lịch sử nơi mà Tổ Liễu Quán đến học đạo và ở lại trong 11 năm.

Đến năm 1747, Hiếu Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát cho trùng tu chùa và ban cho chùa tấm biển chữ Hán "Sắc Tứ Báo Quốc Tự", bên trái có ghi hàng chữ "Quốc Vương Từ Tế đạo nhân ngự đề," bên phải có dòng lạc khoản "Cảnh Hưng bát niên hạ ngũ nguyệt cát nhật." Ngoài ra còn có dấu chạm khắc hình bốn cái ấn, một cái triện tròn khắc chữ Quốc Chúa Nam Hà. Hiếu Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát đã sắc chiếu cử Thiền sư Tế Nhơn Hữu Bùi một trong những cao đệ đắc pháp của Tổ Liễu Quán trụ trì chùa Báo Quốc.

Thời Tây Sơn, chùa Báo Quốc bị chiếm dụng làm nhà kho chứa diêm tiêu. Mãi đến năm 1808, Hoàng Hậu Hiếu Hương chỉ đạo tái thiết lại ngôi chùa, đúc đại hồng chung, xây tam quan, đổi tên chùa thành Hàm Long Thiên Thọ tự và thiền sư Đạo Minh Phổ Tịnh được mời về làm trụ trì.

Bước sang triều Nguyễn, vua Minh Mạng đến thăm chùa vào năm 1824 và sắc tứ tên là Báo Quốc Tự. Năm 1858, nhà vua đã tổ chức đại giới đàn tại đây. Kế thế trụ trì tiếp theo sau thiền sư Đạo Minh Phổ Tịnh là các danh tăng như các ngài: Tánh Thiên Nhất Định, Tánh Chiếu Nhất Niệm, Hải Thuận Lương Duyên, Thanh Nhãn Tâm Quảng, Tâm Truyền và Tâm Khoang làm Tăng cang chùa Báo Quốc.

Vào năm 1917, J.A. Laborde đến nghiên cứu để viết về chùa Báo Quốc, còn thấy trong khuôn

chùa có 19 ngôi tháp, mà ngôi tháp Tổ Tế Nhơn oai uy nghiêm nhất. Tháp có 6 tầng, cao đến 4m 70. J.A. Laborde không chép lại câu văn bia tháp bằng chữ Hán, mà chỉ nói là tháp của Hòa thượng Bùi Công hựu Viên Giác là người có công trùng hưng chùa Báo Quốc. Nhưng L. Cadière đã có chép câu văn ở bia tháp Ngài như sau: "Cảnh Hưng thập tứ, tuế thứ Quý Dậu lục nguyệt cát đán lập. - Sắc tứ trùng hưng Báo Quốc Tự Phi công, thụy Viên Giác Lão Hòa thượng chi tháp. - Tự Pháp môn nhân cập trí đồ đồng tữ". J.A. Laborde cho biết bia chùa Báo Quốc viết tên ngài là "Hữu Phi." L. Cadière ngờ rằng người ta ghi và đọc sai từ đầu; ông cho rằng Ngài chính là Hữu Bùi và Bùi Công mới hợp lý. Bởi trong chữ Hán, hai chữ Phi và Bùi viết gần tương tự, cho nên người ta có thể đọc và ghi lầm! Giả thuyết của L. Cadière có thể chấp nhận được. Vì chính ngài Hữu Bùi được xem là vị Tổ đã trùng hưng chùa Báo Quốc mà chúa Nguyễn Phúc Khoát là người ngoại hộ; bởi đó mà tháp Ngài mới được xây cao lớn và uy nghiêm nhất trong số 19 tháp ở vườn chùa Báo Quốc xưa. J.A. Laborde chỉ nói tháp được xây dựng bởi chư Tăng và môn đệ của Tổ, vào năm Cảnh Hưng thứ 14 (1753).

Trong phong trào chấn hưng Phật giáo, vào những năm 1930, chùa Báo Quốc đã đóng vai trò quan trọng về mặt đào tạo tăng tài cho Phật Giáo. Năm 1935, Trường sơ đẳng Phật học được mở tại chùa. Đến năm 1940, Trường cao đẳng Phật học cũng lại được mở tại đây. Theo cổng thông tin điện tử Thừa Thiên Huế: "Năm 1948, An Nam Phật Học Hội dời Sơn môn Phật học đường từ chùa Linh Quang về chùa Báo Quốc do Hòa thượng Thích Tịnh Khiết, Tăng Thống Giáo hội, làm giám đốc. Người tiếp nối sự nghiệp giáo dục tăng ni và làm trụ trì chùa Báo Quốc là Hòa thượng Thích Trí Thủ. Hòa thượng cũng là người lập ra trường Bồ Đề ở thành nội năm 1952, sau phát triển thành một hệ thống trường Bồ Đề khắp các tỉnh miền Trung và miền Nam trước năm 1975. Ngày nay chùa Báo Quốc là nơi đặt trường trung cấp Phật học Huế. Chùa còn giữ được Hàm Long Sơn Chí, một tác phẩm của Diêm Tịnh cư sĩ bằng chữ Hán ghi lại lịch sử phát triển của Phật giáo Thuận Hóa".



3. Môn Phong Của Thiền Sư Tế Nhơn Hữu Bùi ở Đất Phương Nam

Pháp phái của tổ Tế Nhơn Hữu Bùi được truyền vào Phú Yên, từ đời thứ 37 do Thiền sư Đại

Quang Chí Thành và thiền sư Đại Nguyệt Linh Chiếu hoằng giáo, và phát triển rực rỡ.

Đến đời thứ 39, ngài Tánh Thông Giác Ngộ, một thiền sư nổi danh, chỉ ăn cây lá, mặc áo vỏ cây. Thiền sư Tánh Thông được vua Minh Mạng, và vua Thiệu Trị triệu về Huế để giảng Pháp. Ngài có các đệ tử rất nổi danh như các thiền sư: Hải Hội Phổ Chất, Hải Lưu Mật Niệm hoằng hóa tại Phú Yên, Hải Lâm Bảo Kế trở lại trú trì chùa Từ Lâm Huế, nơi Tổ Liễu Quán đã thọ Tỳ kheo; Hải Bình Bảo Tạng, Hải Chánh Bảo Thanh, Bảo Chơn đã mở địa vực hoằng hóa từ Phú Yên vô tới Phan Rang, Phan Rí, Đồng Nai, Bà Rịa, Biên Hòa. Vừa khai sơn, vừa trùng tu, các Đại sư trong Pháp phái đã xây dựng hàng chục ngôi chùa ở các tỉnh trên, làm cho dòng thiền Liễu Quán hưng thịnh ở miền Nam.

Thiền sư Đại Quang Chí Thành Huệ Chiếu từ Phú Yên truyền vào Khánh Hòa, Bình Thuận, Bà Rịa Vũng Tàu, Bình Dương và Tây Ninh được minh chứng qua sử liệu của chùa Hội Phước. Một trong những Chánh Pháp Nhãn Tạng ở Tổ đình Hội Phước Nha Trang ghi:

“Hòa thượng Thanh Minh Huệ Châu nổi dòng Lâm Tế đời 41, thế hệ thứ 7 nhánh thiền Liễu Quán.”

Chánh pháp nhãn tạng viết ngày 4 tháng 10 năm Quý Mão 1903, hiện lưu giữ tại Tổ đình Hội Phước ghi như sau:

“Tam Thập ngũ thế Thiên Thai Thiệt Diệu Liễu Quán Hòa thượng

Tam thập lục thế Tế Nhơn Hữu Bùi Hòa thượng

Tam thập thất thế Đại Quang Chí Thành Hòa thượng

Tam thập bát thế húy Đạo Ấm Quảng Xứ Hòa thượng

Tam thập cửu thế húy Tánh Như Phổ Tế Hòa thượng....

Long Hòa tự tứ thập thế húy Hải Hội thượng Chánh hạ Niệm Hòa thượng Phú chúc:

Lâm Tế chánh tông tứ thập nhất thế húy Thanh Minh thượng Huệ hạ Châu Đại sư”.

Như vậy, Tổ Thanh Minh kế thừa chùa Hội Phước Nha Trang thuộc đời thứ 41, là đệ tử đặc pháp của Hòa thượng Hải Hội Chánh Niệm, trú trì chùa Long Hòa ở Bà Rịa.

Căn cứ “Sơ Thảo Lịch Sử Phật Giáo Bình Dương” do Hòa thượng Thích Huệ Thông biên soạn, nhà xuất bản Mũi Cà Mau ấn hành năm 2000 và “Chánh Pháp Nhãn Tạng” lưu giữ tại tổ đình Hội Phước Nha Trang, chúng ta khẳng định Thiền sư Đạo Trung là đệ tử đặc pháp với Thiền Sư Đại Quang Chí Thành dựa phổ hệ truyền thừa đáng tin cậy đang lưu giữ tại chùa Long Thọ Bình Dương. Chúng ta có thể đúc kết lại thiền phả truyền thừa của thiền sư Đạo Trung Thiện Hiếu, người khai sơn Chùa Linh Sơn núi Bà Đen Tây



Ninh, như sau:

Đời 35 Thiệt Diệu Liễu Quán, 36 Tế Nhơn Hữu Bùi, 37 Đại Quang Chí Thành, 38 Đạo Trung Thiện Hiếu, 39 Tánh Hiền, 40 Hải Thiệp, 41 Thanh Thọ Phước Chí, 42 Trùng Tùng Chơn Thoại, 43 Tâm Hòa Chánh Khâm, 44 Nguyên Cơ Giác Phú v.v...

THIỀN SƯ ĐẠO TRUNG THIỆN HIẾU

Năm 1744, Chúa Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát muốn tổ chức lãnh thổ Đàng Trong thành một nước ngang hàng với Đàng Ngoài của vua Lê, chúa Trịnh nên đã cải tổ hành chánh và phát động phong trào di cư vào vùng đất mới Miền Nam đất đai trù phú, phì nhiêu của lưu vực sông Cửu Long và sông Đồng Nai. Hòa thượng Đại Quang

Chí Thành cùng một số Tăng Sĩ đã giòng buồm vượt biển theo dân di cư vào vùng đất Phương Nam để hoằng truyền Phật Pháp cho di dân nghèo khổ xa quê hương đến vùng đất lạ. Các ngài đã độ được nhiều đệ tử nổi danh và các pháp tôn tiếp nối ngọn đèn pháp còn truyền sáng mãi đến nay tại Việt Nam, trong số đó có Thiền Sư Đạo Trung Thiện Hiếu còn gọi là “Tổ Đĩa” đã khai sơn và trùng hưng 7 ngôi chùa: 1. Chùa Linh Sơn trên núi Bà Đen Tây Ninh, 2. Chùa Hội Lâm Hốc Môn Gia Định, 3. Chùa Bến Chùa (Hóc Môn), 4. Chùa Long Hưng (Thủ Dầu Một), 5. Chùa Hội Khánh (Thủ Dầu Một), 6. Chùa Hội Sơn (Thủ Đức), 7. Chùa Bửu An (Bến Gỗ Biên Hòa).

Đúng như lời người xưa đã ca tụng: “Sanh tiền giáo huấn đặc nhân, vô tử nhi hữu tử. Một hậu danh lưu tại thế, tuy vong giả bất vong (Khi sống dạy dỗ được người, không có con như có con. Lúc mất danh lưu lại đời, tuy mất nhưng không mất).

Thiền sư Đạo Trung Thiện Hiếu được mãi lưu danh là người có công hộ quốc an dân theo phong trào Nam tiến để mở rộng đất đai vùng đất Bình Dương, Sông Bé, Tây Ninh trong hoàn cảnh dở dặt khai hoang ruộng nương, giúp dân vùng bưng đĩa canh tác nên được dân chúng gọi sư là Tổ Đĩa. Ngày 20 tháng 12 năm Kỷ Mùi 1800, thiền sư Đạo Trung Thiện Hiếu viên tịch tại chùa Hưng Long. Sau khi trả tì còn lại ngón tay trong tro tàn. Môn đồ tứ chúng lập tháp thờ ngài trong khuôn viên chùa và hằng năm đều tưởng niệm kính lễ một vị thiền sư thuộc pháp phái Liễu Quán tu hành liễu đạo đã có nhiều công lao khai sơn tạo tự và truyền bá chánh pháp rộng mở ở đất Phương Nam.

THIỀN SƯ TÁNH THÀNH VIÊN NGỘ

Trong sách *Đại Nam Nhất Thống Chí* có ghi: Tăng Ngộ tên là Nguyễn Chất người huyện Phước Lộc, phủ Tân An, tỉnh Gia Định. Năm 1806, Nguyễn Ngọc Ngộ phát nguyện xuất gia nhưng cha mẹ không cho. Cha của Ngài còn bảo: “Ta nghe nói, đức Phật là nhất thiết không hư, không

có vật gì dính ở thân mình. Con muốn bỏ trần theo Phật thì hãy xuống bếp lấy tay cầm than lửa đem lên đây cho cha hút thuốc, cha mới tin là con có chân tâm phụng Phật". Nghe cha nói vậy, Ngài xuống bếp lấy than lửa bỏ trên bàn tay mang lên, than cháy bỏng cả lòng bàn tay. Người cha cảm động, thấy ý chí mãnh liệt của con, đành phải cho con xuất gia đầu Phật.

Ngài xuất gia ở chùa Vĩnh Quang, được ban pháp danh là Tánh Thành dưới sự dẫn dắt của hai bậc cao tăng đương thời là: Hòa thượng Đạo Huệ Huyền Quảng và Đạo Tứ Quảng Thanh. Không những tu hành hết sức tinh tấn, ngài Tánh Thành đã phát tâm làm một con đường dài từ Đông sang Tây ở trong làng bị bùn lầy, cây cối rậm rạp để người dân đi được thuận tiện, an toàn.

Vào năm 1820, trong vùng Long An phát bệnh đậu mùa lan rộng, nhiều người chết. Cảm thương trước đại nạn, Thiền sư Tánh Thành Viên Ngộ lập đàn cầu kinh tiêu tai, giải ách, phát khởi mật nguyện chung thân tịnh cốc (không ăn suốt đời) cầu nguyện cho đại dịch tiêu tan, cầu cho quanh vùng được bình an và quả nhiên linh ứng nhiệm mầu.

Đến năm Bính Ngọ 1846, thiền sư Tánh Thành viên tịch. Người dân trong vùng, cảm mến đức hạnh và công lao của Ngài nên xây tháp thờ trong khuôn viên chùa Tôn Thạnh. Thiền sư Tánh Thành Viên Ngộ thuộc Thiền phái Lâm Tế, chi phái Liễu Quán đời thứ 39 với phả hệ như sau: Đời thứ 35 Tổ Thiệt Diệu Liễu Quán, 36 Tế Nhơn Hữu Bùi, 37 Đại Bửu Ngọc Sâm, 38 Đạo Tứ Quảng Thanh, 39 Tánh Thành Viên Ngộ.



Sự truyền thừa Thiền phái Liễu Quán đã hòa quyện cùng Thiền phái Trúc Lâm, Thiền phái Nguyên Thiều và Thiền phái Chúc Thánh, làm cho Thiền tông Lâm Tế phát triển mạnh và lan toả khắp xứ Đàng Trong và ngày nay được lan truyền ra nhiều quốc gia trên thế giới kể từ khi người Việt đến định cư sinh sống. Tìm hiểu về nguồn cội tâm linh và sự truyền thừa Thiền Phái Liễu Quán để noi gương hành đạo chư Tổ giúp soi mình trong quá khứ, để trang nghiêm hiện tại và xây dựng tương lai. Hiểu rõ lịch sử văn hoá đạo pháp và dân tộc sẽ giúp thế hệ con cháu chúng ta ý thức rõ hơn về cội nguồn văn hoá Việt trao dồi nét đẹp đời sống tâm linh để làm đẹp cuộc sống mới nơi ta đang sinh sống.

Thiền phái Liễu Quán đã được thiền sư Thích Thiên Ân và Thích Nhất Hạnh chính thức giảng dạy tại các giảng đường đại học Việt Nam và nhiều giảng đường trên thế giới để giới thiệu nét đẹp văn hóa Việt Nam cho người Tây Phương như là



một phương thuốc lành mạnh, có đặc điểm trung tính hóa giữa hai trào lưu tư tưởng thủ cựu và ngình tân. Nét đặc thù của thiền phái Liễu Quán đã dung thông được tư tưởng quá yếm thế của Lão Giáo và tư tưởng nhập thế nặng về lễ nghi của Khổng Giáo để cổ động nét đẹp văn hóa tâm linh Việt Nam.

Tạp Chí Khoa Học, Đại học Huế, tập 72A, số 3 (năm 2012), đã có lời nhận xét: "Thiền sư Liễu Quán đã trở thành người có công trong việc đưa Phật giáo xích gần thêm với văn hóa dân tộc, đặc biệt là ở lĩnh vực tín ngưỡng dân gian, góp phần quan trọng trong việc chấn hưng Phật giáo ở thế kỷ XVIII. Sự nghiệp của ông đã có ảnh hưởng rất sâu rộng trong quá trình phát triển của Phật giáo Việt Nam từ đó đến nay."

Đạo hạnh và đạo nghiệp của các đệ tử và các pháp tôn trong tông môn Liễu Quán đã tỏa sáng, làm lợi ích cho nhiều thế hệ. Thiền phái Liễu Quán đã có sức sống mạnh mẽ, vững vàng không chỉ vì tôn chỉ, phương pháp thiết thực mà điều quan trọng là luôn hướng về dân tộc, đưa Phật giáo gần lại với con người Việt Nam, hòa vào văn hóa chung của dân tộc, góp phần xây dựng đạo pháp trường tồn với tôn chỉ "Cứu khổ ban vui" của đạo Phật làm an lạc cuộc đời.

Để "Tưởng nhớ ơn sâu mở đạo, ghi lòng nghĩa lớn truyền đăng", chúng ta tìm đọc hành trạng của chư Tổ, noi gương tu tập và hoằng pháp của các danh Tăng Việt Nam để tiến lên lộ trình giải thoát là một trong muôn vàn cách biểu lộ tri ân đối với người đã dày công khai hóa và truyền thừa dòng thiền Liễu Quán ở đất Phương Nam.

(Đầu Xuân Quý Mão 2023,
tại chùa Hội Phước New Mexico)

Thích Thánh Minh

MẸ DẠY CON NGỒI NHƯ NÚI

1

mưa bụi lướt về trong mơ
ướt sũng một thời trí nhớ
thì thầm cổ tích như thơ
bay vào trong con giấc ngủ

mẹ ru con lời dịu dàng
nguyện cho mưa về tốt lúa
nguyện cho khắp cõi bình an
nguyện người người xa nhà lửa

2

mưa xa bay khắp bạt ngàn
nhớ thương về theo muôn lối
mẹ tập cho con đánh vần
dạy con thành sông, thành núi

mẹ nói con phải thương người
ba cõi kiếp xa vô lượng
đếm sao kể hết ơn đời
sống từng khoảnh khắc trân trọng

3

mưa đêm chở ngát rừng hương
về ôm từ bi phố nhỏ
nghe mẹ dạy con yêu thương
sợi nắng, cái bông, ngọn cỏ

mẹ dạy tỉnh thức dịu dàng
thương cả gà con, gà mẹ
coi chừng giẫm kiến bên đường
con nhớ bước đi rất nhẹ

4

mưa khuya chở lạnh vào đêm
nghe mẹ đọc con trang sách
chen tiếng mưa sa bên thềm
ngủ ngoan giữa lời tí tách

mẹ hát ca dao ả ơi
nguyện con vương tròn học chữ
nguyện con thiện pháp không rời
nguyện con lời lời pháp ngữ

5

mưa đêm tiền kiếp chưa qua
mẹ dạy con ngồi như núi
nghe thở hơi gần, hơi xa
nghe vắng muôn sông nghìn suối

mẹ dạy không ta, không người
bước đi giữa rừng công đức
mắt từ nhìn khắp nơi nơi
rỗng lặng đêm ngày tỉnh thức

6

mưa đêm buồn khắp Sài Gòn
ướt sũng một thời mới lớn
mẹ hát rằng có là không
khó để mười phương đau đớn

rằng con là biển, là rừng
rằng con là mây, là nắng
rằng thân chảy xiết không ngừng
rằng tâm ba thời vắng lặng

7

Sông Hằng tiền kiếp mưa đêm
dịu dàng lưu chảy trong con
sáng trưa chiều tối hiện tiền
bờ này, bờ kia cạn dòng

lời mẹ con ghi vào thơ
chữ bay lưng trời cánh nhạn
cõi này con sống như mơ
đi đứng nằm ngồi rỗng lặng.

(Tết Nguyên Đán Quý Mão 2023)

thơ NGUYỄN GIÁC



TÌM HIỂU KINH "BÁT ĐẠI NHÂN GIÁC"

Thích Nữ Hằng Như

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

I. DUYÊN KHỞI

Ở đời bất cứ sự kiện nào xảy ra cũng có nguyên do của nó. Như bài kinh "*Bát Đại Nhân Giác*" xuất hiện trên thế gian này cũng không ngoại lệ. (*) Kinh kể lại vào thời gian đức Phật trú ngụ tại tịnh xá Kỳ Viên. Trong một buổi Pháp hội, tôn giả A-Na-Luật là một trong số mười vị đại đệ tử của đức Phật đã chứng được thiên nhãn thông, thưa với Ngài rằng:

- Bạch đức Thế Tôn, bước đầu tu tập của người xuất gia là loại trừ tham, sân, ngã mạn, tật đố để bản thân có phẩm hạnh vô ngã, vị tha, và đem lại nhiều phước lạc cho mọi người... Bạch đức Thế Tôn, hiện nay Phật tử tại gia học đạo khá nhiều, đệ tử xuất gia tiếp cận xã hội hằng Pháp lợi sinh cũng không ít. Làm thế nào để giúp các vị này tiến xa hơn đến chân trời giác ngộ, giải thoát và Niết bàn. Cúi xin đức Thế Tôn từ bi khai thị.

Đức Phật hoan hỷ dạy rằng:

- Nay A-Na-Luật, lời nói của ông rất đúng. Người xuất gia cần phải trên cầu giác ngộ, dưới độ chúng sinh. Ngoài việc làm lợi ích cho nhân sinh, người xuất gia hằng ngày cần phải tự mình thực hành tám điều giác ngộ của bậc Đại nhân nhằm hướng đến mục tiêu giải thoát. Tôi sẽ vì câu hỏi của ông mà nói lên tám điều giác ngộ đó.

Đây chính là nguyên nhân, đức Phật giảng nói kinh "*Bát Đại Nhân Giác*".

Kinh "*Bát Đại Nhân Giác*" được hiểu là "*tám điều giác ngộ của các bậc Bồ Tát*" hay là "*tám điều giác ngộ của các bậc đại nhân*". (**) Bài kinh này mang số 779 bằng chữ Hán trong bộ Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh, được Ngài An-Thế-Cao dịch từ tiếng Phạn sang Hán ngữ vào năm 148 Tây lịch. An-Thế-Cao là Thái tử xứ An Tức (Parthie), nay một phần thuộc Ba-Tư (Persia,

Iran), một phần thuộc A-Phú-Hãn (Afghanistan). Vào thời điểm đó, đạo Phật từ Ấn Độ truyền sang vùng Trung Đông rất thịnh hành. Ngài An-Thế-Cao từ bỏ ngôi vua xuất gia tu học, sau khi giác ngộ nền minh triết của đạo Phật, Ngài đến Trung Hoa hoằng pháp và dịch quyển kinh này sang chữ Hán.

Bản kinh chữ Hán của Ngài An-Thế-Cao được nhiều vị tôn túc Việt Nam dịch sang Việt Ngữ và giảng dạy cho tăng ni cũng như cư sĩ. Duyên sự, có thiện sinh đặt câu hỏi về bộ kinh này, nên chúng tôi mạo muội chia sẻ bài "*Tìm Hiểu Kinh Bát Đại Nhân Giác*" để chúng ta cùng nhau ôn học.

II. BẢN VIỆT NGỮ KINH "BÁT ĐẠI NHÂN GIÁC"

Mở đầu kinh viết: *Là người đệ tử Phật, ngày đêm phải luôn chí tâm tụng đọc và quán chiếu về Tám điều Giác Ngộ của các vị Đại Nhân.*

- **Điều giác ngộ thứ nhất:** *Thế gian vô thường, quốc gia nguy hiểm, mong manh. Bốn đại khổ, không. Năm uẩn không có ngã. Sinh diệt biến đổi, hư vọng, vô chủ. Tâm là gốc của ác, thân là nơi chứa của tội. Hãy quan sát như thế thì dần dần sẽ xa rời sinh tử.*

- **Điều giác ngộ thứ nhì:** *Nhiều tham muốn sẽ khổ. Sinh tử nhọc nhằn là do khởi từ lòng tham muốn. Không tham muốn và không tạo tác thì thân tâm tự tại.*

- **Điều giác ngộ thứ ba:** *Cái tâm này không bao giờ biết đủ và mãi luôn mong cầu. Cho nên nó làm cho tội ác tăng trưởng. Bồ Tát thì không như thế. Các Ngài luôn có chánh niệm và biết đủ. Họ sống an nhàn, giản dị là để tu Đạo. Việc làm duy nhất của họ là tu tập trí tuệ.*

- **Điều giác ngộ thứ tư:** *Lười biếng dẫn đến truy lạc. Phải luôn tu hành tinh tấn, phá phiền não ác, hàng phục bốn loại ma, và ra khỏi ngục tù của năm uẩn và ba giới.*

- **Điều giác ngộ thứ năm:** *Ngu si dẫn đến sinh tử. Vì lẽ đó nên Bồ Tát luôn ở trong chánh niệm cùng đa văn học rộng để trí tuệ tăng trưởng và thành tựu biện tài. Giáo hóa chúng sinh là niềm vui lớn nhất của các Ngài.*

- **Điều giác ngộ thứ sáu:** *Bần cùng khổ khổ này sinh nhiều oán hận và kết duyên ác ngang trái. Bởi vậy nên Bồ Tát luôn thực hành bố thí. Họ cư xử oan gia và thân thuộc bình đẳng như nhau. Các Ngài không ôm lòng tà ác hay căm ghét người xấu.*

- **Điều giác ngộ thứ bảy:** *Năm dục dẫn đến lỗi lầm và hoạn nạn. Dầu cho là người tại gia thì cũng đừng bị dục lạc của thế gian làm nhiễm ô. Phải luôn tưởng nhớ đến ba y, bát sành và Pháp*



khí. Phải lập chí nguyện xuất gia, thanh tịnh tu Đạo, sống tịnh hạnh cao thượng và từ bi với tất cả.

- **Điều giác ngộ thứ tám:** Sinh tử ví như ngọn lửa cháy phừng và chúng mang theo vô lượng khổ não. Hãy phát tâm Đại thừa để rộng độ tất cả. Hãy nguyện vì chúng sinh mà thọ vô lượng khổ của họ và chỉ dẫn hết thảy đến niềm an lạc cứu cánh.

Đây là 8 điều mà chư Phật, Bồ Tát và các bậc đại nhân đã giác ngộ. Các Ngài tinh tấn hành Đạo, khởi lòng từ bi, siêng tu trí tuệ, và chèo thuyền Pháp thuyền đến bờ tịch diệt. Rồi sau đó lại trở về sinh tử để độ thoát chúng sinh. Các Ngài dùng tám điều trên để khai đạo tất cả, khiến các chúng sinh tinh ngộ nỗi khổ của sinh tử, xa lìa năm dục, và tu tâm nơi thánh Đạo.

Nếu đệ tử nào của Phật tri tụng tám điều này thì mỗi khi quán niệm, diệt được vô lượng tội, thăng tiến về Phật đạo, và nhanh thành chánh giác. Họ vĩnh viễn sẽ đoạn trừ sinh tử và luôn sống an vui. (hết trích)

III. TÌM HIỂU Ý NGHĨA KINH "BÁT ĐẠI NHÂN GIÁC"

- **Kinh:** Là những lời dạy của đức Phật, được kết tập lại thành bộ gọi là kinh. Lời Phật dạy phù hợp với chân lý, thích hợp với căn cơ của chúng sanh, trải qua ba thời quá khứ, hiện tại, vị lai đều đúng. Kinh Phật nói ra nhằm giáo hóa chúng sanh, giúp họ ngộ ra lẽ thật, mà tu hành để được giải thoát.

- **Bát:** Là tám. - **Đại nhân:** Là người lớn. Người lớn ở đây, nên hiểu là người tu tập và giác ngộ thấy rõ các pháp đúng như thực. Là người phát tâm tu lục độ chứng dần từ Sơ địa tiến đến Thập địa, gọi là Bồ Tát. Khi tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn thì thành Phật. Các vị Bồ-Tát này, Phật gọi là đại nhân.

- **Giác:** Là biết, là trí tuệ tối thượng do tu chứng mà thành, chứ không phải cái biết theo kiến thức của người thế gian.

- **Bát Đại Nhân Giác:** Là tám điều giác ngộ của Phật và Bồ Tát.

Thông thường mở đầu mỗi bộ kinh đều có "lục chúng chứng tín" hay "lục chúng thành tựu", tức là sáu điều chứng của ngài Anan nêu ra để người khác nghe mà đủ lòng tin vào pháp thoại Ngài tụng, là do Phật Thích Ca thuyết. Thí dụ bài "Kinh Tâm Hoang Vu" (Cetokhila sutta) thuộc Trung Bộ Kinh, mở đầu như sau:

"Như vậy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn ở Savatthi (Xá Vệ) tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này chư Tỷ-kheo." -- "Thưa vâng, bạch Thế Tôn", các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn..." (hết trích)

Sáu chúng tín của bài "Kinh Tâm Hoang Vu" gồm những điều như sau:

1. Văn: "Tôi nghe" nghĩa là tôn giả Anan nghe, rồi thuật lại.
2. Tín: "như vậy" chỉ pháp thoại mà Ngài Anan nghe Phật thuyết.
3. Thời: "Một thời" là thời gian nói Kinh.
4. Chủ: "Thế Tôn" là vị thuyết pháp.
5. Xứ: "ở Savatthi, tại Jetavana, vườn ông Anathapindika", nơi Phật thuyết pháp.
6. Chúng: "Các Tỷ-kheo" là những người

nghe Phật thuyết giảng.

Kinh "Bát Đại Nhân Giác" mở đầu không có phần này. Tại sao vậy? Hòa Thượng Thích Thanh Từ giải thích rằng: (**) "Vì lúc bấy giờ Phật pháp mới truyền vào Trung Quốc, người học Phật chưa thâm nhập giáo lý nhiều, nếu để trọn bộ kinh dày cho họ đọc, e không kham đọc nổi, nên Ngài An-Thế-Cao phương tiện rút từng phần tinh yếu của Phật pháp trong nhiều bộ kinh mà dịch, phân ra thứ tự tám điều giác ngộ, thành Kinh "Bát Đại Nhân Giác", để cho người mới phát tâm tu học dễ nắm được những điểm thiết yếu".

- **Điều giác ngộ thứ nhất:** Nhận diện vạn pháp mong manh, biến đổi, vô thường. Vũ trụ thì do bốn đại kết hợp mà thành. Bốn đại đó là thủy đại, địa đại, phong đại và hỏa đại. Chỉ cần một đại hư hoại thì cả vũ trụ cũng tàn lụi theo. Con người do tập hợp của năm ấm: sắc, thọ, tưởng, hành và thức. Sắc là vật chất, là thân người có thể xúc chạm và nhìn thấy. Thọ là cảm giác đau đớn, cảm thọ buồn vui, hận ghét. Tưởng là tri giác do hình ảnh tưởng tượng hiện lên trong đầu. Hành là phản ứng của tâm. Thức là cái biết phân biệt so sánh. Năm ấm còn gọi là năm uẩn. Mỗi ấm thành hình, cũng do nhiều điều kiện khác nhau hợp lại mà thành, nên thực chất năm ấm không có chủ quyền, không thực ngã, do đó nó sinh diệt thay đổi không ngừng. Nếu chấp năm ấm là thật, là ta, là của ta... thì khổ, vì danh sắc sẽ hư hoại bất cứ lúc nào!

Nói tâm là nguồn gốc của ác, vì gốc của tâm sẵn chứa tam độc tham, sân, si, lại nữa ngày đêm vọng tưởng tốt xấu luôn tiếp diễn huân tập trong tâm tạo thành ý nghiệp. Nói thân là chỗ chứa nhiều tội lỗi, vì thân là nơi tạo nhiều nghiệp xấu ác qua lời nói (khẩu nghiệp) và hành vi làm khổ mình khổ người (thân nghiệp). Nếu chúng ta thường quán xét như thế, thì dần dần xa lìa nỗi khổ sinh tử.

- **Điều giác ngộ thứ hai:** Hiểu rằng càng tham muốn nhiều chứng nào thì thân tâm càng khổ nhiều chừng đó. Phải biết bao nhiêu nỗi lo buồn, cực nhọc cả đời của con người đều do từ lòng tham muốn, khát ái mà ra. Nếu tâm ít ham muốn, ít chạy theo nhu cầu ngũ dục, thì thân tâm sẽ được bình ổn, nhẹ nhàng.

- **Điều giác ngộ thứ ba:** Giác ngộ rằng tâm người phạm phu luôn đầy vấy những lậu hoặc, tham khát ngũ dục: tài, sắc, danh, thực, thù... Càng dính mắc và nô lệ ngũ dục càng nhiều, thì nghiệp ác gây ra càng lớn. Các bậc Bồ Tát thì không như thế. Bồ Tát là những vị tu tập để thành Phật. Dù cũng sống lăn lộn trong biển khổ nhưng các Ngài luôn giữ chánh niệm, nghĩ nhớ đến pháp tri túc, sống đạm bạc an vui, để tâm cho việc tu hành phát huy tuệ giác.

- **Điều giác ngộ thứ tư:** Giác ngộ rằng sự lười biếng khiến con người uể oải, mệt mỏi, lâu ngày tự tìm thú vui hưởng thụ, dễ sa vào trụy lạc, làm nhiều điều xấu ác. Là người học đạo phải tinh tấn tu tập để xua tan phiền não, hàng phục bốn loại ác ma, ra khỏi ngục tù của năm uẩn và ba giới. Bốn loại ác ma gồm:

1. **Phiền não ma:** Là sợi dây trói buộc của tam độc (tham, sân, si) gây nhiễu hại thân tâm, phá hoại đường tu đạo.

2. **Ngũ ấm ma:** Là lục căn, lục trần và lục thức (thập bát giới). Là tất cả những hiện tượng

tinh thần, vật chất xung quanh vây hãm, che lấp trí huệ thanh tịnh, ngăn cản công đức thiện lành không cho phát triển. Nếu người tu chưa nhận ra “*Tam giới duyên khởi tánh không*”, chấp trước khi thân đặt chư pháp không tướng, thì người đó đang bị ngũ ấm ma khống chế. Nếu quán không tịch, tất cả vạn pháp, hữu vi, hay vô vi đều bắt khả đắc, tức thì ma cảnh biến mất.

3. *Tử ma*: Tử ma, là khi 4 đại phân tán, cái chết ngăn chặn sự kéo dài huệ mạng. Hoặc khi phát tâm tu chánh đạo, nửa chừng lâm trọng bệnh mạng chung hoặc bị hại chết. Hoặc lúc tu hành thì sanh tâm sợ chết không được hưởng thụ dục lạc, vội bỏ đạo nửa chừng. Tất cả những hoàn cảnh đó, là do bị tử ma sở nhiếp.

4. *Thiên tử ma*: Là ma vương ở trong tầng Trời thứ 6 của Dục giới (Tha Hóa Tư Tại), Thiên tử ma rất sợ đệ tử của Phật tu hành đặc đạo là khỏi dục giới, nên sai khiến chư quỷ thần quyến thuộc ma tâm đến cám dỗ, xúi giục phá hoại thiện căn phước lành của người tu. Có khi ma quân hiện ra các hình ảnh ghê rợn khủng bố tinh thần người tu. Có khi hiện ra hình ảnh nhu hòa khả ái để quyến rũ người tu. Có khi hiện lành dễ mến, có lúc hung tợn dữ dằn quấy nhiễu làm cho tinh thần người tu rối loạn sợ hãi bất an.

Để đối trị với ma quân nhiễu loạn, hành giả nên tinh thức liễu tri tất cả sở hữu kiến, văn, tư tưởng... đều không thực chất chắc chắn, bốn lại không tự sanh. Xem tất cả như không có gì, thì ma cảnh biến mất. Chúng ta nhớ lại gương đức Phật Thích Ca trước khi thành đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Giác cũng bị vô số ma quân quấy nhiễu. Cuối cùng tất cả ma quân đều bị đức Phật hàng phục.

- *Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới*: Là ba cõi sống của chúng sanh. Dục giới là cõi sống của loài người. Loài người là những chúng sinh có thân, có ý thức, và có lòng tham dục. Sắc giới là cõi sống của loài Trời. Loài Trời là chúng sanh không còn dục vọng, nhưng còn sắc thân vi tế. Vô sắc giới là cõi giới cao hơn, chúng sanh ở cõi này không còn lòng dục cũng không có sắc thân, chỉ còn tinh thần thuần túy mà thôi!

- **Điều giác ngộ thứ năm**: Phải giác ngộ nguyên nhân của luân hồi sinh tử là vô minh (ngu si), vì thế chúng ta phải noi gương các bậc Bồ Tát học rộng, nghe nhiều về Phật pháp. Hiểu rõ điều đã nghe, rồi phải thực hành, để trải nghiệm thân chúng tâm chúng, phát huy tuệ giác, đạt được biện tài vô ngại, hầu có khả năng giáo hóa mọi người theo tinh thần tự độ, độ tha.

- **Điều giác ngộ thứ sáu**: Giác ngộ rằng con người sinh ra trong hoàn cảnh nghèo nàn khổ khổ, phần đông thường bị giam hãm trong oán hận và căm thù, do đó họ tạo nhiều nghiệp xấu

ác, phải chịu quả khổ. Các bậc Bồ Tát thương xót họ nên thường thực hành hạnh bố thí không phân biệt kẻ thân người sơ. Đối với những người gian ác hay những người đã từng gây phiền não cho mình, các Ngài cũng bỏ qua và đối xử bình đẳng, giúp đỡ họ không phân biệt. Đây gọi là bố thí ba-la-mật.

- **Điều giác ngộ thứ bảy**: Giác ngộ rằng năm thứ ham muốn: sắc, thanh, hương, vị và xúc pháp (ngũ trần) gây nên tội lỗi và hoạn nạn. Dù là Phật tử tại gia cũng nên né tránh không để những thứ dục vọng này quyến rũ. Nên nuôi chí nguyện xuất gia. Là người xuất gia, khi vào đời hóa độ chúng sanh nên biết rằng tài sản của người xuất gia chỉ ba y, một bát, tứ sự khác như: thức ăn, thuốc men, y áo, sàng tọa, chỉ là pháp khí vừa đủ nuôi dưỡng thân thể để tu đạo. Đối với tự thân luôn giữ giới hạnh nghiêm minh, thanh bạch. Đối với chúng sanh một lòng từ bi thương xót.

- **Điều giác ngộ thứ tám**:

Giác ngộ rằng sinh tử như ngọn lửa đang cháy phừng thiêu đốt mọi loài. Con người vì si mê chấp nhận luân hồi sinh tử hết đời này sang đời khác thật vô cùng thống khổ. Biết thế, nên chúng ta lo tu tập để tự giải thoát mình, nhưng không

quên noi gương các vị Bồ Tát phát tâm quảng đại, nguyện thay thế chúng sanh chịu khổ và giúp cho họ đạt được cứu cánh Niết-Bàn.

Đó là tám điều mà Phật và Bồ Tát đã làm và đã giác ngộ. Khi thành Đạo rồi, các Ngài trở lại con đường sinh tử để hóa độ chúng sanh. Các Ngài khai thị hướng dẫn chúng sanh tu tập theo tám điều giác ngộ nêu trên.

Là đệ tử Phật nếu chuyên cần đọc tụng, thực hành tám điều dạy này, sớm muộn gì chúng ta cũng sẽ dần dần xa lìa, nếu không nói là sau cùng cũng vĩnh viễn đoạn tuyệt với sinh tử, sống đời an vui.

IV. KẾT LUẬN

Đạo Phật là đạo từ bi và trí tuệ. Đọc tụng bài kinh “*Bát Đại Nhân Giác*” chúng ta học theo tinh thần từ bi, lấy trí tuệ làm sự nghiệp của chư Phật, chư Bồ tát. Kính nhắc nhở chúng ta tám điều quan trọng cần phải học hỏi tu tập. Đó là phải luôn quán xét vạn pháp trong đó có tâm thân ngũ uẩn của con người không thực chất tính nên nó vô thường, khổ, không, vô ngã... Giác ngộ về vô thường vô ngã chúng ta sẽ không còn tham cầu mong muốn thỏa mãn ngũ dục cá nhân. Chúng ta học bài thiếu dục tri túc, vui sống đời đạm bạc, nuôi lớn chí nguyện xuất gia.

Học pháp Phật, chúng ta biết rằng vô minh là nguyên nhân đưa đến đau khổ, luân hồi sinh tử, vì vậy chúng ta phải hình thành tuệ giác, qua lộ trình văn-tu-tu, trước hết tìm cách gần gũi các bậc



thiền tri thức, nghe giảng Phật pháp, tư duy về Phật pháp, rồi thực hành để trải nghiệm thân chứng, tâm chứng, phát huy trí huệ, biện tài vô ngại, hầu có khả năng để giúp đỡ người khác.

Tóm lại, là cư sĩ hay phàm tăng sinh ra trong thời mạt pháp, chúng ta cùng đi chung trên con đường bụi bặm của thế gian. Tự vấn lòng, hiểu rằng đạo nghiệp chúng ta hãy còn yếu kém, bởi đầu đó trong tâm vẫn còn tham ái, tật đố, ngu si, lừa dối, ích kỷ ... Biết như thế, chúng ta cần noi gương các bậc Đại nhân, tâm niệm về tám điều giác ngộ nêu trên, giữ tâm đoan chính, lập chí tu học vững bền, miên mật công phu, để không bị ngũ dục lôi cuốn, hầu nâng cao phẩm hạnh đạo đức giúp ích cho đạo, lợi lạc cho đời, và lấy đó làm tư lương cho con đường tâm linh tiến đến chân trời giác ngộ giải thoát.

Trước khi chấm dứt bài viết, nguyện cho tất cả mọi người, những ai nghe, thấy, đọc bài kinh "Bát Đại Nhân Giác" đều phát tâm tu tập để được an vui ngay trong đời thường...

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni
Phật

THÍCH NỮ HẰNG NHƯ

(An Cư Kiết Xuân 14/2/2023 tại
Thiền Viện Chân Như, Navasota, TX)

Chú thích:

(*) Trong bài viết "Nghĩ về 6 điều giác ngộ của bậc Đại Nhân", tác giả: TT. Thích Phổ Huân ghi nhận theo lời Đại Sư Tịnh Vân. (Đại Sư vừa viên tịch tại Đài Loan vào lúc 5 giờ sáng, ngày 06/2/2023 hưởng đại thọ 97 tuổi, 85 năm đại hạ. Chúng con hàng hậu học kính gởi lời cầu nguyện cung tiễn đại lão Hòa Thượng về cõi Phật thanh tịnh. Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật).

(**) Lời đầu sách "Kinh Bát Đại Nhân Giác" của Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Thanh Từ.



SÁNG TÂM THIỀN

Chẳng bận lòng chi chuyện dữ-hiền
Hiểu rằng tự tánh vốn tâm nguyên
Chẳng lụy ghét-yêu cùng thêm-bớt
Tham ái thân tâm lắm lụy phiền
Khổ-vui, sống-thác tùy duyên hiện
Được-mất, y thể chớp quang thiên
Biết đời hư vọng tâm hằng xả
Phật tử nương pháp khai mở Tuệ
Ta-bà tu học sáng tâm Thiền.

MỘT HÀI VỀ TÂY

Niệm nào siêu việt thời gian
Chao ôi, một thuở đón ngàn phương mây
Một hài nhẹ gánh về Tây
Tung Sơn còn đó đâu mây mặt xưa
Ngàn năm khói ngút non Lô
Hỡi ai, ai biết lão Hồ về đâu?
Nhẹ cười ngắm mãi hàng cau
Vui như thạch nữ bên lầu giồng trắng.

thơ **DIỆU VIÊN**



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION
HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH
EXECUTIVE COUNCIL

4717 W. First St., Santa Ana, CA 92703 – U.S.A. Tel.: (714) 548-4148

THÔNG BÁO SỐ HAI
CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN LẦN THỨ 2647
PHẬT LỊCH 2567 - DƯƠNG LỊCH 2023

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch Chư Tôn Trưởng Lão Hòa Thượng, Chư Thượng Tọa. Đại Đức Tăng, Ni
Kính thưa quý Đồng hương Phật tử, cùng quý Anh Chị các cấp GDPT thân mến,

Như Thông báo dẫn thượng số một đã ban hành nhằm mục đích báo cáo cho quý thành viên của Giáo Hội được liễu tri Đại Lễ Phật Đản năm nay được tổ chức chung của Giáo Hội cùng với Cộng Đồng Phật Giáo San Diego hoan hỷ đón nhận. Sau thời gian nghiên cứu, tìm hội trường và thành lập Ban Tổ Chức đầu đó tương đối ổn định. Do vậy, hôm nay Giáo Hội ban hành Thông Báo Số Hai đến toàn thể quý thành viên và Phật tử được liễu tri để chuẩn bị mọi Phật sự tại địa phương mình, cũng như tổ chức đoàn hành hương về tham dự Đại Lễ được thập phần viên mãn. Thời gian và địa điểm tổ chức:

Thời Gian:

Thứ Bảy, Ngày 06 tháng 05 năm 2023

4:00 PM-7:00 PM: Múa lân khai mạc, thuyết Pháp, thắp nến hoa đăng nguyện cầu thế giới hòa bình chúng sanh an lạc. *(Có Chương Trình Riêng)*

Chủ nhật, Ngày 07 tháng 05 năm 2023

10:00 AM – 12:30 PM: Lễ chính thức Mừng ngày Đức Phật Đản Sinh

12:30 PM – 4:00 PM: Thọ Trai, cúng dường trai Tăng, & chương trình Văn Nghệ Mừng Phật Đản

Địa điểm:

Horace Mann Middle School

4345 54th Street San Diego, CA 92115

Trân trọng kính gửi Thông Báo Số Hai này đến toàn thể quý liệt vị được tường lâm và nhất tâm, nguyện cầu con người sống trên thế giới hôm nay luôn tỉnh thức, để có được sự hành xử với nhau trong chánh niệm mà chấm dứt chiến tranh, tái lập hòa bình, cùng nhau xây dựng cuộc sống an lành và thịnh trị, trong tình thương yêu hiểu biết.

Kính chúc Chư Tôn Đức Tăng Ni Pháp thể khinh an, đạo nghiệp viên thành.

Đồng kính chúc Quý Đồng hương Phật tử vô lượng an khang, cát tường như ý.

Nam Mô Thành Tựu Trang Nghiêm Công Đức Phật

Ngày 09 Tháng 02 Năm 2023

Văn Phòng Thường Trục

Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN HK

Chủ Tịch



Sa Môn Thích Tín Nghĩa



CHÁNH TÍN – CHÁNH KIẾN TRONG ĐẠO PHẬT

(*Phật Pháp Thứ Năm* — bài viết hàng tuần của GDPT
do **NHÓM ÁO LAM** thực hiện)

TRANG GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

I. Mở đề:

Trong kinh A Hàm Đức Phật dạy:

"Không nên tin ngay tất cả những gì người xưa đã nói, tất cả những gì người có thể lực đạo cũng như đời, tất cả những gì người bề trên nói, tất cả những gì nhiều người tin theo, có ghi trong sách. Chỉ nên tin theo những gì có thể kiểm nghiệm lại được, đúng với chân lý, đúng với lẽ thực, thông qua trí tuệ, sáng suốt thông minh, thấy có ích lợi, cho bản thân mình, và cho mọi người".

Qua đó Đức Phật muốn gửi một thông điệp về chân lý của giáo pháp nhà Phật là phải được kiểm nghiệm thực tế thông qua trí tuệ bằng sự thấy biết hợp lý, tự lợi lợi tha rồi mới tin theo. Hay nói rõ hơn người Phật tử cần phải có chánh tín, chánh kiến.

II. Thế nào là Chánh Tín, Chánh Kiến?

1. CHÁNH TÍN:

1.1 Định nghĩa: Mọi lẽ thật đều hiện bày dưới ánh sáng giác ngộ. Nhận thấy lẽ thật rồi mới khởi lòng tin đó là "chánh tín". Ngược lại, bày những điều mê hoặc làm mù quáng người đời, lừa bịp thế gian, ấy là mê tín. Thấy rõ biết đúng mới tin, là sức mạnh vô biên khiến người ta thành công trên mọi lãnh vực.

Ví dụ đến chùa lạy Phật, cúng dường chư Tăng Ni, nguyện cầu chư Phật gia hộ cho ta luôn được an trú trong chánh pháp làm lợi mình, lợi người là "chánh tín". Đưa nhiều tiền cho thầy cúng cầu mua may, bán đắt với tâm địa hại người là "mê tín".

Trong kinh Hoa Nghiêm có câu: "Tin là nguồn của đạo, là mẹ của mọi công đức. Tin có thể nuôi lớn cả gốc lành".

1.2 Mê tín: là lối tin mù quáng khiến con người mất hết phương hướng. Những kẻ chủ

trương mê tín làm điên đảo thế gian. Trong đạo Phật nước ta, thời kỳ Phật giáo quyền năng (trước thế kỷ VI) còn ảnh hưởng đến ngày nay, tệ nạn mê tín vẫn còn nhiều như xăm, bói, đốt vàng mã xé cô hồn kém...

1.3 Tai hại của mê tín: Trong các lễ hội, ta thấy việc mê tín xảy ra nhan nhản trở thành tệ nạn xã hội làm thiệt hại cả vật chất lẫn tinh thần cho cá nhân và tập thể, làm xấu hình ảnh đất nước có 4000 năm văn hiến. Cụ thể mê tín dẫn đến:

- Con người trở nên khờ khạo mất hết lý trí.
- Luôn lo sợ, không dám quyết đoán một việc gì.
- Khiếm nhục mất tự tin, bị kẻ xấu lợi dụng, lừa phỉnh.
- Bạn hiền xa lánh.

* Cầu nguyện là chánh tín hay mê tín?
- Là mê tín khi khẳng định cầu nguyện là được toại nguyện.
- Là chánh tín khi xem việc cầu nguyện như là lời chúc lành.

* Tin nhân quả
- Nghiệm xét thấu đáo về vạn vật trong vũ trụ từ nhân tiến đến quả, từ quả trở lại nhân, nhân quả – quả nhân xoay vần không dứt.
- Thấy rõ lý nhân quả vừa là khoa học vừa sức mạnh chuyển tiến của con người, chúng ta tin tưởng đó là chánh tín.

* Tin nhân duyên:
- Vạn vật trong vũ trụ đều do nhân duyên hợp thành. Nhỏ nhất như một nguyên tử cấu tạo bởi các âm điện tử và nhân, huống là những vật thể to tát.

- Thấy rõ lý nhân duyên của nhà Phật là một lẽ thật đúng với tinh thần khoa học, hiểu được muôn vật trên thế gian có quan hệ chằng chịt với nhau.

- Dẹp được quan niệm ích kỷ cá nhân, tích cực xây dựng nền hạnh phúc chung cho nhân loại.
- Tin lý nhân duyên bằng trí tuệ, bằng khoa học là chánh tín.

1.4 Lợi ích của chánh tín:

- Nhận rõ lý nhân quả, lý nhân duyên là tác dụng của trí tuệ.

- Người Phật tử nương vào Phật trí nên thấy rõ vạn vật "thành, trụ, hoại, không" đều nằm trong phạm trù nhân quả nhân duyên.

- Xét một sự kiện xảy ra tốt xấu, phát xuất từ nhân nào, hội đủ nhân duyên gì mới xảy ra, cổ



gắng chuyển đổi, đó là tinh thần của người chánh tín.

– Có sức tự tin mãnh liệt để chuyển đổi, vươn lên trong mọi lãnh vực.

1.5 Kết luận: Mê tín và chánh tín là hai đường tối sáng khác nhau. Đạo Phật chủ trương chánh tín. Tất cả kinh Phật không có nói những việc mê tín. Người học Phật chân chính phải quyết tâm loại bỏ mọi tệ đoan, tập tục sai lầm làm suy giảm giá trị Phật Pháp.

2. CHÁNH KIẾN

2.1 Định nghĩa: Chánh là đúng sự thật, kiến là thấy, xem xét. Chánh kiến là xem xét, nhận thấy đúng sự thật bằng cả mắt lẫn tâm. Trái với chánh kiến là tà kiến, là thấy biết nhận xét lầm lạc, tà vạy.

2.2 Nguyên nhân sanh tà kiến: Mỗi chúng sanh vì bị bản ngã lôi cuốn làm mờ ám tâm trí, nên sự thấy biết, nhận xét lầm lạc ngược lại với chánh kiến.

2.3 Hành trạng tà kiến:

– Thấy biết và xét đoán mọi việc theo tư thù hay ích kỷ.

– Phân định mọi vấn đề không đúng chân lý (như 5 người mù sờ voi, mỗi người chỉ tả được một bộ phận của con voi theo nhận xét của mình (biên kiến) chứ không tả được toàn diện con voi. Chỉ người sáng mắt (có chánh trí và chánh kiến) mới thấy toàn diện con voi).

2.4 Tai hại của tà kiến:

– Phán xét mọi việc đều sai chân lý, nhận thấy một bên hoặc nhận thấy ngược lại (biên kiến và tà kiến)

– Phán xét không công bình, làm bao nhiêu kẻ khác phải chịu oan tình (xưa: chuyện Trí Huyền, Ngô Đạt, tiền kiếp của ông là viên án xử oan Triệu Thỗ... Nghiệp oan đó trải 10 kiếp sau vẫn còn bị trả) (*).

2.5 Hành trạng chánh kiến:

– Dẹp tan bản ngã bằng cách quán lý vô thường vô ngã.

– Cẩn thận quán xét tường tận từ ý nghĩ, lời nói, việc làm đến chỗ rốt ráo, đúng với chân lý.

2.6 Lợi ích của chánh kiến:

– Tránh được tà kiến và diệt trừ được ngã chấp.

– Hiểu rõ ràng các việc chân giả, không hề lầm lạc và phán đoán mọi việc được chí công, bình đẳng.

– Không còn say mê tục lụy, thâu đạt lý nhiệm mầu của đạo pháp.

– Đoạn trừ được “kiến hoặc” (thấy hiểu sai lầm) tức là ngũ lợi sử (xem bài Tứ Diệu Đế ở Bậc Trung Thiện).

(trích tài liệu tu học của GDPTVN,
bậc Chánh Thiện)

(*) Xem phần duyên khởi trong kinh Từ Bi Thủy Sám Pháp – Thích Huyền Dung dịch.



QUÊ NHÀ NGÀN NĂM

Quê hương

Từ thuở quê hương

Cánh chim Hồng - Lạc về phương trời hồng.

Máu tim từ thuở cha ông,

Làm nên gấm vóc núi sông hữu tình.

Mái chùa xưa,

Tiếng chày kình

Đi về năm tháng đẹp tình sớm hôm.

Muôn đời vẫn vẹn lòng son,

Dẫu xa quê, vẫn mãi còn hồn quê.

Cánh chim bạt gió tư bề

Phải đầu gió bạt lối về đường xưa.

Trời quê hoa nở quanh mùa,

Đêm quê giữa tháng gió đưa trăng vàng.

Đình xưa

Dưới bóng tre làng

Mái tranh, liếp chuối, trầu vàng đồng xa.

Cánh cò năm tháng bay qua,

Từ trong cổ tích quê nhà ngàn năm.

(South Dakota, 15/12/2022)

thơ

MẶC PHƯƠNG TỬ



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT
HỘI ĐỒNG HOÀNG PHÁP
HỘI AN HÀNH ĐẠI TẠNG KINH VIỆT NAM
VIETNAM GREAT TRIPITAKA FOUNDATION

4333 30th Street, San Diego, CA 92104 – U.S.A.

Tel: (619) 283-7655

TÂM THƯ

V/v: Ấn Hành Đại Tạng Kinh Việt Nam

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư tôn Thiền đức Tăng Ni,
Kính thưa quý thiện hữu tri thức, cùng quý thiện nam tín nữ Phật tử xa gần,

Phật giáo đã truyền vào Việt Nam hai nghìn năm, nhưng qua bao thăng trầm lịch sử dưới nhiều triều đại, chính thể, việc phiên dịch Tam Tạng Thánh Điển (từ tiếng Phạn hay Hán) sang tiếng Việt vẫn chưa được thực hiện một cách trọn vẹn và thống nhất. Trong khi đó, truyền bản Phạn-Hán thì tương đối đã được hoàn tất từ nhiều thế kỷ trước qua nhiều triều đại Trung Hoa; cho đến thế kỷ thứ 20, Đại Tạng Kinh bằng Hán văn lại được khởi sự biên tập, đối chiếu, hiệu chỉnh và cước chú rất kỹ lưỡng, công phu dưới triều Đại Chánh (Taisho) thứ 11, vào năm 1922, với sự tham gia của trên 100 học giả Phật giáo hàng đầu tại Nhật Bản. Đại Tạng Kinh Việt Nam sẽ dùng Hán bản Đại Chánh Đại Tạng Kinh này làm đề bản (bản đáy), và đặc biệt là có tham chiếu các truyền bản tiếng Phạn, Pali và Tây Tạng dưới sự chủ trì của nhị vị học giả tinh thông Phật học và Sử học là Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ và Giáo sư Trí Siêu Lê Mạnh Thát.

Kế thừa sự nghiệp phiên dịch Đại Tạng Kinh Việt Nam (ĐTKVN), Hòa thượng Tuệ Sỹ—một trong 18 thành viên của Hội Đồng Phiên Dịch Tam Tạng (do Viện Tăng Thống GHPGVNTN chỉ định thành lập năm 1973), tiếp tục thực hiện công trình phiên dịch dang dở của Hội đồng; và với sự quán thông Tam Tạng Thánh Điển qua các truyền bản Phạn, Hán, Tây Tạng, đã nêu một tiêu chí chuẩn mực nhất có thể để thực hiện một Đại Tạng Kinh Việt Nam với tiếng Việt trong sáng, hàn lâm, góp phần phát triển phương tiện tuệ học cho tứ chúng đệ tử Phật đồng thời làm phong phú thêm cho kho tàng ngôn ngữ Việt. ĐTKVN bao gồm tất cả Thánh Điển Phật giáo được dịch sang tiếng Việt qua các thời kỳ lịch sử, bởi chư vị dịch giả các triều đại quá khứ, cùng với các dịch giả cận đại, hiện tại và tương lai; do vậy, theo dự án của Hội Đồng Phiên Dịch Tam Tạng Lâm Thời (HĐPDTTLT, do Hòa thượng Tuệ Sỹ chủ xướng thành lập vào ngày 03 tháng 12 năm 2021), sẽ là một bộ Kinh đồ sộ ước chừng 200 tập khổ 6.5 x 9.5 inches (16.5 x 24 cm).

HĐPDTTLT với ba Ủy ban là UB Duyệt sách, UB Phiên dịch và UB Chứng nghĩa Chuyết văn, quy tụ một số ủy viên có trình độ chuyên môn về Phật học, Việt văn và cổ ngữ, dành hết tâm lực và thời gian để thực hiện công trình phiên dịch. HĐPDTTLT được sự toàn tâm yểm trợ của Hội Đồng Hoàng Pháp (do chư vị lãnh đạo các GHPGVNTN châu lục và quốc gia thành lập vào ngày 08 tháng 5 năm 2021), trong đó có Ban Bảo Trợ và Hội Ấn Hành Đại Tạng Kinh Việt Nam trực tiếp đảm nhận vận động tài chánh và tiến hành việc in ấn và phát hành ĐTKVN.

Kính thưa chư liệt vị,

Trong Kinh Duy-ma-cật, chương 13, phẩm Cúng Đường Pháp, có dạy: “*Cúng đường Chánh Pháp là cúng đường tối thượng.*” Chúng tôi tu học và hành đạo bao năm nay được góp phần nhỏ vào dự án vĩ đại do Hòa thượng Tuệ Sỹ chỉ đạo, với tâm nguyện đền ơn Phật-Pháp-Tăng trong muôn một, với ước vọng được nhìn thấy ĐTKVN hình thành từng kinh, từng bộ trong những năm tháng sắp tới. Có thể nói đây quả là nhân duyên vô cùng thù thắng cho một đời người.

Với tâm thành, chúng tôi xin tha thiết thỉnh cầu chư tôn Thiền đức Tăng Ni và Phật tử khắp nơi, vì tâm nguyện cúng đường Chánh Pháp, vì nguyện vọng được chứng kiến trong đời mình một bộ Đại Tạng Kinh tiếng Việt thật chuẩn mực, mang tầm vóc quốc tế, xứng đáng với chiều dài 2000 năm Phật giáo trên quê hương Việt Nam, hãy cùng đóng góp trí lực và tài lực cho công trình dài lâu này.

Thay mặt Hội Ấn Hành ĐTKVN, chúng tôi thành kính thâm tạ chư tôn Thiền đức và quý Phật tử xa gần. Nguyện đem công đức cúng đường Chánh Pháp này hướng về khắp tất cả; kính chúc chư tôn Thiền đức pháp thể khinh an, chúng sinh dị độ; và chúc nguyện chư thiện tín nam nữ cùng gia quyến vô lượng an khang, cát tường.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát – tác đại chứng minh.

PL. 2566, ngày 01 tháng 6 năm 2022

TM. Hội Ấn Hành Đại Tạng Kinh Việt Nam

Hội trưởng



[Signature]
Hòa thượng Thích Nguyên Siêu

HỘI ẤN HÀNH ĐTKVN:

Hội trưởng: Thích Nguyên Siêu | **Thư ký:** Thích Hạnh Tuệ | **Thủ quỹ:** Vĩnh Hào

BAN ẤN HÀNH:

Trưởng ban: Thích Hạnh Viên | **Phó ban:** Văn Công Tuấn

Phát hành: Thích Nữ Quảng Trâm | **Án loát:** Bạch Xuân Phê, Trần Nguyễn Nhị Lâm

Kỹ thuật: Trần Minh Triết, Nguyễn Lê Trung Hiếu

- ♦ *Chi phiếu cúng đường ấn hành, xin đề “Vietnam Great Tripitaka Foundation” và gửi về địa chỉ sau:*

Vietnam Great Tripitaka Foundation

4333 30TH Street

San Diego, CA 92104 – U.S.A

(Chi phiếu xin ghi nơi phần Memo: ĐTKVN)

- ♦ *Quý vị ở Hoa Kỳ có thể chuyển tiền vào tài khoản Bank of America của Hội Ấn Hành ĐTKVN bằng cách:*
- ZELLE vào địa chỉ email: daitangkinhvietnam@yahoo.com

- ♦ Hội sẽ gửi Phiếu Công Đức (Donation Receipt) đến quý vị (nếu được cung cấp địa chỉ); và các khoản cúng đường này đều có thể được khấu trừ thuế theo luật định của chính phủ Hoa Kỳ.
- ♦ Quý vị có thể vào trang <https://hoangphap.org/phuong-danh-cung-duong-dtk/> để theo dõi danh sách cúng đường, được cập nhật mỗi ngày.

Hình hài hư hao

TIỂU LỤC THẦN PHONG

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Nhân chuyến về thăm ba má bệnh, tôi ghé thăm ngôi chùa xưa ở chốn làng quê ngày trước. Dân quanh vùng xưa nay quen gọi tên thông dụng là Bàu Lương, chẳng có mấy ai gọi tên chữ Khánh Lâm.

Chùa được tổ Toàn Tín khai sơn vào năm Tân Sửu đời Cảnh Hưng 1781; năm 1941 được vua Bảo Đại sắc tứ và đến 1952 thì Pháp dội bom phá hủy hoàn toàn. Năm 1955 hòa thượng Tâm Ấn từ tổ đình Hưng Khánh đứng ra tái thiết lại.

Kể từ đó tồn tại cho đến năm 2001 với dáng vóc cổ tự rất đẹp và hài hòa giữa chốn đồng quê. Chùa gồm chánh điện, hai dãy đông và tây lang, phía sau là nhà trù, sân cát (giếng trời) ở giữa có trồng cây ngọc lan thơm ngát. Chùa lợp mái ngói âm dương, đầu những máng xối gắn những con cá hoa long, mỗi khi trời mưa nước từ miệng các con cá tuôn ra xối xả trắng cả những giấc mơ. Trước chùa là một cánh đồng xanh ngát, những bầy cò trắng chao lượn làm cho cảnh vật đẹp đến nao lòng và thanh bình không sao tả nổi.

Năm 2001 thì chùa bị phá để xây mới, với vốn tiền ít ỏi nên thiết kế và chất lượng công trình thật tệ, vừa xấu vừa kém chất lượng. Tất cả những hình ảnh cũ của chùa bị phá bỏ, điều này làm đau lòng rất nhiều những Phật tử gần xa quanh vùng.

Tôi đến viếng chùa vào một buổi chiều của tháng mười; nhìn vườn chùa hoang phế cỏ dại mọc cao đến bụng. Chùa mới xây lại đã xuống cấp trầm trọng, nước dột hoen ố tứ tung, nhện giăng

mắc khắp nơi, bụi bặm rác rưởi tùm lum. Bàn thờ Phật cũng bụi bặm trông buồn làm sao! Mấy năm nay vị thầy đương trụ trì khắc khẩu và xung đột với các Phật tử quanh vùng làm cho số người đến chùa càng ngày càng ít đi.

Tôi vào lễ Phật mà lòng thấy ngậm ngùi thê thiết. Tôi vạch cỏ đi dạo vườn chùa thấy còn hai cổ tháp của tổ đời thứ 40 và 41. Có lẽ hai cổ tháp này là những di vật còn nguyên vẹn chưa bị tàn phá bởi bàn tay con người, duy dấu ấn thời gian thì không thể nào khắc được, rêu phong phủ kín, cỏ dại ngập đầu. Chúi sớ tầm bia ở một cổ tháp tôi còn đọc được dòng chữ: "Lâm Tế tứ thập nhất thể sắc tứ Khánh Lâm trụ trì Thiện Nguyên xả lễ bảo tháp" (thật sự thì có sự trợ giúp của bạn bè chứ vốn chữ Hán của tôi chỉ còn đọc được lờ mờ: "Lâm Tế tứ thập nhất thể"). Tôi ngẩn ngơ trước bảo tháp của các tổ, lòng bùi ngùi tưởng nhớ dĩ vãng xa xưa, nhìn cảnh vật và con người hiện tại thì thấy buồn vô hạn. Lững thững nhỏ cỏ dại và bẻ bỏ những cây dại mọc các kẻ quanh tháp. Tháp đối diện bên kia thì bia ghi: "Lâm tế tứ thập thể..." Hai ngôi bảo tháp nằm hai bên chánh điện với những trụ biểu đắp nổi búp sen, lân; bình phong thì đắp nổi rùa chỏ cuốn thư... Vòng ra ngoài cổng mới mở, tôi đi xem cổng chính bị khóa đã lâu, dây thép rào kỹ đã hoen rỉ.

Ngày xưa trước mặt chùa là cánh đồng xanh ngát, giờ bị những đại gia hằng đá granite xây xưởng lấn sát cổng chùa. Con đường mòn trước chùa hăm hố ao tù nước đọng và rác rưởi dơ dáy. Cả chánh điện và cổng chùa bị bách đối diện với bức tường cao ngều nghen của xưởng đá granite. Chùa xưa đã mất hình hài, mất cả khung cảnh thiên nhiên thuở ban đầu. Dẫu biết thế gian vô thường, sự thay đổi biến dịch trong từng phút giây, nhưng ở đây sự can thiệp thô bạo của con người đã phá hủy những hình bóng thân thương của một thời.

Bảng hiệu Khánh Lâm tự còn nguyên trên cổng chính nhưng giờ chỉ có lưng nhà máy đá Granite nhìn. Con đường mòn trước chùa giờ cũng quạnh quẽ hoang vu, chẳng còn ai đi qua lối cũ. Hình hài ngôi chùa sắc tứ xưa giờ đã biến mất, chỉ còn hai ngôi tháp cổ may mắn chưa bị xâm hại nhưng không biết trong thời gian tới liệu có còn nguyên vẹn. Xứ mình giờ hai chữ trùng tu hay tu bổ là đồng nghĩa với làm mới di tích, một sự phá hoại đầy vô minh mà cứ ngỡ mình đang giữ gìn bản sắc. Có rất nhiều di tích cổ, tượng cổ sau khi trùng tu khiến người ta cứ liên tưởng đến những cô gái đi sửa nhan sắc.

Chùa xưa đã mất hình hài, chuyện xưa đã trở thành dĩ vãng, hồn xưa giờ trôi dạt phương nào?



BẢO VỆ SANH LINH

Có ngài La Hán thuở xưa
Ẩn trong rừng núi tuyết lừa mênh mông
Ngài từng chứng quả "lục thông"
Có tài biết rõ việc trong ba đời
Tiếng tăm lừng lẫy khắp nơi
Bà con khâm phục. Danh ngài truyền đi.
Ngài nuôi một chú sa di
Tuổi còn niên thiếu, cận kề ngày đêm.
Một hôm trò đứng hầu bên
Thầy xem sắc tướng xong liền nói ngay:
"Phước con cho tới bữa nay
Tính ra còn lại vài ngày nữa thôi,
Bảy hôm sau sẽ qua đời
Thầy trò vĩnh biệt, nghĩ thời đau thương!
Con mau trở lại cố hương
Viếng thăm lần chót xóm làng, mẹ cha!".
Sa di lòng dạ xót xa
Cúi đầu đánh lễ thầy và ra đi
Chuông buồn buồn tiếng sầu bi
Tiễn người mạng yếu! Biệt ly nào nê! .

*



Mưa nguồn giăng phủ đường về
Khi trời vừa tạnh, tràn trề nước dâng,
Chú đi lối tắt qua đường
Thấy bầy kiến nhỏ dưới nương vầy vùng
Bị trôi theo nước xuôi dòng
Dập dềnh mạng sống! Bềnh bồng xác thân!
Chú sa di động từ tâm
Cởi ngay áo khoác bỏ ngăn nước dòng,
Kiến ta được cứu, vui mừng
Rủ nhau leo vội vào chung quanh bờ
Con nào đuối sức, vật vờ
Chú khum tay vớt bỏ ra đất liền
Thế là kiến được bình yên!
Hương từ bi tỏa khắp triền non xa!
Sa di tiếp tục về nhà
Bảy ngày chờ đợi trôi qua pháp phòng
Sang ngày thứ tám hừng đông
Mạng còn chưa hết! Trong lòng mừng thay
Vội vàng trở lại thăm thầy
Thầy hay rõ chuyện mặt đầy ngạc nhiên
Thầy vào nhập định tham thiền
Mới hay đệ tử nhân hiền vừa gieo
Cứu bầy kiến thoát hiểm nghèo
Giờ đây công đức trở theo quả lành
Phước do bảo vệ sanh linh
Kéo dài thêm tuổi xuân xanh nhiệm mầu.
Sa di từ đó chuyên sâu
Tu hành tinh tấn đạo mầu Thích Ca
Ánh vàng rực rỡ chan hòa
Viên thành đạo quả. Thặng hoa kiếp người.

thơ

TÂM MINH NGÔ TẰNG GIAO

(Thi hóa Truyện Cổ Phật Giáo)

Thiền Sư và Người Ngoại Đạo

THIỆN QUẢ ĐÀO VĂN BÌNH

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Có một người ngoại đạo tới nói với thiền sư như thế này:

- Thưa thầy, đạo của chúng tôi có cả ngàn vị thánh, còn Đạo Phật không có vị thánh nào. Thầy nghĩ sao?

Thiền sư nhẹ nhàng hỏi:

- Trong đạo của ông, người ta đã làm gì để trở thành thánh?

Người đàn ông đáp:

- Bất cứ ai suốt đời phục vụ giáo hội, tử vì đạo hay sẵn sàng tử vì đạo, tham gia thánh chiến sẽ được phong thánh.

Thiền sư nói:

- Đạo của chúng tôi, thánh là bậc làm những việc mà phạm phu khó làm hay không làm được. Bất cứ ai bỏ được Tham-Sân-Si sẽ nhập dòng thánh.

Nghe vậy, người đàn ông cười nói:

- Bỏ Tham-Sân-Si là chuyện dễ mà.

Thiền sư cười nói:

- Không dễ đâu. Tôi tu hành từ lúc 20 tuổi, nay đã 80 tuổi mà làm chưa xong. (*)

Người đàn ông khẽ nhún vai, đứng dậy, chào thiền sư rồi bước ra ngoài. Tháng sau ông ta lại tới chùa gặp thiền sư, nói:

- Thầy nói đúng, Tham-Sân-Si không dễ bỏ.

Rồi dường như muốn tìm hiểu thêm về Đạo Phật, ông ta hỏi:

- Phật là gì?

Thiền sư đáp:

- Phật là vị không còn gì để xả bỏ.

Nghe nói vậy ông ta cười nói:

- Giáo chủ của chúng tôi là một vị thần tối thượng, tối linh, ngài đã tạo ra vũ trụ này, bảo sáng là có sáng, bảo tối là có tối, bảo sống là có sống, bảo chết là chết. Ngài có phép màu biến cát thành cơm, biến người mù thành sáng, biến người què thành lành lặn, biến người câm nói được. Đức Phật như vậy có gì là ghê gớm đâu?

Thiền sư vẫn điềm nhiên nói:

- Ông về tập hạnh xả bỏ đi, ba tháng sau tới đây chúng ta sẽ thảo luận tiếp.

Nghe nói thế, người đàn ông chào sư rồi bước ra ngoài. Ba tháng sau ông ta lại tới chùa, nói với thiền sư:

- Tôi đã hiến hết tài sản của tôi cho giáo hội. Tôi chẳng còn gì nữa trên cõi đời này. Liệu tôi có thể là Phật chăng?

Thiền sư nhẹ nhàng hỏi:

- Hiện giờ ông đang sống với ai?

- Tôi sống với vợ con tôi.

- Ông đi tới đây bằng gì?

- Tôi tới đây bằng xe hơi.

Tới đây thiền sư bảo chú tiểu:

- Con ra ngoài xem chiếc xe của ông đây còn đó không?

Giây phút sau, chú tiểu quay vào thưa:

- Bạch thầy, con không thấy chiếc xe đâu cả.

Nghe nói vậy, người đàn ông hốt hoảng đứng dậy, nói:

- Chắc chiếc xe của tôi bị mất cắp rồi, tôi phải ra xem và trình báo cảnh sát.

Thiền sư nói ngay:

- Vợ con ông chưa bỏ được. Chiếc xe chẳng đáng bao nhiêu mà ông chưa bỏ được, vậy làm sao ông có thể thành Phật?

Lời người kể chuyện:

Đức Phật là vị chẳng còn gì để xả bỏ:

- Chẳng còn vợ con, của cải, ngôi vị, chức danh để xả bỏ.

- Chẳng còn túi tham để xả bỏ.

- Chẳng còn lòng si mê để xả bỏ.

- Chẳng còn đầu óc mộng mơ để xả bỏ.

- Chẳng còn lòng ghen tị để xả bỏ.

- Chẳng còn thói kiêu mạn để xả bỏ.

- Chẳng còn một niệm xấu ác trong tâm để xả bỏ.

- Chẳng còn thói nghi ngờ để xả bỏ.

- Chẳng còn niệm phân

biệt, kỳ thị để xả bỏ.

- Chẳng còn mối lo để xả bỏ.

- Chẳng còn lạc thú nào để xả bỏ.

- Chẳng còn nỗi buồn nào để xả bỏ.

- Ngay giáo pháp của Đức Phật, ngài cũng khuyên đệ tử phải xả bỏ khi đã chứng đắc giống như chiếc bè đã qua sông.

Phật luôn luôn ở trong trạng thái Định, tâm an tĩnh, tịch mịch mà chiếu soi, nhìn vạn vật như tấm gương phản chiếu. Hạt mưa trong thế giới Ta Bà Phật đều biết nhưng không khởi niệm. Nếu có khởi niệm chỉ là Từ Bi, Hỷ Xả và Cứu Độ. Chính vì thế mà Trời, Thần hay các hàng đệ tử của Phật khi thưa hỏi Phật đều thưa, "Thế Tôn hi hữu".

Cửa Phật rộng mở cho chúng sinh khắp thế gian, nhưng thành Phật thì hi hữu, thế gian này chỉ có một mà thôi. Đức Phật không có phép màu, không thể biến cát thành cơm, biến chì thành vàng, không thể làm cho người chết sống lại, nhưng có mười danh hiệu sau đây.

- Như Lai: Có nghĩa là "Không từ đâu đến và cũng chẳng đi đâu". Đức Phật không từ một cõi nào, cung trời nào tới đây và rồi cũng chẳng trở về đó. Ở đâu cũng có Phật, dù ở Mặt Trăng hay Hỏa Tinh, không phải xác thân Phật mà là tâm Phật và tánh Phật.

- Ứng Cúng: Xứng đáng thụ nhận sự cúng dường của Trời, Người.

- Chánh Biến Tri: Tức là biết hết, biết một cách tường tận, tròn sáng mọi diễn biến ở thế gian này.

- Minh Hạnh Túc: Tức là đầy đủ trí tuệ và phúc đức. Đức Phật nhập Tứ Thiên để từ bỏ xác thân gia tাম này gọi là viên tịch hay nhập Niết Bàn chứ không chết như chúng ta.

- Thế Gian Giải: Có thể giải quyết được những khúc mắc, nan giải của thế gian này. Oan khiên, nghiệt ngã mà vua quan, người đời không giải quyết được,

đến chùa thì... mọi hận thù, ân oán trả, mất mát, khổ đau đều tiêu tan.

- Vô Thượng Sĩ; Không có bậc trí thức nào qua nổi Phật.

- Điều Ngự Trượng Phu: Có thể thuyết phục được các bậc trượng phu, anh hùng hào kiệt trên thế gian này. Biết bao nhiêu vua, quan, danh sĩ, tể tướng, học giả, sĩ phu đã quy y theo Phật.

- Thiên Nhân Sư; Thầy dạy của cõi Trời và cõi Người.

- Phật: Là bậc giác ngộ, toàn thiện, toàn giác.

- Thế Tôn: Là bậc đáng tôn kính.

Không phải chỉ riêng Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, mà tất cả các vị Phật ở cõi khác đều có mười danh hiệu này. Ngoài ra, các Đức Phật đều có 32 tướng tốt mà người đời không thể có. Khi tạc tượng Phật mà tượng ấy trông giống như người thường, dù người ấy đẹp trai như Phan An, Tống Ngọc hay tài tử Alain Delon hay Robert Taylor... thì tượng ấy không phải Phật. Các nghệ nhân khi tạc hay đúc tượng Phật, vẽ hình Phật, phải hết sức thận trọng.

Vậy thì tất cả những ai cho rằng mình là Phật xuất thế, Phật sống và có khi hơn cả Phật... hãy nhìn lại dung mạo mình xấu đẹp như thế nào, nghiền ngẫm mười đặc tính và phẩm hạnh nói trên. (**). Bất cứ ai dùng thần linh, bùa phép, hình danh sắc tướng, lễ nghi huyền bí, âm nhạc du dương, lời nói ngon ngọt, tiền bạc, quà tặng... để chiêu dụ tín đồ thì họ chỉ hành tà đạo chứ không phải đạo Phật (***). Nói tóm lại **Phật là trí tuệ, giác ngộ, giải thoát, từ bi và bình đẳng.**

Thiện Quả Đào Văn Bình
(California ngày 14/12/2022)

(*) Hãy xem giai thoại về thiền sư Ô Sào và Bạch Cư Dị.

(**) Báo chí Tây Phương thường gọi Đức Đạt Lai Lạt Ma là Phật Sống, nhưng ngài nói rằng đừng có bậy bạ mà gọi tôi là Phật Sống. Tôi chỉ là đệ tử của Đức Phật.

(***) Kinh Kim Cang, "Những kẻ dùng âm thanh cầu ta, dùng sắc cầu ta những kẻ đó hành tà đạo, không thể thấy Như Lai."



TRĂNG RẼM THÁNG GIÊNG

*Ánh trăng trải xuống đại ngàn
Tâm vô ngại - hạt Kim cang trảy mầm
Hải hà dòng suối đan tâm
Thơm lừng Bát nhã hương trầm để châu
Nguyên lai từ buổi sơ đầu
Nhìn từ hướng - cuộc bể dâu phận người
Hoa tàn sau buổi hồng tươi
Miễn mạn tiếng khóc giọng cười hồn mang
Bước về ngoảnh lại trần gian
Bóng còn thơ thần giữa càn khôn mưa
Sắc giới hạt bụi lọc lừa
Trăng độ lượng đã như vừa khởi tâm
Tan nhanh từng đợt sóng ngầm
Pháp Hoa rộ nở hạt mầm Lăng Nghiêm...*

THỨC GIẢ

*Sư ngòi pháp thoại dưới trăng
Tịnh yên dòng chảy sông Hằng trở khuya
Cành lá bối - giọt đàn đề
Sóng bi ngạn - chở tình chia tràn bờ
Dạt dào cành nhánh âu thơ
Hốt nhiên tự tánh bây giờ nguyên khai
Thức giả ngộ tỉnh đêm dài
Dưới trăng đã cuộc trần ai tạ từ...*

thơ XUYÊN TRÀ

Giới thiệu bản dịch Việt 'HIỆN TƯỢNG LUẬN PHẬT GIÁO' của THÍCH NHUẬN CHÂU

Huỳnh Kim Quang

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

"Hiện Tượng Luận Phật Giáo" là bản dịch tiếng Việt của Thượng Tọa Thích Nhuận Châu từ nguyên tác Anh ngữ "Buddhist Phenomenology" của Giáo sư Dan Lusthaus do Lotus Media vừa mới ấn hành.

Dan Lusthaus là nhà văn và giáo sư người Mỹ chuyên về Phật Giáo. Ông chuyên nghiên cứu về Du-già-hành Tông (Yogācāra – hay còn gọi là Duy Thức Tông). Ông là tác giả của nhiều bài viết và sách. Ông dạy tại Đại Học University of California at Los Angeles (UCLA), Đại Học Tiểu Bang Florida, Đại Học Tiểu Bang Missouri, và vào mùa thu năm 2020 ông là Phó Khoa Nghiên Cứu về Nam Á tại Đại Học Harvard, Massachusetts. Tác phẩm "Buddhist Phenomenology" đã được xuất bản vào năm 2002.

Thượng Tọa Thích Nhuận Châu là tác giả và dịch giả của nhiều bài viết và sách giá trị về Trung Quán, Du-già-hành Tông đã được đăng trên nhiều trang mạng Phật Giáo. Hiện nay Thượng Tọa là thành viên trong Ban Phiên Dịch và Trước Tác của Hội Đồng Phiên Dịch Tam Tạng Lâm Thời do Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ làm Chủ Tịch. Tôi chưa từng quen biết hay gặp gỡ Thượng Tọa Thích Nhuận Châu ở ngoài đời, nhưng tôi đã có duyên và cũng rất tâm đắc với những bài viết, bài dịch của Thượng Tọa được đăng trên một số trang mạng Phật Giáo, chẳng hạn như, "Pythagore và Thuyết Luân hồi," "Mã Minh và tác phẩm vĩ đại về lịch sử cuộc đời Đức Phật," "Giả tử côi mộng," v.v...

"Hiện Tượng Luận Phật Giáo" là tác phẩm đồ sộ cả về mặt hình thức lẫn nội dung được chia làm 2 cuốn, tổng cộng dày khoảng 1,500 trang. Đây là bộ sách nghiên cứu công phu về Du-già-hành Tông hay Duy Thức Tông, về Thành Duy Thức Luận, về Trung Quán, và nhiều đề tài Phật học và sử học Phật Giáo. Cả tác giả và dịch giả của "Hiện Tượng Luận Phật Giáo" đều là những vị không những uyên thâm về Phật học, đặc biệt là về Du-già-hành Tông ở Ấn Độ và Duy Thức Tông ở Trung Hoa, mà còn là những nhà thông thạo về Phạn ngữ và Hán ngữ.

Cho dù, có thể nhiều người không xa lạ gì với ngành triết học Hiện Tượng Luận, cái tên Hiện Tượng Luận Phật Giáo vẫn còn là một đề tài mới mẻ đối với giới học Phật Việt Nam.

Tại sao lại là Hiện Tượng Luận Phật Giáo? Hay một cách cụ thể hơn, Hiện Tượng Luận Phật Giáo là gì?

Trước khi tìm hiểu tác giả Dan Lusthaus đã giải thích về Hiện Tượng Luận Phật Giáo là gì, hay mối quan hệ giữa Hiện Tượng Luận và Phật Giáo ra sao để được gọi là Hiện Tượng Luận Phật Giáo, thiết nghĩ cũng cần biết sơ qua về Hiện Tượng Luận.

Khái quát mà nói, Hiện Tượng Luận nghiên cứu về cấu trúc của nhiều loại kinh nghiệm khác nhau từ nhận thức, tư duy, ký ức, tưởng tượng, cảm xúc, ước muốn, và ý muốn đối với nhận thức về cơ thể, hành động biểu hiện, và hoạt động xã hội, gồm hoạt động thuộc ngôn ngữ, theo Bách Khoa Từ Điển Triết Học của Đại Học Stanford. Cấu trúc của những hình thái kinh nghiệm này thường gồm điều mà triết gia Husserl gọi là "sự cố ý," có nghĩa là hướng kinh nghiệm trực tiếp tới sự vật trong thế giới, có ý thức rằng nó là nhận thức về hay về sự vật gì đó. Theo hiện tượng luận của trường phái Husserl cổ điển, kinh nghiệm của chúng ta được điều hướng tới các sự vật chỉ qua những khái niệm, tư tưởng, ý tưởng, hình tượng, văn bản, đặc biệt.

Hiện Tượng Luận đã được thực hiện trong nhiều dạng thức khác nhau qua nhiều thế kỷ, nhưng nó đã xuất hiện nổi bật vào đầu thế kỷ 20 trong các tác phẩm của các triết gia Husserl, Heidegger, Sartre, Merleau-Ponty và nhiều vị khác.

Hãy nghe chính triết gia Husserl định nghĩa về Hiện Tượng Luận của ông qua ngòi bút của Dan Lusthaus trong "Hiện Tượng Luận Phật Giáo":

"Husserl định nghĩa Hiện tượng luận của ông là Duy tâm siêu nghiệm luận (Transcendental Idealism), một thuật ngữ mà Kant đã áp dụng cho triết học của riêng ông. Nó có ý nghĩa phê phán liên quan đến các vấn đề nhận thức luận (epistemological), thừa nhận rằng tri thức có được thông qua nhận thức, mà không hàm ý tuyên bố siêu hình về bản chất của thực tại là tùy thuộc hay được tạo ra bởi tâm thức (mind)." (tr. 63 – quyển 1)

"Qua 'Duy tâm luận' Husserl muốn nói đến lĩnh vực ý niệm, tư tưởng, cảm giác, v.v..., nói cách khác, toàn bộ lĩnh vực kinh nghiệm ý thức như nó



đã cấu thành và trình hiện trước chúng ta.”(tr. 64 – quyển 1)

Từ mục đích mà Hiện Tượng Luận của Tây phương nhằm đến như được nói ở trên, Dan Lusthaus nhìn thấy có sự tương đồng giữa Hiện Tượng Luận và Phật Giáo. Ông đã viết trong “Hiện Tượng Luận Phật Giáo” như sau:

“Hiện tượng luận và Phật giáo cả hai đều đặt vấn đề tại sao và như thế nào kinh nghiệm con người là điểm khởi đầu và kết thúc. Cả hai đều tập trung vào những vấn đề đồng nhất về nhận thức luận (epistemological), như cảm nhận, cảm giác, nhận thức, cấu trúc nhận thức, điều kiện thể hiện (embodied conditioning), và vượt qua cách thức biểu hiện này về cách nhìn thế giới. Cả hai mục đích, thông qua khảo sát có phương pháp phương thức chúng ta nhận thức, để hoá giải những vấn đề tiên thoái lưỡng nan căn bản của loài người.” (tr. 18, 19 – quyển 2)

Ở một chỗ khác cũng trong “Hiện Tượng Luận Phật Giáo,” tác giả Dan Lusthaus còn nói thêm:

“Điều tôi đặt ra và thực hiện ở đây là trình bày hiện tượng luận trong đạo Phật, vì, như tập sách này lập luận và chứng minh, Phật giáo là một dạng hiện tượng luận; Du-già hành tông thậm chí còn hơn thế nữa.” (tr. 20 – quyển 2)

Dan Lusthaus giải thích cụ thể hơn về sự tương đồng giữa Hiện Tượng Luận và Phật Giáo:

“Đạo Phật là phương pháp (mārga) điều chỉnh những hành vi nhận thức của chúng ta. Đến cứu cánh, đạo Phật tập trung vào vấn đề nhận thức, tâm lý học, nhận thức luận (epistemology), siêu hình (soterics) và đạo đức (ethics). Pháp (dharma) là những nhân tố kinh nghiệm, hay hiện tượng cấu thành kinh nghiệm. Do vậy khảo sát về pháp (dharma) có thể được gọi là Hiện tượng luận Phật giáo (Buddhist phenomenology). Như chúng ta sẽ thấy, mối quan hệ giữa Hiện tượng luận Phật giáo và Hiện tượng luận Tây phương đang đến lúc thu hút sự quan tâm.

“Hiện tượng luận Phật giáo đạt đến đỉnh cao trong Du-già hành tông (Yogācāra). Các Du-già sư (Yogācārin) khảo sát cấu trúc và chức năng nhận thức từ Nhận thức luận (epistemological), Luận lý học, Tâm lý học, Đạo đức học, và phương diện siêu hình (soterics), họ thấy rằng chính trong lĩnh vực nhận thức rằng vấn đề chính do Phật giáo chẩn đoán được định hình. Vấn đề đó chính là sự tương tác hài hòa của nghiệp (karma) được dẫn dắt bởi những tập khí tương ứng.” (tr. 41 – quyển 1)

Tuy nhiên, Hiện Tượng Luận nói riêng và triết học Tây phương nói chung cũng có những khác

biệt với Du-già-hành Tông. Dan Lusthaus viết trong “Hiện Tượng Luận Phật Giáo” như sau:

“Nhưng cũng có những điều khác biệt quan trọng giữa các triết gia Tây phương và Du-già hành tông. Ba điều quan trọng nhất là: Kant và Husserl đã làm giảm nhẹ vai trò ý niệm tương quan nhân quả, trong khi Du-già hành tông phát triển hệ thống lý thuyết phức hợp nhân quả tương chứng như là quan trọng bậc nhất; không có sự đối chiếu nào đối với hoặc là lý thuyết về nhân quả hoặc học thuyết về giải thoát trong các triết lý phương Tây, trong khi đây là điều cốt yếu đối với tất cả những pháp hành và học thuyết của Du-già hành tông; sau cùng, triết học Tây phương được

thiết kế để thích ứng cho khả năng tốt nhất tiếp cận vào lĩnh vực bản thể luận (ít nhất đủ để chấp nhận sự hiện hữu của nó), trong khi Du-già hành tông lại phê phán về động lực về tất cả những biểu hiện của nó.” (tr. 529 – quyển 2)

Hơn nữa, một người uyên thâm về Phật học, như đã được minh chứng qua tác phẩm này, Dan Lusthaus đủ tinh tế để nhận ra sự khác biệt căn để giữa Hiện Tượng Luận và Phật Giáo. Đó là sự khác biệt giữa một bên (Hiện Tượng Luận) là ngành nghiên cứu thuộc lãnh vực triết học Tây phương chỉ đáp ứng nhu cầu hiểu biết và trong chừng mức nào đó là sự hóa giải của

con người đối với kinh nghiệm và nhận thức trong lãnh vực thế gian mà không nhằm đến mục tiêu xuất thế giác ngộ và giải thoát tâm linh như đạo Phật hay Du-già-hành Tông.

“Nhưng Du-già hành tông là một dạng Hiện tượng luận về mặt tâm linh, có nghĩa nó không chỉ mô tả để mà mô tả. Sự mô tả, đối với Du-già hành tông, phải mang những ý nghĩa tinh thần. Trong khi đối với Husserl chẳng hạn, tất nhiên hy vọng rằng phương pháp Hiện tượng luận này sẽ đáp ứng những lợi ích vượt trên không chỉ là mô tả, như nêu ra một nền tảng triết học vững chắc cho ý niệm ‘phi nền tảng’ Wissenschaften của Châu Âu, ông đã không đi quá xa khi tuyên bố rằng tự thân mô tả thực chất là sự chuyển đổi, hay là, những gì tương đương với hệ quả mô tả, bằng phương tiện hoàn thiện phương pháp mô tả, đó là cái được mô tả, có nghĩa là thức (consciousness), sẽ trở nên hoàn toàn bị thay thế bởi toàn bộ mô tả mới – thậm chí có lẽ một phương pháp mới – sẽ không thể thiếu được.” (tr. 478, 479 – quyển 2)

Có lẽ chính điều này mà tác giả đã tự xem nghiên cứu trong tác phẩm này của ông chỉ là “chiếc cầu” nối học thuật giữa các nhà học thuật Tây phương và Phật học.



"Thực ra, một số khá đông triết gia nói tiếng Anh, được đào tạo kỹ về hiện tượng luận và các dạng khác của triết học 'lục địa', cũng duy trì mối quan tâm đạo Phật. Cũng có nhiều sinh viên, trong khi nghiên cứu đạo Phật, cũng nhận ra chính mình được kích thích bởi triết học phương Tây và tìm cách thu hẹp khoảng cách văn hóa, khi họ nhận ra rằng 2 hệ thống này có tiềm năng lớn trở thành đồng minh. Tập sách này có ý định giúp cho họ rèn thành những chiếc cầu này. Tập sách này cũng được thiết kế để tạo thuận tiện cho cuộc trò chuyện giữa các nhà Phật học và triết gia phương Tây. Tất cả chúng ta đều phải học hỏi lẫn nhau nhiều. Đây chỉ là nỗ lực ban đầu. Hy vọng những người khác sẽ thực hiện loại dự án này xa hơn, và khám phá những khả năng được khai mở ở đây thêm sâu và chi tiết hơn." (tr. 18 – quyển 1)

Bộ sách "Hiện Tượng Luận Phật Giáo" chia thành 2 cuốn, gồm 24 Chương nằm trong 5 Phần: (1) Phật Giáo và Hiện Tượng Luận; (2) Bốn Mô Thức Căn Bản của Phật Giáo Ấn Độ; (3) Nghiệp, Thiền Định và Nhận Thức Luận; (4) Tam Thập Tụng; (5) Thành Duy Thức Luận và Những Vấn Đề Của Duy Thức. Trong bài giới thiệu này chỉ có thể đề cập đến một số điểm tiêu biểu theo người viết mà không thể nói hết được những chủ đề lớn được bao gồm trong một bộ sách 2 cuốn dày hơn 1,500 trang.

Trong Phần Một, tác giả Dan Lusthaus nêu ra lý do vì sao ông gọi tác phẩm này là Hiện Tượng Luận Phật Giáo mà qua đó ông đã đề cập đến những tương đồng và dị biệt giữa Hiện Tượng Luận và Phật Giáo, đặc biệt là Du-già-hành Tông như đã được nói đến ở trên. Ông cũng đã giới thiệu hai triết gia hàng đầu của Hiện Tượng Luận là Edmund Gustav Albrecht Husserl (1859-1938) và Maurice Jean Jacques Merleau-Ponty (1908-1961) và một số lý thuyết nổi bật mà hai vị này đã đóng góp cho Hiện Tượng Luận, đặc biệt có liên quan đến giáo nghĩa của Du-già-hành Tông.

Quan điểm đáng chú ý nhất trong phần này chính là ý tưởng về "sắc thể" hay "sắc chất" (hyle) của Husserl. Dan Lusthaus trình bày quan điểm của Husserl về "sắc thể" như sau:

"Husserl nói rằng noesis đưa ra ý nghĩa [(sinh động; animates), (ban tặng; bestows)] cho vật chất có tri giác (màu sắc, kết cấu, âm thanh, v.v...) được gọi là sắc chất (hyle). Ông nói, sắc chất thì không có chủ ý.

"Sự chủ ý cấu thành hay thích hợp với cái không chủ ý, và theo cách ấy khiến nó thâm nhập với 'ý nghĩa' (Sinn). Sự cấu thành cách nhận thức (noetic) hay thích ứng với 'dữ liệu thuộc về sắc thể' là những gì phát sinh nhận thức (noema), hay là đối tượng như nó được nhận thức.

"Ý niệm về sắc thể biểu thị những gì là nhận thức cá nhân gặp phải đều không thể hiểu được, trong vài ý nghĩa quan trọng, bị giảm trừ thành thức đó, và tuy thế đó là cái không bao giờ xuất hiện nơi đâu khác ngoài ý thức. Ý niệm này, lúc đó, chính là điểm then chốt để xác định phạm vi nào mà Hiện tượng luận Husserl chính là Duy tâm luận (Idealism). Mặt khác, dường như Husserl xem sắc thể (hyle) như là điều gì đó khách quan, điều mà trong chính nó góp phần bản thể của mình vào một trường hợp của nhận thức. Mặt khác, ông tuyên bố rằng nó là một phần của

phương cách nhận thức của tri thức." (tr. 70 – quyển 1)

Và Dan Lusthaus liên kết ý niệm "sắc thể" của Husserl với Duy Thức Nhị Thập Tụng của ngài Thế Thân:

"Như vậy, sắc thể (hyle) không chỉ trở nên chủ đề cho ý niệm tương quan giữa hai đối tượng với nhau trong Hiện tượng luận, mà còn là sự thuyết minh cốt yếu của trường phái Husserl về tính tương quan giữa hai đối tượng với nhau liên hệ đến cách giải thích của ông về Duy thức Nhị thập tụng của Thế Thân (Vasubandhu), nhấn mạnh thường xuyên trong phương thức đa dạng rằng nghiệp (karma) chính là mối tương quan giữa hai đối tượng với nhau và tiến trình của mỗi mỗi và mọi dòng tương tục của thức (vijñānasantāna; stream of consciousness) (có nghĩa sự thay đổi của từng cá nhân) là có ảnh hưởng sâu sắc bởi mối liên hệ của nó với các dòng thức tương tục khác." (105, 106 – q1)

Trong Phần Hai, tác giả Dan Lusthaus bàn về Ngũ Uẩn, Duyên Khởi, Giới-Định-Tuệ, Vô Tướng Định và Diệt Tận Định. Khi giải thích về Ngũ Uẩn, Lusthaus ngoài việc trình bày chi tiết, cụ thể, gần với thực tế đời sống nên rất dễ hiểu, ông còn đưa ra ý tưởng mới, thí dụ, ông dịch chữ saṃskāra (hành trong ngũ uẩn) là "điều kiện thể hiện" và ông giải thích thêm:

"Tôi đã dịch saṃskāra là điều kiện thể hiện (embodied conditioning) vì những sự ưa thích như vậy đã luôn luôn khắc sâu trong xương tủy ta rồi, khắc sâu trong mỗi phương thức tồn tại trên thế gian, ngay cả khi chúng ta làm ngơ – hay vẫn làm ngơ về – nguyên nhân và điều kiện đã khiến chúng sinh khởi." (tr. 145 – q1)

Cũng như khi nói về Hành trong Thập Nhị Nhân Duyên, tác giả Lusthaus cho rằng đó là dạng thức của vô thức trong Tâm Phân Học của Freud:

"Tôi không đồng ý, và thấy mình gần với quan điểm của De Silva, ông đã thấy hệ quả tất yếu giữa tâm lý học Phật giáo trong tạng Pāli và Freud. Sự vận hành của vô thức hiển nhiên rõ ràng trong thảo luận về lậu (āśava), tùy miên (anuśaya), hành (saṃkhāra), v.v... Về mặt cấu trúc và tác dụng, đây là những 'chiều hướng' thúc đẩy làm nền tảng cho nhận thức và phong cách, v.v... của con người. Lại nữa, những động lực này được tâm lý học Phật giáo đồng nhất là những vấn đề căn bản, nền tảng." (tr. 157 – q1)

Trong phần giải thích về Tam Giới, Dan Lusthaus nêu ra một chi tiết làm tôi rất chú ý đó là việc ông dẫn ra 2 chủ trương về địa ngục khác nhau của ngài Thế Thân và ngài Huyền Trang. Theo đó, ngài Thế Thân cho rằng người tạo ra ác nghiệp thì tâm của họ tự hiện ra các hình phạt và cảnh giới địa ngục, ngược lại khi tâm tịnh thì những thứ ấy không còn; trong khi ngài Huyền Trang, cũng theo Lusthaus, chủ trương địa ngục là có thật cho dù có chúng sinh ở đó hay không.

Trong phần nói về Vô Tướng Định và Diệt Tận Định, tác giả Lusthaus giải thích rất rõ ràng lấy từ những lời Phật dạy trong các Kinh Nikaya, hay từ các luận giải của Thanh Tịnh Đạo Luận, A-tỳ-đạt-ma Cầu-xá, Du-già-hành Tông, và Thành Duy Thức Luận.

Phần Thứ Ba nói về Nghiệp, Thiền Định và Nhận Thức Luận. Trong Phần Khái Quát Về Nghiệp, Lusthaus trình bày về nhân duyên trong

mối tương quan trùng trùng đã đưa ra nhận định sâu sắc về tính tương quan duyên vô tận của việc “viết” hay tác phẩm văn học.

“Tác giả chính là ‘lãnh địa’ của bản văn, nhưng chỉ khi nó đã được viết ra.¹ Một khi đã được viết, tác phẩm đã có phần chính yếu của nó, thể hiện chủ ý riêng của nó, và chuyển tải mối quan hệ với người đọc. Ngay cả khi đang được viết ra, bản văn đã có chủ ý riêng của nó, và người viết phải lắng nghe họ khi mình đang viết. Bản văn thường xuyên tương tác với những văn bản khác, với lịch sử khác, để lịch sử riêng của nó tiếp tục được dần trải, giống như thân, khẩu, ý chúng ta liên tục tương tác với môi trường chung quanh chúng, để phát sinh sự tương tục và ‘lịch sử’ riêng của mình.” (tr. 398, 399 - q1)

Ông cũng nói đến tính tương tục của nghiệp qua A-lại-da thức của ngài Thế Thân là một chủ trương rất quan trọng và đầy sáng tạo để vượt qua trở ngại đối với thuyết sát-na sinh diệt.

“Trong Thành nghiệp luận (*Karmasiddhi-prakarana*; *Exposition Establishing Karma*), Thế Thân thách thức quan điểm của các Luận sư Tỳ-bà-sa (*Vaibhāsika*) và các trường phái nào chủ trương rằng các pháp có thể là cái gì khác hơn sát-na (*moment-ary*). Sát-na căn bản được giải thích là một loạt những sát-na ý thức như chuỗi nhân quả tương tục. Trong đó mỗi sát-na tạo nên sát-na kế tục cho chính nó.

“Nhận thấy học thuyết sát-na khó giải thích mọi dạng thức của sự tương tục – từ đời này sang đời kế tiếp, sự hiện hành của dòng ý thức sau khi nó đã bị tắt ngấm trong giấc ngủ sâu hay thiền định, v.v... Vào gần cuối chuyên luận, Thế Thân giới thiệu khái niệm A-lại-da thức (*ālaya-vijñāna*) của Du-già hành tông, trong đó chủng tử (*bīja*; seeds) của kinh nghiệm trước đó được lưu giữ trong vô thức và được phóng thoát thành kinh nghiệm mới. Ấn dụ hạt giống được gieo cấy trong dòng thức bằng kinh nghiệm, chỉ được phóng xuất về sau (xuyên thấu từ vô thức sang kinh nghiệm ý thức), có khả năng sinh ra hạt giống mới được cấy để trở thành mầm, đã cung ứng một mô thức để hiểu, đối với Thế Thân, không chỉ giải thích tính tương tục giữa hai sát-na của thức, mà còn cung cấp một giải thích hầu như tương quan nhân quả cho động cơ của nghiệp, có nghĩa là làm sao mà hành vi được thực hiện vào lúc này lại có thể tạo ra ‘quả’ vào lúc khác, kể cả từ đời này sang đời kia. A-lại-da thức cũng được loại trừ nhu cầu cho một học thuyết về cái ngã thường hằng và cố định, đó là tác nhân và kẻ nhận lấy kết quả của nghiệp. Do vậy, như một dòng chảy, nó thay đổi không ngừng với những điều kiện luôn luôn mới từ sát-na này đến sát-na khác.” (tr. 452-53 - q1)

Một điều thú vị khác là trong phần nói về trí tuệ Bất-nhã Ba-la-mật, Dan Lusthaus đề cập đến vấn đề đồn ngộ hay tiệm ngộ trong Kinh văn Pali.

“Các đoạn kinh vừa được khảo sát từ Trường bộ kinh (*Dīgha Nikāya*) và Tương ưng bộ kinh (*Samyutta Nikāya*) đều tán thành tiến trình tiệm tiến trong công phu nhằm vào gỡ bỏ các hành (*saṅkhāra*). Tiến trình tiệm tiến được xác định rõ ràng là tạm thời trong đoạn kinh thứ nhất; quan trọng hơn, Tuệ trí (*ñāna, jñāna*) chỉ có thể sinh khởi tùy thuộc vào cảm thọ nhất thời. Nhưng nếu chúng ta quay trở lại với một văn bản khác, Luận sự (*Kathā-vatthu*), phần III, chương 4,1 chúng ta

sẽ thấy Thượng tọa bộ phủ nhận giải thoát (*p: vimutti; e: liberation*) là tiệm tiến, mà lập luận rằng tiến trình giải thoát là trực tiếp (đốn ngộ).” (tr. 600-601 - q1)

Trong cuốn hai của “Hiện Tượng Luận Phật Giáo,” gồm 2 Phần Bốn và Năm, tác giả Dan Lusthaus đề cập đến hai chủ đề chính: Tam Thập Tụng Luận và Thành Duy Thức Luận và những vấn đề của Duy Thức.

Phần Bốn là bản dịch Tam Thập Tụng Luận từ bản Sanskrit đến bản dịch chữ Hán của ngài Chân Đế và ngài Huyền Trang, bản dịch Anh ngữ của Richard H. Robinson, và bản dịch Việt của dịch giả Thích Nhuận Châu từ bản Phạn và hai bản Hán. Có thể nói đây là sự tập hợp tài liệu quý giá về bộ luận này. Sau cùng của phần này là chú giải rất giá trị của tác giả Dan Lusthaus. Trong phần này, Lusthaus đã giới thiệu những dị đồng trong nhiều bản dịch của Tam Thập Tụng. Điều thích thú là tác giả đã nêu ra một số chữ Phạn và Hán để phân tích cách dịch, cách dùng từ và qua đó cho thấy quan điểm của mỗi dịch giả, tiêu biểu là ngài Chân Đế và ngài Huyền Trang.

Chẳng hạn, ông nêu ra chữ ‘pháp’ (*dharma*) trong bài tụng thứ nhất của Tam Thập Tụng và cho rằng nó không phải là “hiện tượng, things” mà là “... những yếu tố kinh nghiệm, từ điều kiện hay phương cách nhận thức, đối với cảm giác, đối với những yếu tố theo giá trị tiêu cực hay tích cực của nghiệp, đã đan dệt nên khung sườn cho cách thức lẽ thói trái nghiệm của con người.” (tr. 113, 114 - q. 2) Hoặc, ở trang 119 - q2, tác giả Lusthaus nêu ra sự việc ngài Chân Đế đã không dịch chữ ‘vô phú’ (*anivṛta*). Rồi ông giải thích: “Bằng sự bỏ sót này, Chân Đế giữ im lặng về a-lại-da thức (*ālaya-vijñāna*), không nói a-lại-da thức có chướng ngại nghiệp (*āvaraṇas; karmic obstructions*) hay không. Huyền Trang dịch chính xác là không. Có lẽ quan điểm của Chân Đế về vấn đề a-lại-da thức là thanh tịnh hay nhiễm ô, vốn là vấn đề tranh luận nóng bỏng trong thế kỷ thứ VI ở Trung Hoa khi ở đó, đã bị bóp méo trong bản dịch của ông. Chân Đế chủ trương rằng a-lại-da thức là nhiễm ô và cần phải thay thế bằng thức thứ 9, một ‘tịnh’ thức. Thừa nhận rằng a-lại-da thức là *anivṛta* (vô phú 無覆) có lẽ sẽ làm rắc rối thêm quan điểm của ông.” (tr. 119, 120 - q2)

Trong Phần Năm trình bày về Thành Duy Thức Luận và những vấn đề của Duy Thức, Dan Lusthaus dẫn độc giả đi một vòng bối cảnh lịch sử phát triển của Phật Giáo và đặc biệt của Du-già-hành Tông hay Duy Thức Tông từ Ấn Độ sang Trung Hoa, mà trong đó ông đã tóm lược trong “bảy khúc quanh,” đồng thời đưa ra một số nhận định về các sự kiện đáng chú ý của Phật Giáo tại Trung Hoa. Ông cũng nói về mối tương quan tương khắc của trường phái Bất-nhã với các quan điểm triết học và đạo học tại Trung Hoa, đặc biệt với Đạo Lão.

Điều đáng chú ý trong phần này là đoạn Lusthaus nói về sự truyền thừa của Duy Thức Tông mà theo truyền thuyết cho là Khuy Cơ là tổ khai sáng, trong khi thực tế Huyền Trang mới là sơ tổ. Ông cũng đề cập đến người có ảnh hưởng lớn nhất đối với Thành Duy Thức Luận không phải là Hộ Pháp như Khuy Cơ nói mà là Thắng Quân. Trong phần này cũng nói đến sự khác biệt kiến

giải về giáo nghĩa Duy thức sâu rộng dẫn đến mâu thuẫn giữa Khuy Cơ và Viên Trắc là hai vị cùng thọ học với ngài Huyền Trang và đều có đóng góp vào sự nghiệp phiên dịch Tam Tạng của Ngài. Lusthaus cũng tìm hiểu lý do tại sao Khuy Cơ tôn sùng Hộ Pháp quá mức và việc Khuy Cơ lấy luận giải của An Huệ ghép cho Hộ Pháp trong Thành Duy Thức Luận.

Tất nhiên, tác giả Dan Lusthaus cũng không quên trình bày vấn đề then chốt của Duy Thức là thức biến. Ông viết:

"Như đã đề cập trong Phần Bốn, Tam thập luận và theo đó, toàn bộ Thành Duy thức luận đều tìm cách thảo luận về một điểm: thức biến (vijñānaparīṇāma; alterity of consciousness)." (tr. 320 - q2)

Nhưng thức biến là gì? Dan Lusthaus dựa vào luận giải của Du-già-hành Tông đã đưa ra giải thích như sau:

"Đối với Du-già hành tông, parīṇāma chỉ có nghĩa là thay đổi, tự khác biệt chính nó một cách triệt để thông qua mỗi khoảnh khắc nhận thức cấu thành chính nó như là nó (tự tướng; svalakṣaṇa), bởi cái khác hơn là chính nó hay là trong khoảnh khắc. Tự thể của nó chính là tự thể của cái khác. Tính đơn nhất của nó trực tiếp chỉ cho tính tự dị biệt hoặc tính dị biệt của nó đối với cái khác nó, vì, chừng nào nó là vô thường, thì nó luôn luôn trở nên khác biệt với chính nó - điều đó có nghĩa là, 'nó' và 'chính nó' trong câu này không liên hệ đến thể tính lâu dài hay tính đồng nhất hay thể nền (substratum), mà đúng hơn là chỉ cho giả lập (upacāra) về mặt ngôn ngữ theo phương pháp thủ sai đối với dòng chảy đa dạng của 'biến đổi'." (tr. 326, 327- q2)

Hay ở một đoạn khác cụ thể hơn: *"Thức biến (vijñāna-parīṇāma) không đứng bên ngoài hay đằng sau sự tương tác lập thừa của phân biệt và sở phân biệt, mà chính nó là sự phân biệt. Sự phân biệt chính là biến thái của thức (vijñānaparīṇāma); đó chính là sở phân biệt (mà không phải là sự phân biệt) không tồn tại." tr. 341 - q2)*

Dan Lusthaus đã nêu một nghi vấn rất đáng chú ý: Điều gì có thực trong Du-già-hành Tông? Và ông đã trả lời:

"Cái thực theo Thành Duy Thức Luận: 'Thế thì 'thực,' đối nghịch với hoặc là 'duy danh' hoặc là 'hư vọng.' Cái gì 'thực' là cái hiện hữu (asti; existent), có thực thể (dravya; substantial), và thoáng chốc (kṣanika; momentary). Nếu cái gì được xem là 'thực' theo tiêu chuẩn này? Cái đó được trả lời là ngắn ngủi." (tr. 373 - q2)

Tác giả Dan Lusthaus cũng nhấn mạnh con đường trung đạo không phải có, chẳng phải không của Duy Thức.

"Vì tâm (citta) và tâm sở (caittas) là y tha khởi (paratantra), nó giống như trò huyền thuật, chẳng

phải thực thể có thật. Nhưng để đối trị vọng chấp cho rằng ngoài tâm và tâm sở còn có cảnh (viṣaya; perceptualobject), là [thực thể] thực hữu, chúng ta nói rằng chỉ có thức là thực hữu. Nhưng nếu anh trở nên chấp trước vào quan niệm cho rằng Duy thức (vijñapti-mātra) là cái gì đó thực hữu, thì cũng giống như chấp vào cảnh sở duyên, có nghĩa trở nên một dạng chấp-pháp khác [và

hoàn toàn không được giải thoát]." (tr. 401 - q2)

Nói về sự tu tập của Duy Thức Tông được gọi là chuyển y, Dan Lusthaus mô tả đó là tiến trình "lật nhào nhận thức sai lầm":

"Du-già hành tông phát triển từ vọng tình vì để mô tả sự biến đổi giữa sự vội vã nắm bắt và buông bỏ sự hiện hữu có điều kiện, và làm việc đó không có điều kiện gì (có nghĩa là không có ý định chấp thủ). Họ gọi cao điểm của sự biến đổi là chuyển y (āśraya-paravṛtti), lật ngược nền tảng mà ta đang đứng, sự lật nhào nhận thức (sai lầm)." (tr. 482 - q2)

Nhưng cuối chặng đường chuyển y tâm thức ấy là chuyển thức thành trí -

Thành sở tác trí, Bình đẳng tánh trí và Đại viên cảnh trí, mà Đại viên cảnh trí là cứu cánh, là chân như.

"Khi a-lại-da thức qua trạng thái chuyển y, nó dừng bất và được thay thế bằng Đại viên cảnh trí (Mahādarśa-jñāna; Great mirror cognition). Các thành phần nhận thức trong Tām gương trí rộng lớn, không còn ảo tưởng mê lầm, được gọi là Chân như (tathatā)." (tr. 483 - q2)

Nói tóm lại, "Hiện Tượng Luận Phật Giáo" là một bộ sách nghiên cứu công phu bằng Anh ngữ hiếm có về Du-già-hành Tông, Thành Duy Thức Luận và các vấn đề của Phật Giáo. Thực ra, còn rất nhiều điều để đọc và nghiên ngẫm về Phật Pháp cao thâm trong bộ sách này, nhưng vì giới hạn của một bài giới thiệu nên không thể nói hết ở đây. Độc giả có thể tìm mua một bộ để tự mình đọc và suy ngẫm.

Cũng cần nhấn mạnh rằng góp phần tạo nên giá trị của bộ sách còn là những chú thích chuyên nghiệp và tài liệu phong phú mà tác giả Dan Lusthaus và dịch giả Thích Nhuận Châu đã cung cấp qua bộ sách này.

Còn một điều không thể không tán thán ở đây chính là khả năng ngoại ngữ và thẩm quyền kiến thức Phật học và thể học uyên thâm của dịch giả Thích Nhuận Châu. Chính những yếu tố này đã góp phần làm cho dịch phẩm "Hiện Tượng Luận Phật Giáo" thêm phần giá trị, hữu ích và thuận lợi đối với độc giả người Việt.

Chính vì thế, người viết bài này rất hoan hỷ giới thiệu đến bạn đọc khắp nơi bộ sách "Hiện Tượng Luận Phật Giáo."

Xin cảm ơn tác giả Dan Lusthaus và dịch giả Thượng Tọa Thích Nhuận Châu.



SÚP CHUA THUẦN CHAY

Món này thật ra vừa chua vừa cay, nhưng có lẽ chua nhiều hơn cay, nên xin gọi là Súp Chua (thay vì... chua cay, vì như vậy nghe không được may mắn lắm). Những lúc gia đình và bạn bè họp mặt, nhất là vào mùa đông, có một nồi súp sẽ giúp mọi người cảm thấy ấm áp.

Thêm vào đó, nếu bạn có thể nhín thời giờ, hãy cùng thân hữu hoặc các hội đoàn từ thiện, chia sẻ cơm chay với những anh chị em không nhà. Trời lạnh mà dùng được canh nóng, các vị này sẽ rất hoan nghênh và cảm ơn các bạn.

Nguyên liệu:

- 5 tai nấm đông cô, rửa sạch, ngâm mềm, thái sợi (giữ nước ngâm lại)
 - 1/2 chén măng, thái sợi
 - 1/2 chén đậu hũ (chiên hoặc không chiên), thái sợi
 - 1/4 chén cà-rốt, thái sợi
 - 2 muỗng canh bột bắp (hoặc bột năng)
 - 1/2 chén giấm
- Dầu mè, tiêu, muối, nước tương

Thực hiện:

1. Nấu khoảng 6 chén nước (bao gồm nước ngâm nấm ban nãy).
 2. Khi sôi, cho cà-rốt nấu trước, khoảng 1 phút.
 3. Sau đó thêm nấm đông cô, măng, nấu khoảng 2 phút.
 4. Pha bột bắp với 1/2 chén nước. Khuấy đều.
 5. Cho từ từ vào nồi. Khuấy đều để súp đặc lại. Nấu khoảng 1 phút nữa.
 6. Cho đậu hũ vào.
 7. Cuối cùng thêm giấm.
 8. Nêm muối, nước tương, tiêu (trắng hoặc đen) theo khẩu vị.
 9. Tắt lửa. Dọn ăn nóng.
- Trước khi ăn cho thêm vài giọt dầu mè và rắc chút tiêu.

Hồng Hương / Việt Nam Ăn Chay



Truyện cực ngắn

STEVEN N.

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT



PHÁP CHÁNH THUẬN DANH

Năm ấy sư đã ngoại thất tuần nhưng vì việc nước nên giúp vua tiếp sứ. Sư cải trang làm giang lệnh, sứ giả sinh văn thơ và kiêu ngạo tự tôn xem thường vua Lê. Y xướng: "Ngưỡng diện hướng thiên nha". Sư đáp trả: "Hong trạo bãi thanh ba". Sau thấy sư thông tuệ và đầy khí khái nên sứ thần mới chịu phục. Ngày về y còn viết bài thơ dài tạ ơn vua Lê: "Thiên ngoại hữu thiên ứng viễn chiếu," ý sư muốn nói ngoài vua Tống ra còn có vua Lê.

Sư có công phò tá, giúp nước, hoằng pháp... việc nào cũng viên mãn. Vua Lê tính ban thưởng nhưng sư không nhận phẩm hàm, bổng lộc mà lui về thảo am tiếp tục tu hành. Một lần vua vời sư vào cung vẫn kể thì sư đọc:

*"Quốc to như đặng lạc
Nam thiên lý thái bình
Vô vi cư điện các
Xứ xứ tức đao binh."*

Thế nước như sợi mây, quần bên lại thì bền lâu. Vua ở điện các phải tu thân "vô vi" tức không làm điều trái nghịch thì bình đao sẽ ngưng.

Việc đạo hưng chánh pháp nổi đồng Tỳ Ni Đa Lưu Chi, việc đời phò vua giúp nước. Sư là bậc thượng nhân trong đạo, cao sĩ ngoài đời, bởi vậy nên trong triều ngoài nội ai cũng kính ngưỡng sư.

**PHÁP CHÁNH ĐỘ SANH HÀNH TRÌ PHẬT ĐẠO
DIỄN KINH TÁ KỆ THƯỢNG PHUNG HIỀN THÁNH
THUẬN DANH HỘ QUỐC PHỤ TRỢ MINH QUÂN
HIỂN KẾ NGHINH THẦN HẠ HÓA QUÂN MANH**



Chùa Nhất Trụ ở Cổ đô Hoa Lư là nơi thờ các thiền sư Pháp Thuận và Khuông Việt

BUÔNG

Thầy dạy đại chúng:

- Cứ buông thì đắc, càng ôm vào thì hỏng!

Chúng tại gia cũng có người làm được, tập tành bỏ thói, san sẻ vật chất, tâm tánh bỏ bớt thì phi, giảm sắc dục... Tuy nhiên số đông thì vẫn vậy, biết thì biết nhưng chẳng chịu làm, có kẻ còn nói càn:

- Tại sao phải buông? Của cải quý lắm, kiếm đâu có dễ!

Thầy không nói gì thêm, chỉ kể chuyện khơi khơi:

- Nhà kia nuôi tắm lấy tơ, một hôm nọ có con tằm ăn lá dâu trong nông rừ rừ rừ với đồng bọn: "Mình phải bỏ cái kén để hóa ngài mà bay lên". Lũ tằm nhao nhao phản đối: "Kén làm ra tơ vàng óng ả, quý lắm, đừng có buông mà hoài phí của." Con tằm kia biết khuyên bạn không được bèn tự thân hóa ngài mà bay lên. Sáng hôm sau người thợ dệt đem cả nông đi luộc nước sôi để lấy tơ.

Thầy kể xong ngồi trầm ngâm còn đại chúng nghe qua ngẩn ngơ người.

KHÔNG HAI

Đông quân còn ngự trị, Cờ Hoa và vùng Bắc Mỹ rét căm căm, băng giá trắng xóa đất trời. Chúa xuân từ cổ quận đã báo tin:

- Hãy chuẩn bị giao lại sơn hà cho ta! Lạnh giá nhiều đó đủ rồi! Tuyết băng âm đậm sao bằng muôn hoa rực rỡ. Ta đem lại niềm vui và bao nhiêu hy vọng cho loài người.

Đông quân bảo:

- Tuyết trinh bạch trắng, tuy có lạnh nhưng ta đã quét sạch sâu bọ cho thiên hạ. Xuân ấm áp về muôn sắc hương hoa nhưng cũng đồng nghĩa côn trùng lại sinh sôi. Loài người không thể thiếu ta! Đông quân tẩy sạch sâu bọ cho vụ mùa sau thu hoạch lớn.

Tự đứng vũ trụ bao la có tiếng thì thầm đồng vọng:

**ĐÔNG TRINH BẠCH TUYẾT NHIỀU ẨM ĐẠM
NHƯNG TẮY SẠCH SẼ BAO LŨ SÂU BỌ
XUÂN VẠN SẮC HOA TRÀN VUI TƯƠI LẠI
KHƠI SANH SÔI LẠM LOÀI CÔN TRÙNG**

VUI TẾT

Ngày xuân đi chúc tết, anh em họ hàng gặp nhau vui mừng hỉ hả, nâng ly chúc tụng toàn những lời tốt đẹp. Mọi người hứng chí tổ chức chơi bầu cua cá cộ, ban đầu giao hẹn:

- Chỉ chơi chút chút vui xuân, không ăn thua, không sát phạt!

Chơi một lát thì nóng mặt say máu quên bém lời giao hẹn ban đầu. Mọi người chơi lớn, thêm binh xập xám, đồ xí ngầu, chặt hẻo... Một người thua nhiều, quyết tiền lại còn hết lớn:

- Cờ gian bạc lận, chơi không đẹp!

Người thắng cũng giận không kém:

- Thua không chịu chung, chơi dơ, chơi vậy thì chơi với ai?

Chủ nhà bức bối:

- Vui xuân sắc chứ không phải xung khắc, chỉ vì mấy trò này mà xuân mới mất vui.

Chủ nhà vại về hàng cha chú, sính chữ, đọc:

**ĐỒ XÍ NGẦU, SÁU MẶT NÊN SẮC MÁU
BINH XẬP XÁM BA CHI KHIẾN CHA BI.**

XUÂN QUÝ MÃO

Xuân về trời đất phong quang, lòng người hoan hỷ. Thiên hạ trong ngoài ai nấy cũng vui ba ngày tết rất xôm tụ. Có người hy vọng:

- Năm con mèo lữ chuột đục khoét công quỹ, xà xẻo công khố, trộm cắp tài sản quốc gia hãy liệu hồn!

Nhiều người nghe thế bèn phản bác:

- Nhảm nhí gì! Nhiều khi con mèo lại là trùm cuối. Bộ hồng thấy dân mình đảo để à? Tranh dân gian Đồng Hồ vẽ lũ chuột cống cá, thối kèn cung nghinh con mèo kia!

Có gã xưa nay nổi tiếng hậu đậu chen vào:

- Hồng đục khoét lấy tiền đầu xây biệt phủ, mở tài khoản nước ngoài, vợ con du hí, nuôi bồ nhí đích thị mèo hai chân.

Những người kia nghe thế gật gù:

- Thắng cha hậu đậu vậy mà nói cũng có lý!

Tên hậu đậu ấy được thể cười lộn lên đọc đối:

**ÔNG MÙI TUỔI ĐỂ DÁNG DẬP NHƯ RỒNG
NĂM MÈO TÍ TỖN**

**BÀ NGỌ TUỔI NGỰA ỒNG ẸO NHƯ RẮN NĂM
CHÓ DẦN LẦN.**

CHUYỆN MÈO CHUỘT

Xứ quởn vào thời mạt, ngoài thì kẻ thù truyền kiếp xà xẻo đất đai, biển, đảo; tung hàng độc, lũng đoạn bán mua. Trong thì nội tặc tham vô độ, quan lại đấu đá tranh ghế, tranh quyền. Sĩ khí rụt rè mũ ni che tai. Nghề sĩ tấu hài nhảm. Báo chí truyền thông cổ xúy lối sống vị kỷ, kim tiền. Có ông nọ làm tướng, ơn vua lộc nước, thuế dân ngập mặt lại tuyên bố:

- Dân ghét kẻ thù truyền kiếp là mối nguy cho dân tộc, tôi lấy làm lo lắng!

Nghị sĩ gật gù, chỉ chuyên giơ tay đồng thuận. Có kẻ đăng đàn:

- Mấy hòn đảo hoang, cứ để cho đại ca chúng ta giữ hộ, mai một đến đời con cháu chúng ta đòi, chẳng có gì để lo.

Dân chúng khóc thét nhưng chẳng biết làm gì được. Sĩ phu cười khàn đến trào máu họng. Người trong ngoài bất bình, Dân mạng xã hội nhanh tay tải đội câu đối về kéo không trang nhà sẽ bị an ninh mạng khóa.

**CHÍNH SỰ RỤT RỀ NAI ĐUNG CỌP LỢ LÁO BƯNG
TAI BỊT MẮT CHUYỆN DÂN TÌNH QUỐC SỰ**

**HÍ LUẬN HUỆNH HOANG CHUỘT VỚI MÈO TUNG
TÂY MÙA MÈP KHUA MÔI TRÒ LỘC CỤ NGÔI CAO**

TỘC CHẠY

Ngày xuân hai bạn cũ gặp nhau vui mừng hỉ hả. Một người giờ là nhà dân tộc học, y hỏi đồ bạn:

- Thiên hạ mới phát hiện có một tộc người rất lạ ở thế gian này, bạn có biết không?

Người kia là nhà nhân chủng học, trả lời:

- Làm gì có chuyện đó! Thế giới này bao nhiêu chủng tộc đã thống kê hết rồi, ngay cả những tộc chỉ có vài mươi người giữa rừng rậm Amazon cũng đã nhận biết.

Người kia cứ cười tùm tùm, sau đó thông thả kể:

- Đông nam địa cầu có xứ quởn, người xứ ấy phải chạy từ sơ sinh đến khi xuống lỗ. Ban đầu người mẹ phải chạy nhà thương, chạy bác sĩ để được sanh nở an toàn. Tới tuổi mẫu giáo cha mẹ phải chạy trường con mới được nhận. Lên phổ thông tiếp tục chạy trường còn phải chạy lớp, chạy giáo viên, chạy điểm. Học xong đại học phải chạy giấy hoãn nghĩa vụ quân sự, chạy việc, chạy lương bổng, chạy chế độ phúc lợi. Nếu mà muốn lên cao thì phải chạy ghế, chạy chức, chạy quyền. Lấy vợ, mua nhà lại phải chạy cò, chạy nhà đất. Trong quá trình sống lỡ có bê gì thì phải chạy quan, chạy án. Bản thân và người nhà mà đổ bệnh thì lại chạy bác sĩ, chạy bệnh viện, mai kia chết lại phải chạy cò mai táng, cò nghĩa trang... Suốt đời chạy, ai cũng phải chạy, không chạy thì chết cũng không yên chứ đừng nói sống!

Người bạn nghe thế vội ngắt lời:

- Đừng có nói nữa, không thì tui chạy ông luôn!

**Steven N
Georgia, 0223**





THI SĨ PHƯƠNG TẤN

Độc thơ Phương Tấn

TÔN NỮ QUI HỒNG

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

1. QUẦY GÁNH LÊN NÚI CHƠI

Khi đọc bài thơ NÓI CHUYỆN ĐỜI VỚI NÚI của thi sĩ Phương Tấn, tôi không thể không tìm lại bài thơ đã được đọc gần đây cũng của ông, đăng trên tạp chí Quán Ván: QUẦY GÁNH LÊN NÚI CHƠI.

Đọc bài thơ QUẦY GÁNH LÊN NÚI CHƠI, tôi thấy rất lạ. Bài thơ thật tuyệt. Từ ngữ dùng đơn giản nhưng hàm ý sâu xa, khiến người đọc cứ phải đọc đi đọc lại để thấm.

Hoài bão đến với người cùng khổ thời tuổi trẻ giữa chừng bị gãy gập, lý tưởng dựng xây đất nước sau chiến tranh cũng đã tan vào thế cuộc, những người thanh niên thiện nguyện ngày ấy giờ đây đành ngậm ngùi chấp nhận phải quên đi. Theo thời gian, theo tuổi tác, tất cả những ý nguyện tích cực trở thành vô định như... thả hương cho gió vậy.

Quên những điều đáng quên để nhớ những điều đáng nhớ. Quên những điều đã xa xôi không thể tiếp tục và cả những rối rắm gần với thực tại:

*"Thả bằng hết bong bóng
Bay bằng hết trong trời."*

Đã "phủi tâm rất hạt bụi trần" (*) mà vẫn biết còn đâu đó những điều vướng vấp, nhưng lòng đã quyết thì nương theo kinh kệ để tự nhắc mình:

*"Ngại đời xa lắm bụi
Ta phủi sạch tâm mình
Ngại bèo mây bám đuôi
Lòng ử dầy tiếng kinh."*

Cõi đời thành thang rộng lớn nhưng cuộc sống quanh ta với bao đua chen lại trở nên chật chội khiến ta chỉ muốn thoát ra:

*"Lách ra khỏi xô đời
Quầy gánh lên núi chơi."*

Chỉ có điều:

*"Ta giữ lòng đà chặt
Quầy gánh lên núi chơi."*

Nhưng gánh em đã nặng mà biết em có "núi lòng cho chắc" được không? Liệu em có "lách qua xô đời" để thả bằng hết mọi phiền nhiễu, cùng ta nhẹ tênh hưởng thụ?

"Em" trong bài thơ này là ai mà lại là gánh nặng trong tâm tư thi sĩ như thế, có thể in sâu trong tâm khảm thi sĩ như kinh sách đã thuộc lòng thế này? Một mỹ nhân chăng? Có lẽ nào như thế một khi thi sĩ đã quyết:

"Bỏ lượt là áo thụng"

Và,

"Lòng ử dầy tiếng kinh."

Thế thì, để cân bằng với sách quý, sách cổ ở đầu gánh bên kia chỉ có thể là sách mới ở đầu gánh bên này.

Nếu chúng ta dùng hai chữ Nàng Thơ để chỉ nguồn cảm hứng trước cái đẹp trong trời đất hay trước con người mà một thi sĩ hay bất cứ một người làm thơ nào cảm nhận được, họ ghi lại trong từng câu thơ, bài thơ...

Thì Em của Phương Tấn cũng có thể hiểu là

những ước mơ mà ông ấp ủ để hoàn thành tâm nguyện cuối đời của mình. Có thể là Văn ông đang viết, Thơ ông đang làm với mong muốn dâng cho đời những điều tốt đẹp, qua đó những thế hệ sau có thể hiểu được những mắc xích trong chuỗi lịch sử nước nhà mà những văn sĩ, thi sĩ cùng tâm niệm như ông vẫn theo đuổi.

Tôi nghĩ, thi sĩ cùng Em - Nàng Thơ của ông sẽ viết những vần thơ thanh thoát, đầy thương yêu để gửi đến trần gian mà ông thương mến, hoặc viết lên chí khí của một người luôn mong cầu điều tốt đẹp đến với quê mẹ dấu yêu. Giữa núi cao thoáng đãng, hít thở không khí trong lành tĩnh lặng, hăng Nàng Thơ sẽ càng dâng thi tứ dạt dào đến thi sĩ.

2. NÓI CHUYỆN ĐỜI VỚI NÚI

Ồi, cái màu nắng trong veo trong đôi mắt nhìn của một người đã giữ bỏ muộn phiền! Lòng không vướng bận, ngẩng trời mây cứ thấy lung linh. Có phải vì "lòng nhẹ tênh" mà thi sĩ thấy nắng ấm như được đắp mây, hay vì cái ấm áp trong lòng mà nhìn ra mây đắp nắng?

*"Nắng lúng la lúng liếng
Đắp mây, lòng nhẹ tênh."*

Đôi mắt yêu đời nhìn quanh thật vui. Đường lên núi càng đi càng mở ra sự niềm nở của thiên nhiên mà chỉ với lòng thanh thản người ta mới đón nhận hết được sự chan hòa ấy.

*"Cỏ cây cười luôn miệng
Gió gieo đầy tiếng chim."*

Đến nơi thanh vắng với tâm ý được một mình thì con người không còn thấy nỗi quanh hiu. Thi sĩ giờ đây lắng nghe tiếng reo vui của suối tuôn, mà đó là tiếng nhạc của chim muông, của gió mát hòa quyện. Mắt nhìn cảnh xanh tươi tinh khiết, bên tai vẳng bao âm thanh mà mình muốn lắng nghe, thật là tuyệt vời:

*"Suối riu ra riu rít
Sương long la long lanh."*

Chỉ mình thi sĩ giữa cảnh núi non mây ngàn để hít thở bằng hết cái trong lành khi lên cao, có thiếu vắng ai, không nhỉ? Thế còn "Em" của QUẦY GÁNH LÊN NÚI CHƠI đâu rồi, sao không là người cùng chia không gian an bình này cùng thi sĩ?

Thì đây: Em - người khuất núi!

Dẫu đi đâu, về đâu, trong tâm trí thi sĩ cũng ngự trị hình ảnh người thương - người như đã là một không thể tách rời với thi sĩ rồi:

*"Ruột rà ta và núi
Kinh khổ bàn đôi câu."*

Em đã khuất núi, em là núi. Là nỗi thỉnh lặng thấu hiểu từng suy nghĩ, từng hơi thở của ta.

Nếu biển là rào rạt vỗ bờ những yêu đương, là hình ảnh tượng trưng cho Động thì núi đứng im tượng trưng cho Tĩnh. Hai ta chỉ còn chung nhau sự tĩnh lặng của núi mà em là sự yên bình duy nhất của ta. Những khổ đau hai ta đã cùng nếm,

những chua xót mình ta mang khi em từ bỏ trần gian này đã trở thành kinh khổ của ta. Em chia cùng ta từng câu kinh khổ mà hôm nay chỉ là đề bàn luận chứ không còn nghiền ngẫm nữa, vì ta đã biết lật đến chương mấy của cuốn sách hay cuốn kinh và chương mấy của cuộc đời sắp khép lại của mình. Bàn luận ư? Vâng, trong thì thầm thương nhớ: Đó, em thấy không?

Em thấy không, ta đã rũ sạch bao nhiêu thú vui vây quanh. Ta luôn có em trong ta như một chứng nhân cho bao khổ nạn và bao đấu tranh của một người luôn giữ cho mình khỏi rơi vào những cạm bẫy trong đời. Câu kinh xin cứu khổ trong đau khổ em đều đã cùng ta tụng niệm. Trước và sau khi em ra đi, ta vẫn tin vào kinh kệ, vào sách thánh hiền - là những nguồn dẫn dắt và nhắc nhở ta hãy lánh xa tục lụy. Dần buông bỏ bạo mặc mướn và lánh xa những kẻ hiểm ác đầy dẫy chung quanh, ta hiểu rằng cuộc đời này nếu không biết nhận ra để phân biệt tốt xấu thì thật đáng thương và đáng ngại:

*"Quần quanh mở đục lạc
Tắt sạch thể gian ơi
Dạ xoa ngõ Bồ Tát
Mê lạc chi bóng đời."*

Em thấy không, trong tâm trí ta những câu kinh khổ luôn hiển hiện hình ảnh em, mà thực tại không có hình thì cũng đâu còn bóng! Ta đã chìm sâu trong đau khổ khi chính bản thân còn không biết mình hiện hữu, cho đến khi sức tinh để gạt đục khơi trong, để sống thể nào cho được an nhiên, đầu không để gì giữ mình giữa một xã hội bất an và suy thoái về đạo đức:

*"Bàn đôi câu kinh khổ
Bóng và thân trống không
Bùn lầy, sen vẫn ngộ
Chợt thấy lòng lóng trong."*

Em thấy không, hồi người tri kỷ, hoài bão thời tuổi trẻ đã trôi theo thời cuộc, giờ đây em chỉ còn dõi theo ta trong công việc hàng ngày - việc cầm bút của một người đã ngộ và chấp nhận vô thường. Hãy cùng ta hoàn thành tâm nguyện cuối đời, em nhé.

Em là ngọn núi cao vời ta luôn với tới. Em là hạt bụi đã tan vào hư vô mà mai đây ta cũng sẽ như thế, sẽ hòa vào vũ trụ mênh mông:

*"Hỏi chi ta và núi
Chỉ là tri kỷ thôi
Hỏi chi cát và bụi
Ướm từ thuở phù du"*

Vậy thì thể gian ơi, hãy cho ta giữ sự im lặng này nhé!

Ta xin đứng ngoài những hơn thua trong mọi tranh chấp, mọi lời lẽ gây tổn thương cho bất cứ ai, những sân si đẩy con người xa nhau chẳng khác nào trong thời chiến. Nếu hiểu nhau đã không cần giải thích. Nếu không hiểu nhau, chúng ta mãi vẫn là những kẻ lạ lướt qua nhau trong lặng im. Cuộc đời sẽ nhẹ nhàng lắm vậy!

*"Hỏi chi thời ly loạn
Lặng im. Im lặng thôi!"*

NÓI CHUYỆN ĐỜI VỚI NÚI là độc thoại nội tâm của thi sĩ Phương Tấn đồng thời cũng là đối thoại của ông với người tri kỷ - người mà hình và bóng đã không còn hiện hữu trên cõi đời nhưng lại mãi sống trong tâm trí ông, luôn đồng hành và

giúp ông vươn lên khỏi bùn nhơ giữa bể đời./.

CÔNG HUYỀN TÔN NỮ QUI HỒNG
(Đầu năm 2023)

(*) *Phủi Tâm Rớt Hạt Bụi Trần*, thơ Phương Tấn.

QUẦY GÁNH LÊN NÚI CHƠI

*Bỏ em riêng một thúng
Còn thúng xếp sách xưa
Vút lướt là áo thụng
Quầy gánh lên núi chơi.*

*Lách ra khỏi xó đời
Quầy gánh lên núi chơi
Thả bằng hết bong bóng
Bay bằng hết trong trời.*

*Ngại đời xa lấm bụi
Ta phủi sạch tâm mình
Ngại bèo mây bám đuổi
Lòng ủ dầy tiếng kinh.*

*Em nín lòng cho chắc
Lúc lách qua xó đời
Ta giữ lòng đà chặt
Quầy gánh lên núi chơi.*

NÓI CHUYỆN ĐỜI VỚI NÚI

*Nặng lúng la lúng liếng
Đắp mây, lòng nhẹ tênh
Cỏ cây cười luôn miệng
Gió gieo dầy tiếng chim.*

*Suối riu ra riu rít
Sương long lanh long la
Ruột rà, ta và núi
Kinh khổ bàn đôi câu.*

*Quần quanh mở đục lạc
Tắt sạch, thể gian ơi
Dạ xoa ngõ Bồ tát
Mê lạc chi bóng đời.*

*Bàn đôi câu kinh khổ
Bóng và thân trống không
Bùn lầy, sen vẫn ngộ
Chợt thấy lòng lóng trong.*

*Hỏi chi ta và núi
Chỉ là tri kỷ thôi
Hỏi chi cát và bụi
Ướm từ thuở phù du.*

*Hỏi chi thời ly loạn
Lặng im. Im lặng thôi.*

(2023. Đạo là con đường là em)

thơ PHƯƠNG TẤN

Tứ cú lục bát “THIỆN DUYÊN”

VƯỜN MÌNH

Mong manh một chút mầm vàng
Mộng ôm mang giữa ủa tàn điêu linh
Đêm dài mong ngóng bình minh
Thiện duyên đâm nảy vườn mình đón xuân.

MỎ

Mồ hôi đầm ướt nâu sồng
Xốc khuôn tịnh vật, bẻ bông thiện duyên
Dòng đời khổ lụy đảo điên
Tàng kinh khép lại, cửa thiền mở toang.

RU

Ngoại ru cháu ngủ ngon lành
Vân thơ lững thững, tâm tình lao xao
Ngắm nhìn ghét cháu biết bao
Thiện duyên về dỗ ngọt ngào tiếng vui.

GIEO SẠ

Từ tôn thọ hưởng phước điền
Cần cù gieo sạ thiện duyên an bình
Bần cùng tránh chỗ hôi tanh
Từ trong địa ngục vườn cảnh hoa sen.

ĐỘC ẨM

Ưu tư độc ẩm nhìn đời
Cảnh qua trước mắt, tình trôi qua lòng
Tiền tài thì hết đếm đong
Thò lui sực tới chỉ còn thiện duyên.

CHÙA QUÊ

Thanh bản ước nguyện khang trang
Xây toà bửu điện, đạo tràng từ bi
Kim thân an vị nơi này
Thiện duyên phước báo tròn đầy chốn quê.

HẠNH

Hạnh Bồ Tát, Tâm người tu
Dấn thân vào chốn tối mù tai ương
Quán sâu cõi tạm vô thường
Sợ gì Sinh tử mà đừng thiện duyên?

NẦY NỤ

Mục tàn nảy nụ thiện duyên
Hóa khai điểm tuyết giác triền miên mơ
Xuân qua mát ngọn gió vờn
Bụi rời ván cũ lơn tơn thơ về...

THI CẨM

Chiều tà lặng lẽ chia tay
Nhớ ngày đèn đã ấp đầy thiện duyên
Tình thơm che lấp ưu phiền
Cầm thi khắng khít huyền thiên lời tình.

ẨM

Tre già măng mọc loay hoay
Vòng tay tiên định ẩm đầy thiện duyên
Nhạc ru câu niệm mật huyền
Đong đưa một giấc bình yên một giờ.

REO MỪNG

Chiều quê tiễn nhẹ đông tàn
Hồi sinh đất úng mơ màng ngóng xuân
Qua rồi giống tổ rừng rừng
Nụ mầm biên biếc reo mừng thiện duyên.

thơ

VĨNH HỮU – TÂM KHÔNG



Tiểu Lục Thần Phong: *Như con đò bên mép nước...*

TRẦN HOÀNG VY

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

TIỂU LỤC THẦN PHONG

(Đọc Tập truyện và Tản văn "Chỉ có con đường đó mà thôi" của Tiểu Lục Thần Phong, do NXB Ananda Viet Foundation ấn hành cuối năm 2022)

Tiểu Lục Thần Phong, còn có các bút danh: Đồng Thiện, Thanh Nguyễn... là cây bút quen thuộc của Nguyệt san Chánh Pháp, Việt Báo, All Poetry, Trẻ, Thư viện Hoa Sen... Tên thật là Nguyễn Thanh Hiền, hay còn gọi là Steven Nguyen, quê gốc Diêu Trì, Bình Định, hiện sinh sống và làm việc tại Atlanta, Georgia.

"Chỉ có con đường đó mà thôi" là tập Truyện và Tản văn thứ 8 của Tiểu Lục Thần Phong, sau 7 tập đã phát hành gồm có Thơ, Truyện dài, Tản văn... trước đó. Sách dày 432 trang với 59 truyện, Tản văn với những đề tài, quen thuộc, bình dị trong cuộc sống, với mục đích đưa Đạo pháp của Phật giáo vào cuộc sống một cách nhẹ nhàng, tinh tế, hướng đến giáo lý của nhà Phật, và cũng chính vì thế, mà ở trang 7, trong "Lời nói đầu", tác giả đã tự nhận mình là: *"Tập truyện và Tản văn CCCĐĐMT (Chỉ có con đường đó mà thôi) này có thể xem như chuyển tải một tí ti Đạo Phật thông qua những câu chuyện đời. Tác giả không có ý 'Văn dĩ tải đạo', chỉ đơn giản là khi hứng khởi thì viết và viết với tư cách một Phật tử sơ cơ thể thôi. Bút giả không dám nhận đây là văn chương... Bút giả chỉ như là con ong vò vẽ bay lượn trong vườn hoa chữ nghĩa, như con đò bên mép nước của biển học Phật pháp..."*

Từ ý thức của một Phật tử, thấm nhuần những lời răn dạy của nhà Phật và tìm hiểu về Phật pháp, Tiểu Lục Thần Phong đã từ cuộc sống của bản thân và gia đình, với những câu chuyện kể giản dị, có khi tình tế ý nhị, có lúc hóm hỉnh, tưởng như ba lơ, bông đùa, và cũng có khi mang đậm tính triết lý "Sắc-không" của Phật giáo để thể hiện sinh động cuộc đời vốn có ở chung quanh, dẫn người đọc đến những suy ngẫm "hành thiện" của nghiệp "luân hồi", "nhân quả", "gieo nhân nào gặt quả ấy" vốn tiềm ẩn trong ý nghĩ của con người gốc Việt.

Nhân vật trong từng mẩu truyện, có khi chính là bản thân tác giả, là gã, là hân, có khi là tôi, cùng những bạn bè, người quen cùng làm chung trong hãng, sở như Linda, Elite, Cu Tí, Lan Chi, bà Hồng Châu... Có khi lại là những nhân vật trong lịch sử, hay những nhân vật trong Tam Quốc Chí và những nhân vật trong các truyền thuyết nhà Phật, với mục đích nêu gương hiền, dữ, hay hành thiện, xa lánh những tính toán hơn thua hại người. Tiểu Lục Thần Phong đã chứng tỏ mình có một vốn sống khá phong phú về Văn hóa, lịch sử và giáo lý của đạo Phật.

Cụ thể trong mẩu truyện "Lễ trắng tròn

tháng tư" (trang 19-28). Hai nhân vật Elite và Linda, đến chùa lễ Phật, khi về, Linda thắc mắc: *"Em nhớ lúc còn nhỏ, ba em thường kỷ niệm ngày sanh đức Phật vào ngày tám tháng tư, sao giờ mấy chùa làm lễ vào ngày Rằm tháng tư?"*

Elite giải thích:

- Lễ Phật đản ngày tám tháng tư là theo truyền thống Bắc tông. Phật giáo Nam tông thì tổ chức ngày Rằm tháng tư. Sở dĩ có sự khác biệt này là cách tính lịch pháp của hai trường phái có khác, lịch pháp và thời gian chỉ là tương đối, nhất là thời Phật đản sinh cũng chưa có sự ghi chép cụ thể như bây giờ. Lịch pháp mỗi nơi mỗi khác, thời gian mỗi quốc độ chênh lệch nhau... tuy nhiên sự lệch về thời gian chỉ là tiểu tiết không quan trọng, cái chính là sự tương đồng của giáo pháp, vị giải thoát của đạo."

Trong truyện "Có ngờ gì không" (trang 90-95), tác giả cho biết: *"Ai cũng thuộc Tâm Kinh. Bản Tâm Kinh có hai trăm sáu mươi chữ là cô đọng, là cốt tủy của bộ Đại Bát Nhã sáu trăm quyển. Người xứ mình ngày xưa thường uống thuốc Bắc, ắt ai cũng biết sắc thuốc Bắc từ một lít còn tám phân. Bản Tâm kinh hai trăm sáu mươi chữ ấy cũng là tám phần tinh túy, cô đọng vậy..."*

Bản về chuyện ăn chay trong câu truyện "Đôi điều về ăn chay" (trang 109-113), tác giả khẳng định và mơ ước: *"Tóm lại ăn chay vì tôn giáo hay vì sức khỏe, môi trường cũng đều tốt đẹp cả... Phong trào ăn chay sẽ phát triển hơn trong thời gian tới, sẽ tăng trưởng từ bi, sẽ tái tạo một môi trường sống xanh, thân thiện, gần gũi hơn..."*

Lý giải về sự công bằng trong luân hồi và quả báo, Tiểu Lục Thần Phong đã kể lại truyền thuyết khi Quan Vân Trường bị thua trận và bị quân Đông Ngô hành quyết chém đầu cả hai cha con. Quan Công là một danh tướng lấy lòng của Lưu Bị, vẫn thấy bị uất ức, ban đêm thường hiện ra la hét, quát mắng quân giặc và đòi trả lại đầu, khiến quân lính, dân chúng và nhiều người sợ khiếp vía không dám ra đường. Một cao tăng thấy vậy, đã quyết ra chặn đường Quan Công và nói rằng: *"Thưa tướng quân, ngài là danh tướng, cũng đã từng chém đầu hàng trăm tướng sĩ, vậy bây giờ ngài đòi Đông Ngô trả lại đầu cho ngài, thì ai sẽ trả lại đầu cho hàng trăm người bị ngài chém đầu? Lễ công bằng ở chỗ nào, thưa ngài?"* Hôn Quan Công nghe vậy, ngộ ra mà tan biến, siêu thoát, từ đấy không thấy hiện ra đòi đầu nữa...

Trong tập truyện CCCĐĐMT, tác giả cũng đã kể lại nhiều câu chuyện về Đức Phật và những người chung quanh, khi ngài chưa thành chánh quả, song từng câu chuyện là những ứng xử, hành vi, hướng đến những điều Chân- Thiện-Mỹ, nhằm góp phần xây dựng cuộc sống ngày càng tốt đẹp

hơn. Và mẫu truyện "Chỉ có còn đường đó mà thôi" (trang 59- 67), được dùng làm tựa đề chung cho cả tập, cũng với một mục đích đưa ra câu chuyện của thần Brahma trong ngôi đền Parranajata cùng với nàng Kumaratunga để diễn tả cho sự hoan lạc và nỗi khổ của con người, cho dù trong hoàn cảnh cao sang, cung vàng, điện ngọc. Bởi một lẽ, như thầy Krishinatanga nói: *"Con người ta đến với nhau không ngoài bốn mối quan hệ: báo ân-báo oán, đòi nợ-trả nợ. Phu thê cũng không ngoài duyên và nợ, có duyên thì xa xôi cách mấy cũng gặp, không duyên thì dù có ở bên cạnh nhau cũng xa. Nợ hết mà duyên còn thì tốt đẹp biết bao, duyên hết mà nợ còn thì tội lắm..."*

Và điều cuối cùng mà tác giả muốn hướng đến là: *"Thế tôn Gotama vượt thoát sanh tử, chỉ có con đường của ngài mới hết khổ mà thôi!"*

Văn phong nhẹ nhàng, giản dị. 59 mẫu truyện diễn biến và hàm chứa những đạo pháp tinh tế của Phật môn, sẽ giúp người đọc "đốn ngộ" nhiều thứ nếu so sánh và lồng ghép với cuộc sống. Thiết nghĩ nếu không... giải khuây, cũng sẽ rút ra được những điều ý nghĩa và bổ ích trong cuộc sống. "Con đồ nhỏ" của tác giả Tiểu Lục Thần Phong, đầu chỉ ở bên mép nước của biển Phật Pháp bao la, song cũng sẽ giúp cho người đọc ít nhất là không bị... chìm và ướt áo. Lành thay!...

Katy, tháng Giêng 2023
TRẦN HOÀNG VY



ĐÔI TA

*Chủ đạp xích lô trưa hè nghỉ nắng
 Chân gác còng xe làm giấc tiêu dao
 Con ruồi nhỏ đậu bàn tay hai ngón
 Ba ngón kia phả cổ cướp năm nào
 Nắng Sài Gòn thả từng tia lửa chói
 Thèm vô cùng một bóng mát công viên
 Và cứ thế, sau chuyển hàng bỏ mối
 Ghé góc đường... làm một giấc bình yên
 Giấc ngủ ngắn... chú mơ về dĩ vãng
 Vài bóng hình đồng đội, chiến trường xưa
 Những người chết và nghĩa trang quên lãng
 Cỏ gai dày... tiếng éch vọng đêm mưa
 Bốn mươi năm chưa một lần tu bổ
 Như oán thù chồng chất ở sau lưng
 Hồn tử sĩ đâu đây theo tiếng gió
 Mộ hoang tàn cỏ bít lối đi chung
 Anh bộ đội thương binh ngồi vớ vớ
 Cột đèn kia độc chiếm một sơn hà
 Giọng trọ trẹ của quê hương ngoài nớ
 Vùng Nghệ Thanh... ngao ngán bữa tương cà
 Anh vớ vớ, khách giang hồ độc cước
 Chông so le nặng gổ quá chiều cao
 Cổ nhẵn nài bơm căng đầy chiếc vỏ
 Một bàn chân... còn để lại Nam Lào
 Nét cam chịu hằn lên vầng trán hẹp
 Cả cuộc đời không có một ngày mai
 Sau cuộc chiến... anh trở về thân phận
 Một hồn ma bóng quế giữa ban ngày
 Mồ hôi chảy xuống ông quần phe phẩy
 Chiếc diều cày còn giữ thuở đi B
 Này anh bạn! làm một bi tình ngủ
 Bánh thuốc ngon ngoài nớ mới mang về
 Chủ xích lô ngồi bên anh vớ vớ
 Cũng gặt gù làm một diều tương giao
 Họ hòa giải bên lề đường góc phố
 Ở dưới chân cao ốc... mấy mươi lần
 Hai thương binh từ hai đầu chiến tuyến
 Cũng một phần thân thể hiện quê hương
 Nước thanh bình hai mảnh đời cam phận
 Thành một đôi ta... khắng khít bên đường...*

thơ **HỒ THANH NHÃ**

KIÊN TRÌ TU TẬP ĐẸP BỐT "CÁI TA"

(Phần cuối)

Tâm Lương Đào Mạnh Xuân

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

(tiếp theo kỳ trước)

(2d) Đề Nghị Cách Tập TU 4: Ứng Dụng Học Hạnh Khiêm Cung:

(a): Khi một người đã học được hạnh KHIÊM CUNG, chúng ta khó nhìn thấy ở họ có tính của người xem "CÁI TA" lớn. Đặc biệt những người này biểu lộ "Cái Ta" rõ ràng nhất qua cái MIỆNG. Vậy nên, xin hãy cùng chúng tôi cố gắng tập tu hạnh KHIÊM CUNG.

*TU MIỆNG là TU nửa cuộc đời.
Nên chỉ ăn nói chớ buông lời.
Nói ra ngấm lại là sai phạm.
Sám hối từ nay cố giữ lời!*

*Độc mồm chết khổ lắm người ơi!
Giường bệnh nằm nhiều năm tháng trời.
Để trả cái NHÂN gieo ác khẩu.
Biết sai, sửa Miệng, vạ xa chơi!*

*MIỆNG, phát ngôn viên của cái "TA":
Chê bai, Chửi rủa, lại Gièm pha...
Mĩa mai, Chỉ trích cùng Đâm thọc....
Làm khổ người, mình sướng được à?!*

*Miệng người tạo ác nhất trong ngày,
Vừa nói, biết sai, phải dứt ngay.
Không vậy, miệng buông lời nói ác.
Chết về địa ngục, khổ trần ai!*

*Người thường nói xấu kẻ không ưa.
Xem lại thử mình đã tốt chưa?!
Cứ vậy làm hoài bị đánh giá:
Là người lắm chuyện, chẳng ai chừa!*

(b): Xin mời quý vị đọc phần dưới đây, một người học hạnh KHIÊM CUNG cần tránh:

Khiêm cung: KHÔNG Tự mãn, Kiêu căng,
KHÔNG: Xoi mói, Cổ chấp, Khoe khoang.
Lại thích giúp người còn yếu kém.
Ai gặp đôi lần cảm thấy thân.

*Ngã mạn, cống cao chẳng tốt đâu!
Càng nhiều người ghét Phước tiêu mau.
Tập tu **Khiêm Tôn**, bao người trọng!
Phước báo tăng, đời sống tốt lâu.*

*TU hạnh KHIÊM CUNG lợi lắm đường.
Cái TA, Ác khẩu... biến đi luôn.
Đâu còn Độc tố sinh nhiều bệnh.
Chắc chắn Tai ương... cũng phải dừng!*

Ai mà tu được Hạnh Khiêm Cung,

*Ác khẩu lần lần chẳng muốn dùng.
Tính ấy mang về nhiều thứ lợi.
Nhất là cuộc sống đẹp vô cùng.*

*Nhận lỗi về mình, tâm nhẹ ngay!
Còn sai quá rõ, cải cho bay.
Ấy là đặc tính người "TA" lớn.
Cứ vậy giữ hoài, khổ lắm thay.*

(c): Ngoài ra xin mời đọc tiếp để thấy đặc tính của người KHIÊM CUNG:

*Con đường vào đạo: **hạnh khiêm cung**.
Giao tiếp, nói năng, phải cố dùng.
Có chí làm hoài, rồi sẽ đạt.
Tâm tư thanh thản, rất ung dung*

Ghi chú: Thật khó diễn đạt phần dưới đây bằng thơ lục bát hay thơ 7 chữ. Do đó, chúng tôi phải dùng đến loại thơ 8 chữ hoặc 9 chữ. Để cho thơ **tám hay chín chữ** thêm âm điệu, chúng tôi đã ứng dụng cách gieo vần như sau:

Kết quả tuyệt vời nhờ luyện tính KHIÊM **CUNG**:
Được người ngưỡng mộ; sống nhún **nhường** thật tâm.
Quan tâm, giúp đỡ người không hề ngại ngần.
Cố rèn luyện tri thức lần lần tốt hơn.

Đặc biệt là luôn biểu lộ lòng biết ơn.
Thích hưởng thượng, không muốn thua hơn với người.
Tốt, nhưng chẳng bao giờ khoe khoang với đời.
KHIÊM CUNG như vậy được người người nể nang.

Thói thường, một người chẳng chịu nhận lỗi mình.
Cho người khác lỗi, họ thật tình vô can.
Không nhận lỗi, sai lầm lớn: kẻ bướng ngang.
Người KHIÊM CUNG nhận lỗi, việc cần làm ngay.

Nhận lỗi, khi làm sai, với bất cứ ai.
Dù họ nhỏ tuổi, cả người hay ghét mình.
Làm được vậy, đã đẹp bỏ tính ngông nghênh.
Ai cũng quý mến, nhờ tính thình KHIÊM CUNG.

(d): Xin mời quý vị đọc và cùng chúng tôi thực tập những đức tính của người KHIÊM CUNG dưới đây để chế ngự bớt "CÁI TA":

CỐ TU TẬP CHO ĐƯỢC HẠNH KHIÊM TỐN

(1) Biết Khoan dung:

Khoan dung, Tha thứ đẹp tâm ta.
Người có lỗi lầm, vội thứ tha.
Tâm Độ lượng thi hành rất khéo.
Thêm người yêu mến, bạn giao hòa.

(2) Biết ơn những gì ta đang có:

Trước hết Biết ơn Tứ Trọng Ân.
Cho ta kính nhớ rất ân cần.
Biết ơn cả kẻ gây ta khổ.
Cùng với những gì thuộc bản thân!

(3) Không so sánh:

Nhìn quanh so sánh quả không nên.
Tính chẳng mấy hay, phải lãng quên.
So sánh là hơn thua kẻ khác.
Chỉ bằng học hỏi để vươn lên.

(4) Biết lắng nghe, thấu hiểu:

Lắng nghe, thấu hiểu: thật là cần:
Hiểu biết trau dồi tới bản thân.
Nể trọng thật lòng Thầy muốn học.
Ngày ngày kiến thức sẽ gia tăng.

(5) Khen chân thành:

Khen thật chân thành, đáng trọng thay!
Tỏ ra: mình kính họ như Thầy.
Sẵn sàng học hỏi, điều chưa biết.
Khiêm tốn thọ ân, thật quá hay.

(6) Tìm cái thiện trong mỗi con người:

Tìm điều thiện những kẻ quanh mình.
Cố gắng học theo trong lặng thinh.
Tích góp lần lần nhiều tính tốt.
Khiêm cung đáng học đã hoàn thành.

(7) Chấp nhận giới hạn của bản thân:

Chấp nhận thiệt thòi của bản thân:
Kém bền sức, nhận thức, tinh thần...
Biết rồi phải cố sửa sai chúng.
Còn kẻ giúp ta, cũng nhớ ân.

(8) Nhận ra khuyết điểm của mình:

Cố nhận ra sai quấy của mình.
Phải nên loại hẳn, thật nghiêm minh.
Người thường nhắc nhở ta điều xấu.
Khiêm tốn cảm ơn, sửa nhiệt tình.

(9) Biết giúp đỡ người khác:

Biết giúp đỡ người, thật tuyệt thay!
Làm nhiều không ngại, mới là hay.
Cho rồi mà chẳng mong đền trả.
Phước báo tăng nhiều, thực tập ngay.

Tới đây, chúng tôi đã trình bày bốn cách TẬP TU để chế ngự bớt "CÁI TA". Riêng chúng tôi rất tâm đắc với hai cách: **ứng dụng Luật Nhân Quả** và **ứng dụng Học Hạnh Khiêm Cung**. Vì khi đã tin sâu Luật Nhân Quả thì có việc gì dù xấu đến đâu xảy đến với mình, mình cũng không giận trách ai cả. Còn khi một người đã Tu tốt Hạnh Khiêm Cung, họ sẽ không bao giờ tỏ thái độ ghét ai để có lời nói như trách móc, chê bai, chỉ trích...

Thành tâm kính mong Quý Bạn Đạo hữu duyên cùng chúng tôi cố thực tập hằng ngày phần viết trên để đạt được mục đích là dẹp bớt "CÁI TA". Nếu được vậy, chúng tôi xin đem công đức có được này hồi hướng cho tất cả Pháp giới chúng sanh, tương lai đều trọn thành Phật đạo.

Xin chân thành cảm ơn quý vị đã đọc bài viết và thực hành./.

HỌA TÀN KHỐC

Ứng ục ì ằm đất rừng rừng trở mình
Mặt đất rung lắc
Những tòa nhà đung đưa
Ầm ầm sụp đổ
Tiếng thét kinh hoàng khắp nơi
Những âm thanh chưa kịp kêu bị chôn vùi
Đàn ông, đàn bà, người già, người trẻ
Người thân yêu, kẻ đáng ghét
Những nạn nhân còn sống dưới đồng bê tông
Thành phố vài trăm năm xây dựng
Thành bình địa trong phút giây
Giàu, nghèo bao đời cách ngăn
Giờ đều đồng tay trắng
Đánh nhau phân chia biên giới
Thiên tai chẳng biết địch – ta
Động đất kinh hoàng không thể tả
Nhưng dường như chẳng động tâm người
Thiên tai chưa đủ
Người còn gây chiến đánh lu bu
Tranh đất, tranh quyền mưu đồ tranh bá
Đạn, bom, hỏa tiễn bay xa
Lòng người tàn độc quá
Những thành phố bị tàn phá
Khác gì động đất, thiên tai
Đất rung chuyển mà tâm người không chuyển
Góm ghê thay tàn độc bạo quyền
Lòng đất rung mà lòng người không lay
Động đất, sóng thần, cuồng phong, hỏa hoạn...
Và con người góp thêm họa chiến tranh
Nỗi thống khổ vô biên
Thiên tai không hề có biên giới
Nay nơi này, mai lại nơi kia
Khó có thể thấu hiểu nỗi khổ đau của những nạn nhân
Càng khó lòng chia sẻ
Màn trời chiếu đất
Thời tiết lạnh buốt
Không còn bất cứ vật dụng chi
Những người con sống sót chẳng biết ngày mai sẽ ra sao
Những con người còn dưới đồng bê tông đất đá
Đất động mà tâm người không động
Những trái tim băng giá
Tham lam, tàn độc, u mê
Thống khổ trên thế gian này chưa đủ
Con người tạo thêm nỗi đau
Thiên tai, nhân tai cùng nhau gây khổ hại.

thơ THANH NGUYỄN

Georgia, 0223



TRÍ NHỚ

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức

Y KHOA PHỔ THÔNG

Theo định nghĩa, trí nhớ là một khả năng của trí tuệ để thu thập, tích trữ và lấy ra các sự kiện mà con người đã trải qua trong quá khứ.

Có trí nhớ ngắn hạn, trí nhớ dài hạn. Ngắn hạn không tồn tại lâu và có thể chuyển sang dài hạn và lưu trữ mãi mãi.

Hãy hình dung khung cảnh một buổi trưa hè, ta ngồi ở một nơi nào không phải là quê hương Hà Nội, mà nhớ lại cách đây trên dưới nửa thế kỷ, cùng bạn bè tắm sông, hái ổi trên Nghi Tàm, đạp xe vào chùa Láng, chùa Trầm. Rồi tưởng tượng như đâu đây phảng phất hương ngọc lan trên đường Quan Thánh, hay phượng vĩ đỏ ối chung quanh Hồ Tây.

Làm sao mà bất cứ lúc nào, nếu muốn, ta cũng như sống lại những gì của quá khứ? Làm sao mà não bộ, một cơ quan chỉ nặng chừng 1.5 kí lô có thể thực hiện được cái công việc đầy khó khăn đó? Ấy là chưa kể cả trăm công việc khác mà não bộ có thể đảm đương để duy trì sự sống của con người.

Riêng về trí nhớ, khoa học đã cố gắng giải đáp, nhưng sự hiểu biết mới chỉ có một phần.

Phát triển của não bộ

Khi mới sanh, não bộ nặng khoảng 50 gram, lúc trưởng thành nặng 1,5 kg.

Đó là một khối chất giống như bột mì nhão, màu xám nhạt với cả tỷ tế bào và nhiều triệu dây nối tiếp giữa các tế bào. Tín hiệu chuyển từ tế bào này sang tế bào khác ở chỗ nối tiếp và bằng hóa chất trung gian Acetylcholin.

Mỗi ngày có từ 60.000 tới 100.000 tế bào thần kinh bị hủy diệt và không được thay thế. Đây là một cuộc tàn sát lớn mà khi ta tới tuổi 65, có đến 1/10 tổng số tế bào thần kinh bị tiêu hủy.

May mắn thay là những tế bào còn lại có thể lãnh phần trách nhiệm của những tế bào xấu số. Chúng sẽ mọc ra nhiều nhánh xen kẽ vào khoảng trống để tiếp nhận tín hiệu thần kinh. Sự việc này cũng giống như trong khu rừng già, một cây chết đi thì cây kế cận vươn lên, sinh ra nhiều cành để điền khuyết.

Phần não có nhiệm vụ ghi trí nhớ nằm ở vùng vỏ não, hai bên thái dương, sau mắt.

Phần nhận và thanh lọc tín hiệu cho trí nhớ nằm sâu trong não, có hình chữ C, gọi là hải mã.

Sự liên hệ chức năng giữa hai vùng này rất cần thiết cho trí nhớ.

Ở tuổi già, khối lượng não nhỏ đi, tế bào thần kinh thay đổi hình dạng, sự truyền tín hiệu chậm lại, chất lipofuscin xuất hiện giữa tế bào, có thể gây rối loạn cho các cơ năng của não. Máu vào óc

ít hơn, sự cung cấp dưỡng khí cũng giảm.

Hình chụp do X quang cho thấy các lỗ trống óc não nhỏ đi, rãnh giữa lỗ trống rộng ra. Từ tuổi 20 tới 90, não nhẹ bớt đi khoảng 5-10% và chứa nhiều chất lỏng hơn. Những thay đổi này có ảnh hưởng phần nào tới trí nhớ.

Trí nhớ được chia ra làm ba loại:

1- Trí nhớ ngắn hạn.

Đây là loại trí nhớ để phân tích những dữ kiện, sự việc cần tức thì và kéo dài trong chớp lát. Người Mỹ gọi nó là trí nhớ làm việc (working memory). Từ năm 1890, nhà tâm lý học Williams James gọi là trí nhớ căn bản (Primary memory).

Ta lấy một thí dụ: trí nhớ này giúp ta nhắm trong đầu một số điện thoại trong khi quay máy. Chẳng hạn: bà vợ hỏi chồng số điện thoại của cô Cúc, em dâu, là bao nhiêu, chồng trả lời 8959.4762. Vợ nhắm số đó và quay. Hai chị em thảo luận về quần áo, phần son cả tiếng đồng hồ. Lăn sau cần số điện thoại cô Cúc, nàng lại hỏi chàng. Thật là tiện, khỏi mất công nhớ. Mà nếu muốn nhớ, nàng phải dùng đi dùng lại nhiều lần, như là để củng cố, hợp nhất dữ kiện đó vào não.

Trí nhớ này bắt đầu có vào lúc 7 tuổi, thường không bị suy giảm với tuổi cao. Nó kéo dài khoảng vài chục giây tới một phút.

2- Trí nhớ trung hạn.

Những dữ kiện ghi trong trí nhớ này tồn tại từ



Trước khi được 5 tuổi 90% não bộ của trẻ đã hoàn thiện



nhiều phút tới vài năm. Một tín hiệu được nhắc đi nhắc lại, được sử dụng nhiều lần sẽ được ghi đậm sâu trong vỏ não. Khi cần đến, óc sẽ được kích thích để lấy ra dữ kiện này.

Còn bé đi học, có những bài học thuộc lòng trong Luân Lý Giáo Khoa Thư mà chắc bây giờ nhiều người trong chúng ta còn nhắm mắt ôn lại được.

Xin nói rõ là, để có chất liệu trong trí nhớ, ta phải đi qua ba giai đoạn :

a- Thu thập

Lấy dữ kiện bằng học hỏi, thảo luận, suy nghĩ, và bằng sự nhận của các giác quan.

b- Tồn trữ

Một dữ kiện, muốn được tồn trữ, phải qua sự thanh lọc của bộ phận hải mã, để coi nó có gây xúc động, hấp dẫn đáng ghi nhớ hay không.

Tên người yêu chắc chắn là phải cần ghi nhớ hơn là tên anh cảnh sát công lộ vừa mới biển phạt mình vì lái xe quá tốc độ.

Dữ kiện đó hoàn toàn mới hay có liên quan tới một kỷ niệm cũ. Thí dụ ta đã có một số ý niệm về một ca sĩ với tiếng hát vượt thời gian; rồi tháng sau có tin cô ấy lấy chồng, năm sau sinh đôi, thì bộ phận hải mã sẽ xếp những tín hiệu mới này vào hình ảnh cô ca sĩ nổi danh trên để được phong phú hơn.

c- Phục hồi kỷ niệm

Giống như máy vi tính, ta có thể phục hồi, lấy ra, bất cứ lúc nào, những dữ kiện có trong trí nhớ. Nghe tiếng hát cô ca sĩ kể trên trong CD là ta có thể hình dung ra cuộc đời ái tình sự nghiệp, gia cảnh cũng như hình dáng của cô ta .

Trí nhớ này bắt đầu có vào lúc 10 tuổi.

3- Trí nhớ dài hạn.

Trí nhớ này có thể tồn tại suốt đời người. Đây là kết quả tích tụ của nhiều năm với những kỷ niệm, kinh nghiệm, kiến thức học hỏi của người tuổi cao.

- Có những trí nhớ về kiến thức tổng quát mà ta thu góp, tàng trữ một cách tự nhiên, không cần biết nó xảy ra khi nào, ở đâu. Nói đến quê hương Việt Nam là ta hình dung ra một giang sơn có hình chữ S, có sông Hồng, núi Ngự, Cửu Long Giang. Khi nhắc tới Quang Trung, ta nhớ lại sử sách kể những trận đánh quân Tàu oai hùng của Người. Trí

nhớ này tích tụ ngày một súc tích, rất tự nhiên, đầy lúc nào ta không hay.

- Còn trí nhớ về những sự kiện cá nhân trong đời sống hàng ngày được ghi nhận với thời gian và không gian. Chẳng hạn trưa hôm qua ta ăn cơm Việt Nam ở quán Sài Gòn hoặc sinh nhật năm ngoái, ta nhận được chiếc đồng hồ mới do vợ con mua tặng. Đó là trí nhớ quá khứ.

- Sáng nay khi đi làm, ta tự nhủ là chiều nay tan sở trước khi về nhà, sẽ ghé siêu thị mua chai rượu vang vì tối nay vợ làm món cá bông lau hấp. Đây là trí nhớ vị lai.

- Có trí nhớ hành động thường nhật như ta tự hỏi, sáng nay có để thức ăn cho chú chó không, hoặc tuần trước ta cắt cỏ ngày thứ năm hay thứ sáu.

- Trong trí nhớ hồi tưởng, ta nghĩ và nói về dữ kiện của "những ngày xưa thân ái", trí nhớ tự truyền nhắc đi nhắc lại chuyện về mình trong vài năm trước.

- Trí nhớ dung nhan khi "Xin lỗi nom ông quen quen, mình đã gặp nhau, mà không sao nhớ được tên ông", trí nhớ "đã thấy" (déjà vu) mình đã ở nơi đó mà không nhớ bao giờ.

- Bà nội trợ, làm bếp cần mẫn củ tỏi, nhưng nhà không còn. Bà ta nhầm trong đầu là kỳ tới đi chợ thêm tỏi vào danh sách các thứ cần mua. Khi viết danh sách lại quên biên tỏi. Đi chợ, qua hàng rau quả, nhìn thấy tỏi, bà ta lượm một túi, như vậy là trí nhớ thâm kín đã gọi bà mua tỏi.

Kết luận

Làm sao mà não, nói chung, các trung tâm trí nhớ, nói riêng, có thể hoàn tất công việc phức tạp đó một cách chu đáo và khoa học như vậy? Cho tới nay, chưa có một giải đáp thỏa đáng mà chỉ có những gợi ý, phỏng đoán.

Có người đã ví não bộ như cả ngàn hệ thống điện thoại mà mỗi hệ thống có thể cung cấp nhu cầu liên lạc cho tất cả dân chúng của thành phố Nữ Ước. Các trung tâm này liên tục nhận những tín hiệu thu lượm do ngũ quan đưa về, phân tích, xếp loại rồi tồn trữ.

Ốc ghi nhận dữ kiện như một cái máy thu âm, bộ phận hải mã như là một cái nút kiểm soát. Bình thường, nút bấm này tắt, và chỉ mở để ghi khi nào dữ kiện được coi là quan trọng.

Một dữ kiện không quan trọng thường lờn vờn trong đầu một lúc rồi tan biến đi. Cho nên nếu ta có quên tên một người nào đó trong tiệc cưới cũng là chuyện bình thường, giống như là lâu lâu ta quên, không biết chìa khóa xe, chìa khóa nhà để ở đâu.

Nhưng lái xe đi làm mỗi ngày trên cùng con đường mà lạc lối; quên những hẹn quan trọng; kể đi kể lại cùng câu chuyện trong một cuộc gặp gỡ ngắn ngủi với bạn bè, thì là điều đáng ngại.

Những thắc mắc, lo âu, tự hỏi: Ta già rồi chẳng? Hay ta đang mắc chứng não suy trầm trọng?

Liệu trí nhớ có bỏ ta ra đi như những con chuột tìm đường chạy trốn khỏi con tàu sắp chìm đắm dưới biển cả mệnh mông!

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức

LỜI CẦU NGUYỆN RẼM THÁNG GIÊNG NĂM QUÝ MÃO 2023

Lạy Trời Phật thế gian luôn bất ổn,
Chiến tranh đang rình rập khắp địa cầu
Hiện giờ đây cuộc chiến tại Âu Châu
Giữa Ukraine/Russia đang tiếp diễn!

Cuộc chiến đó vẫn còn đang quyết liệt
Gần một năm chưa thắng bại về đâu?
Giữa người hiền, kẻ ác sát hại nhau
Chiến tranh vì vô minh, tham, sân, hận!

Chưa kể hết Trung quốc đang rình rập
Chiếm Đài Loan muốn làm chủ biển đông
Tất cả do Tâm tham vọng cuồng ngông!
Tập Cận Bình làm dân Tàu đau khổ!

Dịch Covid Vũ Hán là thảm họa
Dịch lây lan giết hại triệu dân lành!
Nhiều quốc gia dịch bệnh quá lan nhanh
Dân đã khó chồng chất thêm nỗi khổ!

Trên thế giới, Bắc Hàn là mối họa
Thử lửa tên đe dọa khắp địa cầu,
Kim Jong Un hung hãn tạo khổ đau
Dân Bắc Hàn chịu lâm than nghèo đói!

Năm vừa qua, động đất, lụt, lở xoáy
Nạn cháy rừng, đất khô cạn nhiều nơi
Đông chưa sang mà sa mạc tuyết rơi
Sahara, tuyết tràn lan lạnh giá!

Lạy Trời Phật cứu dân lành thoát khổ!
Lạy Chư Thiên cứu rỗi khắp địa cầu
Bao nhiêu cảnh nghèo đói và khổ đau!
Biết bao người lâm màn trời chiếu đất!

Chiến tranh Ukraine bao giờ chấm dứt?
Hàng vạn dân vô tội đã thác oan!
Vì Putin một lãnh tụ tham tàn
Làm thế giới lo âu vì cuộc chiến!

Ngày đầu năm muôn triệu người cầu nguyện
Nguyện cầu cho thế giới sống thanh bình,
Nguyện cầu cho kẻ ác phải chuyển Tâm
Mong thế giới sống an lành hạnh phúc.

Rằm tháng Giêng con đi chùa lễ Phật,
Con thành tâm tha thiết khẩn nguyện cầu!
Lạy Quan Âm cứu vớt những khổ đau,
Lạy Chư Phật ban phúc lành nhân loại...

Lạy Trời thương xót khắp thế gian,
Nhân loại nhiều nơi quá khổ nàn!
Turkey/Syria mới vừa động đất!
Người dân trong biển khổ ngút ngàn!

Lạy Phật thương xót khắp dân lành,
Chờ che nuôi dưỡng tử sinh linh,
Cứu cho nhân loại thoát biển khổ,
Chiến tranh bão lụt vào... hư không...

Nam Mô Dược Sư Lưu Ly
Quang Vương Phật

Arizona Rằm Tháng Giêng Quý Mão
2023



tho HOÀNG THỰC UYÊN



Cởi trói

(tức **Phương Trời Cao Rộng 4**)

Truyện dài của VINH HẢO

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

CHƯƠNG HAI (tiếp theo kỳ trước)

Ông Văn cầm cây bút, ghi vài dòng vào tờ giấy trắng trước mặt. Ông thở dài một cái, thả cây bút xuống, một tay chống cằm, một tay vỗ nhẹ trên trán mấy cái. Trán ông nhú lại tạo từng rãnh sâu chạy ngang trên đôi lông mày giống như nét ký họa về một con sông nhỏ. Ông hỏi:

"Tại sao ngày ba mươi Tết, công an và bộ đội Đồng Nai bố ráp bắt những phần tử Phục quốc phản động rồi cho hạn kỳ mười ngày để những người chưa bị bắt tự ra trình diện, đầu thú, anh không chịu ra đầu thú, lại trốn về thành phố HCM để đầu thú công an dưới đó?"

"Cái gì? Tôi đầu thú công an Sài Gòn à? Làm gì có chuyện đó. Họ chặn bắt tôi ngoài đường mà."

"Bắt ngoài đường à? Ở đâu?"

"Gần ga xe lửa Bình Triệu, trên đường đi Thủ Đức."

"Lạ thế! Không phải anh ra

đầu thú à?"

"Tuyệt đối không."

"Nhưng đầu thú thì cũng tốt thôi, như vậy nhẹ tội hơn là anh trốn chạy. Có điều, tôi chỉ thắc mắc là sao anh phạm tội ở tỉnh này, lại không đầu thú công an tỉnh này mà vào thành phố HCM..."

"Tôi không hề đầu thú công an Sài Gòn, cũng không hề có ý đầu thú gì công an Đồng Nai cả. Lúc công an Đồng Nai phóng loa kêu gọi những người Phục quốc ra đầu thú khắp các huyện, tôi đang có mặt tại chùa, chẳng trốn tránh, cũng chẳng muốn trình diện. Tôi ở đó suốt nửa tháng đầu năm để chờ các ông vào bắt mà. Các ông không bắt thì tôi đi, vậy thôi."

Nói đến đó, tôi chợt hiểu là tốp công an Sài Gòn vì lý do nào đó, đã nói với công an tỉnh Đồng Nai rằng tôi ra trình diện đầu thú tại Sài Gòn. Tôi chẳng rõ công an Sài Gòn nói vậy thì có lợi gì cho họ. Phải chăng họ muốn tránh khơi chuyện ông

thầy Tư và Hân đã sắp đặt cho họ bắt tôi để rồi sinh rầy rà với công an Đồng Nai? – Vì nếu tôi khai ra chuyện bị ông thầy Tư và Hân lừa gạt, không chừng công an Đồng Nai sẽ bắt hai người đó sau khi truy thêm lý do rõ ràng để rồi xì ra chuyện Hân có liên can đến Phục quốc, còn ông thầy Tư thì khoe khoang có mặt khu của Mặt trận Hữu thần... Hay chuyện ấy là do Hân muốn tôi được nhẹ tội hơn nên yêu cầu công an Sài Gòn nói rằng tôi đã ra đầu thú? Mà thôi, dù sao, tôi cũng chẳng cần phải có ý kiến gì về chuyện ấy. Tôi đã bị bắt rồi. Bị bắt bởi công an Sài Gòn hay công an Đồng Nai thì cũng vậy thôi, có khác gì đâu. Họ đều là cán bộ nhà nước cả mà. Chỉ có danh tính và hành tung của ông thầy Tư và Hân là còn mập mờ đối với công an tỉnh Đồng Nai thôi. Hai người này là đặc tình của công an Sài Gòn, chẳng có gì bảo đảm là họ khỏi bị công an Đồng Nai bắt nếu tôi thành thật khai rằng ông Tư khoe khoang có mặt khu chống cộng để gạt

tôi ra đường. Hân thì cùng hoạt động với tôi trọng lực lượng Phục quốc cũng như Hội Lạc Long... Nhưng thôi, tôi đâu cần phải phản cung đánh ngược lại để trả thù hại người ấy. Họ có vợ con, có nỗi khổ riêng, và hẳn còn là những chúng sinh yếu hèn... nên họ có hại tôi thì cũng là điều dễ hiểu, có thể chấp nhận, có thể thông cảm và tha thứ; còn tôi, tôi không có lý do nào để biện minh bào chữa cho mình nếu tôi đáp lại họ bằng một tâm địa hèn hạ y hệt. Tôi có quyền khai thật về những gì tôi làm, không cần phải khai thật về những gì kẻ khác làm.

"Anh thật không biết hiện giờ ông Lương ở đâu hết à?" ông Văn lấy tay đẩy gọng kiếng lão cho nhích lên sát với cặp lông mày rậm bạc, ngoan cố hỏi lại.

"Không," tôi đáp dứt khoát.

"Anh có biết tại sao ông Lương rời Long Thành trước ngày Giáng sinh không?"

"Không," tôi đáp.

Trả lời không rồi, tôi lại đâm nghi. Không rõ câu hỏi của cán bộ Văn có ngầm ly gián tôi với ông Lương chăng! Hình như ông Văn muốn tôi nghĩ rằng ông Lương là một gián điệp của công an, đã vờ lập ra lực lượng Phục quốc, bày ra đủ chuyện để lôi kéo những người yêu nước nhẹ dạ đi theo, cuối cùng ông ấy tránh mặt, báo công an đến vây bắt... Điều này cũng đáng nghi thật. Nhưng mỗi nghi này vừa nảy ra, tôi liền xua ngay. Tôi tin ông Lương không phải đặc tình hay một thứ cớ mồi nào đó của cộng sản. Nỗ lực của công an Sài Gòn lẫn Đồng Nai từ những lần hỏi cung tôi, đều nhằm vào chuyện điều tra tông tích và nơi ẩn náu của ông Lương. Cách họ điều tra và nhắc đến ông Lương có vẻ khẩn trương, nóng ruột lắm. Và lại, từ nhiều tháng nay, từ lúc chưa bị bắt cho đến khi vào tù, tôi vẫn cứ nghe tin đồn là truyền đơn của Phục quốc tiếp tục tung rải ở nhiều tỉnh khác. Ông Lương đến đâu, nơi đó có truyền đơn. Ông chưa bị bắt thì công an chưa ăn ngon ngủ yên. Những người từ mới bị bắt vào sau cũng cho tôi biết về những tờ truyền đơn Phục quốc mà chính họ lượm được, hoặc được người khác chuyển tay cho đọc. Tôi không thể nghi ngờ gì ông Lương được. Cho nên, mỗi nghi về ông Lương bắt chợt chuyển hướng, dẫn tôi đến một đối

tượng khác—đối tượng này, cả công an Sài Gòn lẫn Đồng Nai đều cố ý tránh nhắc đến, hoặc không hề biết đến, nhưng đối với tôi, lại vô cùng rõ ràng, nhất là từ lúc ông Văn nhắc đến chuyện ông Lương rời Long Thành trước Giáng Sinh. Đối tượng đó là Hân. Không phải đến lúc này tôi mới nghi ngờ Hân, mà là xác định rõ hơn về hành tung của Hân đối với việc đổ vỡ của Phục quốc tại Long Thành cũng như việc công an Sài Gòn bắt tôi ngoài đường ngay khi tôi vừa rời khỏi chỗ của Hân. Cứ tuần tự theo thời gian, tôi thử phác vẽ bước đi của Hân trong vai trò đặc tình của công an Sài Gòn như sau:

- từ khi hai thầy Tuệ Sỹ và Lê Mạnh Thát bị bắt vào cuối tháng 3 năm 1984, rồi Hòa thượng Trí Thủ viên tịch đột ngột một tuần sau đó trong bệnh viện của nhà nước, Hân biết trước sau gì tôi cũng có phản ứng, bèn tìm gặp tôi tại Long Thành, kết chặt thêm tình thân, tạo thêm niềm tin nơi tôi, để rồi xâm nhập vào các hoạt động của tôi về sau;

- tháng 8 năm 1984, khi tôi vận động các bằng hữu để thành lập một lực lượng đấu tranh đòi tự do dân chủ cho Việt Nam, Hân xâm nhập vào ngay từ những bước đầu phối thai;

- trong cuộc họp đầu tiên thảo luận về cương lĩnh và danh xưng của một lực lượng mới này, Hân đề nghị lấy danh xưng Lực Lượng Việt Nam Tự Do cũng như cương lĩnh có sẵn của lực lượng đó (lực lượng này do thầy Tuệ Sỹ và Lê Mạnh Thát chủ trương); điều này có nghĩa rằng Hân muốn chúng tôi trở thành một nhóm tiếp nối lực lượng đấu tranh của thầy Tuệ Sỹ, như vậy, chúng tôi sẽ bị cộng sản kết tội dễ dàng và nhanh chóng hơn, vì chúng tôi chỉ cần sử dụng danh xưng đó là trở thành tội phạm ngay, không cần phải chờ đợi hành động mới có tang chứng để công an bắt; (nhưng thay vì lấy danh xưng Lực Lượng Việt Nam Tự Do của thầy Tuệ Sỹ, chúng tôi đã lấy tên là Hội Lạc Long);

- khi lực lượng Phục quốc mời tôi tham gia, Hân biết được liền khuyến khích tôi cộng tác đồng thời giới thiệu Hân với Phục quốc—khuyến khích tôi

cộng tác để tôi dễ bị kết tội, nhưng tôi đã không tham gia trực tiếp, chỉ đứng ngoài hỗ trợ và giới thiệu Hân cộng tác;

- sáng ngày 23 Tết, nhân dịp về Sài Gòn mua sắm đồ Tết cho chùa, tôi có đến gặp Hân, cho Hân biết về chuyện truyền đơn của Phục quốc sẽ bắt đầu rải từ những ngày cận Tết, và có thể sớm hơn tùy theo địa phương; nghe vậy, thay vì đi chợ Tết với tôi như đã hứa, Hân lại nói rằng có việc khác phải làm, rồi một mình Hân đi Long Thành mà không cho tôi biết;

- ngày 24 Tết tôi trở lại Long Thành thì được ông Bàn cho biết về sự có mặt bất ngờ của Hân hôm qua; ông Bàn cho biết Hân hỏi gặp ông Lương nhưng ông Lương đã rời Long Thành từ những ngày trước Giáng sinh; Hân nài nỉ ông Bàn cho biết chỗ ở của ông Lương hoặc bằng cách nào đó để gặp ông Lương; không được ông Bàn tiết lộ những điều đó, Hân nhờ ông Bàn nhắn với ông Lương rằng Hân muốn gặp gặp ông Lương tại nhà Hân ở Sài Gòn; cũng theo lời ông Bàn, Hân có mang theo một số truyền đơn về Sài Gòn;

- ngày 30 Tết, công an và bộ đội bố ráp khu vực xã Long Phước và Bàu Cạn, nơi phát xuất truyền đơn, bắt trọn lực lượng Phục quốc cơ sở Long Thành; chỉ có ông Lương, anh Hiền anh tôi, tôi và Hân là không bị can hệ gì vào đợt đó;

- ngày 14 tháng giêng âm lịch, tức sau Tết gần nửa tháng, Hân nhờ một người học trò tôi từ Sài Gòn lên Long Thành, nhắn tôi về Sài Gòn gấp; tại Sài Gòn, tôi hỏi Hân tại sao nhắn tôi về gấp, Hân nói Thượng tọa Đức Nhân không muốn tôi bị bắt nên nhờ Hân nhắn tôi đến gặp Thượng tọa; tôi về bái kiến Thượng tọa thì ngài nói ngài không nhắn gì với Hân cả, chỉ có hội thăm về tình hình an nguy của tôi mà thôi; vài ngày sau thì tôi được người thân tin ở Long Thành về Sài Gòn báo tin cho biết rằng công an Đồng Nai vào chùa tìm bắt tôi ngay buổi tối 14, đúng vào ngày mà tôi rời bỏ Long Thành;

- Hân không muốn tôi bị bắt ở Long Thành không phải vì bảo vệ tôi, mà vì muốn nộp tôi cho công an Sài Gòn, nơi mà Hân nhận công tác làm đặc tình, để được thưởng công; Hân tìm gặp ông Lương cũng cùng một mục



đích trên, tức là Hân muốn cả tôi và ông Lương đều bị bắt bởi công an Sài Gòn chứ không phải công an Đồng Nai...

Lúc còn ở trại T20 chưa chuyển đến trại này, với sự “điểm nhãn” của người bạn tù là ông Trọng, tôi đã hiểu ra là Hân gạt tôi, nhưng bây giờ suy lại theo thứ lớp thời gian một lần nữa, tôi thấy sự việc tưởng tận hơn. Rõ ràng là tôi đã bị Hân gạt. Hân hoàn toàn đóng kịch với tôi. Nhưng thôi, giận trách làm gì ở nước này! Vào tù rồi mới nhận hiểu thì đã quá muộn. Thực ra, tôi ngu dại không nhận biết gì hết thì hay hơn. Thà mình vô tư, nhẹ dạ, chẳng hiểu chẳng biết gì, cứ bị gạt, bị nạn, để lúc nào cũng còn thấy có bạn tốt trên đời, còn hơn hiểu ra tất cả, nghi ngờ tất cả, để rồi sống trong đau khổ, buồn rầu, thất vọng... Tôi nhớ mang máng Voltaire có nói rằng “ngờ vực tức là làm cho người khác phản bội mình.” Có thể đối với Hân, tôi đã không hết lòng tin anh ngay từ lúc đầu. Hành tung của anh lạ lắm: anh đến với ai, người đó cũng đâm ngòi ngờ anh-ngay cả một người cả tin nhẹ dạ như tôi mà còn vậy nói chi người khác! Như vậy, Hân gạt tôi, phản bội tôi, cũng đáng đời tôi lắm rồi!

Kể từ hôm nay, tôi tự rút ra một bài học nghìn vàng để sống giữa xã hội này: tin tưởng và thương yêu mọi người thì sẽ chết, mà nghi ngờ và thù ghét hết mọi người thì cũng chết! Vậy thì, mặc gì phải sống bằng cái tâm lý phủ định rất ư cùn mẫn nhỏ mọn kia! Cứ hết lòng mà tin tưởng và thương yêu đi chứ, vì

đang nào cũng chết mà!

Ồ, nói vậy hóa ra cái nhẹ dạ lăm lờ của tôi lâu nay cũng hợp lý với bài học trên một cách không cần tính toán! Cứ tiếp tục nhẹ dạ, dễ tin, thương yêu mọi người mà sống, dù cho họ sẽ hại mình, xô đẩy mình vào hỏa ngục...

Ông Văn lên tiếng, làm tôi hơi giật mình trở về với thực tại là đang ngồi khai cung:

“Này anh Khang, thôi tôi cho anh về phòng, khi nào có gì cần, chúng tôi sẽ hỏi lại anh nhé!”

Tôi hơi ngạc nhiên vì khi này ông nói sẽ không tính kể biên bản kết cung của công an Sài Gòn và sẽ lập biên bản khác của Đồng Nai, nhưng bây giờ rõ ràng là ông chẳng lập biên bản gì cả. Có lẽ ông chỉ muốn điều tra về ông Lương, chỗ ẩn náu của ông Lương, mà các chi tiết đó, dù tôi có muốn thành thật tối đa hơn hoặc trời phú thêm cho tôi tính hèn nhất đi nữa, cũng chẳng biết gì để khai thật.

Ông Văn trả tôi về lại chỗ văn phòng chính của trại, nơi có cô công an ngồi trực thường xuyên.

“Anh Khang à, nếu ở dưới phòng có gì rắc rối, lộn xộn, hoặc anh có bệnh gì, cứ xin quản giáo cho gặp tôi nghe. Tôi là Phương, cán bộ thụ lý hồ sơ nhân sự, cũng đặc trách về y tế của trại này,” cô nữ công an hình như đã dự trù sẽ nói với tôi những điều ấy nên ông Văn vừa rời đi, cô đã nói luôn một hơi không vấp vấp.

Tôi gật đầu.

Trở về phòng giam, tôi gặp ngay phản ứng khác lạ từ đám tù chung phòng. Khi sáng cán bộ Hón vận hỏi tôi mấy câu trước mặt mọi người và đã vô tình tiết lộ tông tích thầy tu của tôi. Bạn tù vây quanh tôi, người câu này, người câu kia, rộn lên:

“Nè, anh là tu sĩ hả?”

“Ông là thầy tu mà, phải gọi ông là thầy.”

“Thầy chùa đó mà!”

“Tu mười lăm năm rồi, khiếp, sao mà chịu nổi ta ơi!”

“Thít Tam Quan!”

“Không phải, Thích Tâm Quang mới đúng!”

“Ông thầy, ông thầy!”

Tôi chẳng nói gì, lẳng lặng trở về chỗ của mình, ăn trưa. Phần cơm của tôi, anh Vận lãnh giúp khi tôi vắng mặt. Tôi chẳng có thức ăn gì ngoài gói đường cát Thiện Đức chia. Ư thì ăn cơm với đường, cũng sang quá cỡ—đường cát là thứ thức ăn xa xỉ và quý nhất của tù! Cơm tù có đậm, bạc gì đâu!

Ăn xong chén cơm đầy thóc (phải lựa trước khi ăn, nhưng tôi ăn trể, chẳng có thời gian lựa thóc) thì keng báo giờ nghỉ trưa. Mọi người im lặng ai về chỗ này, kẻ trái chiều, người giăng mùng (để tránh ruồi), không ngủ cũng phải nằm yên một chỗ, không được ồn ào. Tôi cũng nằm xuống chỗ tôi, bên cạnh cái nhà cầu khai ngáy mùi nước tiểu. Một nỗi buồn nhỏ kéo đến đúng lúc sự im lặng lấp đầy phòng giam.

Buổi trưa nắng chói. Bên ngoài không một bóng cây. Thịnh thoảng, gió nhẹ nhẹ đưa vào, lung lay cái mùng treo gần cửa sổ và chỗ lồng khung. Mới đó đã có người ngáy pho pho. Những dạng người mình trần trụi, nằm xếp thành hàng lớp như những con mực đang được phơi khô trên vỉ. Đội 1 và đội 2 đưa đầu ra ngoài, đưa chân vào phía trong; đội 3 và đội 4, đưa đầu vào trong, đưa chân ra ngoài. Chân đối chân, chỉ cách nhau cái khoảng đường ở giữa để qua lại (trong tù gọi là phi đạo). Đầu thì xa nhau bằng khoảng cách chiều ngang của phòng giam. Xã hội chủ nghĩa này cũng xây dựng một xã hội người ngợm tiếp xử với nhau cũng một cách thế ấy: miễn là có lập trường cách mạng như nhau (hay ít nhất cũng gần nhau) là đủ; còn tư tưởng, có xa cách nhau bao nhiêu lại chẳng

được, đừng biểu lộ chúng ra ngoài là yên ổn rồi. Không phải tôi học theo đường hướng tiếp xử đó. Tôi chỉ theo cảm tính tự nhiên của mình, không muốn biểu lộ bất cứ hình thái tư duy hay hình thức lý tưởng nào của mình cho những người bạn tù. Như đã nói, ngay từ lúc bị bắt vào trại T20, sống bên cạnh một người bạn tù duy nhất là ông Trọng, tôi còn không muốn tự giới thiệu, tự phơi bày tông tích của mình, huống gì cả một đám tù trên sáu mươi người, phức tạp như ở đây! Tôi muốn hòa nhập trọn vẹn với họ trong sinh hoạt, nhưng rồi cũng bị đẩy dôi ra. Rồi rành là khi những bạn tù trong phòng giam này phát giác ra rằng tôi là tu sĩ, tự dưng tôi lại thấy mất tự nhiên. Quả là tôi có chấp nhận việc đi tu thật, nhưng không phải trong cách thế một nhà tu mà ai nhìn vào cũng phải nẩy ra một thứ định kiến (tốt hoặc xấu) nào đó. Tôi muốn là giọt nước tan vào chậu nước biển, hạt bụi rơi vào đồng cát sạn, chứ đâu muốn làm ông thầy tu lúi vào đám tù! Có thể do bản tính cố chấp, cực đoan, muốn cái gì thì rõ ràng cái đó, nên tôi chỉ có thể tự tại trong cửa thiền khi tôi là một nhà tu, còn muốn tự tại trong cuộc đời thì tôi phải là người thế tục! Mà có thể vì một lý do dễ hiểu hơn: tôi chưa đắc đạo; tôi hãy còn là một ông thầy tu dở, kém đạo hạnh. Một kẻ tu hành còn chấp trước, còn lằng xằng thụt thò trước những cảm dỗ của ái dục, còn đặt nặng hình thức, còn coi trọng dư luận tha nhân, còn bảo vệ cả một cái bản ngã to tướng, thì làm gì có được cái tâm tự tại vô ngại! Bởi nếu có được cái tâm tự tại ấy thì sống ở đâu, hoàn cảnh nào lại chẳng thấy an lạc!

Trở ngại rõ ràng trước mắt là mang hình thức thế tục, hình thức một tu nhân mà phải sống như một tu sĩ, tôi cảm thấy gượng gạo, lúng túng. Không phải tôi muốn che giấu tông tích thầy tu để được tự tung tự tác, đánh mất tư cách hay những oai nghi tế hạnh mà lâu nay tập luyện ở chùa đâu! Những thứ ấy, một khi đã tập luyện thuần thục rồi, trở thành một thứ bản năng thứ hai, làm sao mà đánh mất được! Dù có đi đứng nằm ngồi một cách tự nhiên, không thêm để ý đến tư cách đi nữa, người khác vẫn cứ thấy ông thầy tu có tư cách như thường! Nhưng tôi

thực sự muốn được người khác nhìn mình như là một con người rất bình thường, không có bất cứ nhãn hiệu đạo đức hay tư cách gì để dán phủ lên mình hết! Đạo đức, tác phong, thực ra chẳng là cái gì cả. Cũng chỉ là hình thức bề ngoài thôi, chẳng dính nhập gì đến đạo quả giải thoát. Đạo quả giải thoát có thể để ra muôn vàn thứ đạo hạnh nhưng muôn vàn thứ đạo hạnh thì vô phương với đến đạo quả giải thoát. Cho nên, tại sao trong hoàn cảnh những con người cời trần mặc quần xà-lòn sống theo sinh hoạt nội qui trại giam một cách bình đẳng suốt ngày đêm ở đây, tôi lại phải đón nhận thêm làm gì cái trách nhiệm thể hiện đạo đức tác phong, giữ gìn thể diện của chiếc áo tăng sĩ! Tôi chỉ muốn thể nghiệm cái tính Phật và giữ gìn cái tính Phật sẵn có trong tôi mà thôi. Tôi thực sự là không cần và không thích phải đóng vai một thầy tu trong nhà tù. Tôi chỉ muốn làm một tu nhân bình thường, làm một anh nông dân, một anh công nhân viên, một nhà buôn, hay một nghệ sĩ... Tôi có bình thường được như những người đồng tù chung quanh thì họ mới sống thực được với tôi. Tôi quá ngán ngấm cái cuộc sống giả tạo mà trong đó, tin đồn cứ đòi hỏi thầy tu phải như thế này, như thế kia; còn thầy tu thì dù biết rằng những thứ đòi hỏi trên chỉ là hình thức bề ngoài nhưng vẫn cứ phải giữ gìn từng li từng tí để chiều lòng tin đồn. Càng đáp ứng những đòi hỏi của tin đồn nhiều chừng nào, ông thầy tu càng nổi tiếng đạo hạnh chừng đó; mà đạo hạnh càng cao, càng xa cách tin đồn. Một khi những bạn tù biết tôi là thầy tu, họ sẽ xa cách tôi. Họ sẽ đề phòng, thủ thế, giữ ý tứ, không sắp gần đến tôi được. Tôi giữ gìn được cái tư cách và hình thức của tôi thì cũng đồng thời mặc nhiên yêu cầu họ tôn trọng cái tư cách và hình thức đó. Tôi bị hình thức bao bọc thì họ cũng bị hình thức ảnh hưởng. Rồi cuộc, cả tôi và họ chỉ sống cho cái hình thức, không bao giờ sống thực với nhau cả. Tôi phải làm sao đây? Bao giờ tôi mới được thực sự là tôi, bao giờ thì người ta mới nhìn nhận tôi như một con người bình thường, gần gũi với họ? Làm sao tôi có thể xoay

chuyển được con người và xã hội chung quanh mà không cần đến sự trợ giúp của các thứ nhãn hiệu đạo đức, tác phong...? Phải chăng chỉ bằng cách từ chính tôi, tự do chọn lựa đường bay và ngõ thoát của riêng mình? Vâng, có lẽ phải như vậy. Tôi muốn lột hết những nhãn hiệu thầy tu, đạo đức, tư cách, tác phong... ra khỏi con người mình để được gần gũi với con người hơn. Và cơ hội ở tù, cũng như những bạn tù chung quanh, chính là mảnh đất thiêng liêng để tôi thí nghiệm con đường dẫn thân tìm cầu ngõ thoát của tôi.

Không. Không thể được. Bây giờ không thể làm như vậy được. Tôi đã mất cơ hội để chọn lựa rồi. Cán bộ Hón đã cho mọi người biết tôi là tu sĩ Phật giáo. Và kể từ hôm nay, mọi người trong phòng giam này bắt đầu chú ý tôi, nhìn tôi như là một biểu tượng của Phật giáo. Người ta bắt đầu đánh giá Phật giáo hay tăng sĩ Phật giáo qua con người và cách sống của tôi. Tôi hãy còn trách nhiệm bảo vệ chiếc áo nhà tu của mình. Như vậy, điều trước mắt, dù thế nào đi nữa, dù nhân danh một thứ an lạc tự tâm, một thứ lý tưởng siêu việt trên mọi hình thức, tôi vẫn phải tiếp tục đóng vai một ông thầy tu có đạo đức, có tư cách riêng-mà cái tư cách đạo đức của thầy tu theo nhận xét thiển cận của quần chúng Việt Nam thì ngoài tác phong đạo đức, có hai yếu tố quan trọng là phải ăn chay và không lấy vợ.

Các vấn nạn trên không cho tôi ngủ được giấc trưa êm đềm của trại giam hôm ấy. Tôi nằm trần trổ một lúc thì một nỗi cô đơn khủng khiếp kéo đến, đè lấy ngực tôi. Một nỗi buồn nào da diết như là nhớ nhưng ai, nhớ nhưng một cái gì đó mơ hồ đã mất dấu trong ký ức... Hình như tôi muốn khóc. Tôi thấy tôi nhỏ bé lại như thuở lên chín, lên mười, lúc chưa xuất gia. Tôi nhớ nhà.

(Hết Chương Hai, mời xem tiếp Chương Ba trong số tới)



Tinh Tấn vì đạo hay là Tôn Giả Phú Lâu Na

Soạn giả: THÍCH MINH CHIẾU

(Truyện Cổ Phật Giáo)

TRUYỆN TÍCH PHẬT GIÁO

Mùa Đông đã tàn, khí trời dần dần ấm áp. Dưới ánh sáng bình minh, muôn cánh hoa đang vươn mình phô sắc. Trên cành, chim chóc đã rời tổ cất tiếng hát trong trẻo, như để chào mừng ánh sáng đã trở về, hay để tiễn chân nhà đạo sĩ sắp lên đường quên mình vì Đạo.

Trong thành Ba La Nại, ngôi Tịnh xá Trúc Lâm kiến trúc trên một canh đồi rộng rãi, cây cối um tùm tĩnh mịch dần dần hiện rõ trong đám sương mù.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn đang an tọa trong Tịnh xá Trúc Lâm, dùng đạo nhãn thấy dân chúng ở nước Rô Na Ba Răn Ta đang chịu nhiều điều thống khổ dưới quyền thống trị của nhà cầm quyền Kê Hoa Đà, người Bà La Môn giáo. Người ấy đã dùng bạo lực sẵn có trong tay, ép buộc dân chúng phải tôn thờ Phạm Thiên và ngược đãi bắt bỏ những người chống đối lại.

Trước hành động bạo ác và bất công ấy, Đức Thế Tôn thương hại cho Kê Hoa Đà là một nhà trí thức mà hiện tại không có người hướng dẫn sáng suốt, tương lai không tránh khỏi ác báo trong ba đường.

Bấy giờ Đức Thế Tôn thấy trong hàng đệ tử, chỉ có Tôn giả Phú Lâu Na là người có thiện duyên với Kê Hoa Đà và dân chúng xứ ấy nên sai đến đó để giáo hóa.

Đức Thế Tôn biết rằng trên con đường truyền bá Chánh Pháp dắt người trở về con đường tươi sáng của ánh đạo Từ bi, tôn giả Phú Lâu Na sẽ gặp nhiều trở ngại thử thách của đối thủ.

Biết vậy, nên Đức Thế Tôn gọi Tôn giả Phú Lâu Na đến dạy rằng:

- Dân xứ ấy và Kê Hoa Đà độc ác lắm, ta sợ người không đủ can đảm để chịu đựng.

- Bạch Thế Tôn, con nguyện đem hết năng lực để làm tròn sứ mạng.

- Nếu đến đó bị chửi mắng, thì người nghĩ sao?

- Con nghĩ: Những lời chửi mắng kia cũng như những tảng phẩm nếu họ đem đến tặng cho con, con không nhận, họ sẽ mang về; và con nghĩ rằng những người ấy còn hiền từ lắm, vì họ chỉ chửi

mắng mà không nhận nước con.

- Nếu họ đem nhận nước người?

- Con nghĩ rằng: Họ là những người tối dạ, và chỉ nhận nước mà không lấy đá ném vào đầu con.

- Nếu họ dùng đá ném vào đầu người?

- Con nghĩ rằng: Họ rất tốt vì chỉ lấy đá ném vào đầu mà không dùng gậy đập con.

- Nếu họ dùng gậy đập người?

- Con nghĩ rằng: Họ rất hiền từ vì chỉ dùng gậy đập mà không giam cầm, ngăn cản bước đường truyền đạo của con.

- Nếu họ giam cầm người?

- Con nghĩ rằng: Những người ấy rất tử tế, vì họ giúp con có thời gian tĩnh dưỡng tinh thần để nung luyện thêm ý chí, mà không dùng gươm đâm chém con.

- Nếu họ lấy gươm đâm chém người?

- Con nghĩ rằng: Họ rất tốt dạ, vì chỉ đâm chém mà không giết chết con.

- Nếu họ giết chết người?

- Bạch Thế Tôn, con rất vui mừng, vì những người kia đã dùng tâm tử bi giúp cho con sớm thoát khỏi tầm thân giả tạm đau khổ này, để chóng thành quả vị Vô Thượng Giác.

Đức Thế Tôn dạy: "Hay thay! Hay thay! Phú Lâu Na người đã có một ý chí

manh mẽ. Người đã biết khinh thường thân mạng để phụng sự chân lý. Người thật là một người đệ tử trung kiên của ta, đáng thay ta đến xứ ấy truyền bá Chánh Pháp hướng mọi người trở về con đường sáng đầy an lạc và giải thoát."

Tôn giả Phú Lâu Na đánh lễ, vâng lời Phật dạy rồi từ giả lên đường sang xứ Rô Na Ba Răn Ta.

Thiện Bình

"Chúng sanh cần con đến

Đạo pháp cần con đi

Không nề gian lao,

không từ khó nhọc,

Quyết tâm làm tròn nhiệm vụ
của vị NHƯ LAI SƯ GIẢ"



The Story of Deva(Angel) Ankura

Dhammapada, Verse 356, 357, 358 & 359

While on a visit to the Tavatimsa deva(angel) realm, the Buddha uttered Verses (356) to (359) of this book, with reference to a deva(angel) named Ankura.

The Buddha visited the Tavatimsa deva(angel) realm to expound the Abhidhamma to Deva(Angel) Santusita, who had been his mother. During that time, there was a deva(angel) named Indaka in Tavatimsa. Indaka, in his last existence as a man, had offered a little alms-food to Thera Anuruddha. As this good deed was made to a thera within the period of the Buddha's Teaching he was amply rewarded for it. Thus, on his death he was reborn in the Tavatimsa realm and was lavishly bestowed with the luxuries of the deva(angel) world. At that time, there was also another deva(angel) by the name of Ankura in Tavatimsa who had given much in charity; in fact, many times more than what Indaka had given. But his charity was made outside the period of the Teaching of any of the Buddhas. So, in spite of his lavish and grand charities, he was enjoying the benefits of the life of a deva(angel) on a much smaller scale than Indaka, who had offered very little. As the Buddha was then at Tavatimsa, Ankura asked him the reason for the discrepancy in gaining the benefits. To him the Buddha answered, "O deva! When giving charities and donations you should choose whom you give, for acts of charities are just like seeds. Seeds put into fertile soil will grow into strong, vigorous plants or trees and will bear much fruit; but you had sown your seed in poor soil, so you reap poorly."

Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 356: Weeds damage fields; lust spoils all beings. Therefore, giving to those free from lust yields great benefit.

Verse 357: Weeds damage fields; ill will spoils all beings. Therefore, giving to those free from ill will yields great benefit.

Verse 358: Weeds damage fields; ignorance spoils all beings. Therefore, giving to those free from ignorance yields great benefit.

Verse 359: Weeds damage fields; covetousness spoils all beings. Therefore, giving to those free from covetousness yields great benefit.

Translated by **Daw Mya Tin, M.A.,**
Burma Pitaka Association, Rangoon,
Burma.

